

Chủ biên:

Trần Ngọc Trác
Nguyễn Văn Ưông
Phan Cư
Thân Trọng Sơn

Và sự tham gia của:

Trần Ngọc Thái Anh
Hoàng Văn Bình
Bạch Thùy Dung
Nguyễn Trung Đình
Trần Ngọc Hiệp
Hồ Thanh Hùng
Trần Thanh Hùng
LOG
Nguyễn Lai
Mưu Lê
Nguyễn Đăng Lợi
Đình Nghĩ
Trần Hoàng Vũ Nguyên
Nguyễn Mậu Pháp
Bào Thanh
Phú Đại Tiềm
Ngọc Tuyết
La Cẩm Vân
Phạm Vũ

Chúc
mừng
văn
mới

KHÁT VỌNG
Xuân Tân Mão



KHÁT VỌNG MÙA XUÂN

TÂN MÃO 2011

Quê hương yêu dấu

NGUYỄN HUY KHUYẾN	Mộc bản, bộ sách từ học giải nghĩa địa phương TỰ ĐỨC	3
NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	Khi mùa xuân qua (thơ)	11
TRẦN NGỌC TRÁC	Ngẫu hứng Lâm Đồng	12
HUY NHIÊN	Đò dọc (thơ)	12
TRẦN HỮU LỤC	Đón giao thừa thời @ (thơ)	13
HOÀNG KIM NGỌC	Một vài suy nghĩ về hoa và nghề trồng hoa ở Đà Lạt	14
NGỌC TUYẾT	Đà Lạt phiên khúc đêm (thơ)	20
PHÚ ĐẠI TIÊM	Chút rằm đắm đuối men trắng (thơ)	22
DUNG THỊ VÂN	Khai bút nhớ người (thơ)	23
NGUYỄN CẢNH TUÂN	Bốn mùa (thơ)	23
HỒ MINH	Nắng xuân (thơ)	24
NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Thôi đừng (thơ)	24
BÙI LƯƠNG	Lời ru của thầy (thơ)	25
KHẮC DŨNG	Đà Lạt từ đô thị loại 1 đến đô thị di sản kiến trúc	25
NGUYỄN HỮU TRẠNH	Ngày ấy, YERSIN	31
PHAN TÂN TÔ	Ấn tượng Đà Lạt	34
LÊ ĐÌNH CẢNH	Lời thề sương sa (thơ)	38
TÔN PHONG	Ông già bán ngô ở chợ Đà Lạt (thơ)	38
BÙI VĂN DUNG	Tự khúc Đà Lạt (thơ)	39
TRẦN TRỌNG VẤN	Người nặng tình với thơ Việt	40
LÊ HUY MẬU	Khúc hát sông quê (thơ)	43
HOÀNG VĂN BÌNH	Đôi điều về bài thơ khúc hát sông quê	45
TRỊNH BỬU HOÀI	Chuyến xe định mệnh (truyện ngắn)	47
TRẦN SỸ THỨ	Đà Lạt (thơ)	50
NGUYỄN THANH MỪNG	Qua Thái Nguyên (thơ)	50
NGUYỄN HỮU QUÝ	Rượu cần (thơ)	50
NGUYỄN MẬU PHÁP	Im lặng trên cao (thơ)	51
NGUYỄN MÀN KIM	Một mình (thơ)	52
NGỌC TUYẾT	Trăng tháng chạp (thơ)	53
	Đi ngang tháng chạp (thơ)	53

Xuân Hạ Thu Đông

PHAN CƯ	Tản mạn về những văn nghệ sỹ tuổi Mão	54
NGUYỄN VĂN UÔNG	Thú chơi dân gian tết Huế	62
NGUYỄN HƯNG HẢI	Chiều 30 tết (thơ)	73
NGUYỄN NGỌC PHÚ	Lời bình chiều 30 tết	74
PHƯƠNG NGUYỄN	Email miền xanh thắm (thơ)	75
PHAN NGUYỄN MÂN	Chú tròn (truyện ngắn)	76
TRẦN THANH HÙNG	Ru em trong đêm xa (thơ)	81
PHAN ĐỨC NAM	Đãi cát tìm vàng (truyện ngắn)	82
NGŨ HÀNH SƠN	Tiếng chuông chiều (truyện ngắn)	85
PHẠM VŨ	Thành phố lạc vào cổ tích (thơ)	94
T. HOÀNG VŨ NGUYỄN	Sao không cùng say (thơ)	95

Hương vị quê hương

LÊ QUANG KẾT	Hương trà B'LAO	96
PHAN CƯ	Món Mắm thính của Mẹ tôi	99

Chân dung văn nghệ

BÙI PHƯƠNG THẢO	Cha tôi - Nhà thơ Quang Dũng	
THÂN TRỌNG SƠN	JACQUES PRÉVERT	100
BẢO THANH	Tết DENVER (thơ)	103
TRƯƠNG XUÂN HUY	Yêu mãi trong đời (thơ)	113
MINH LÂN	Thiên nhiên tết Trường Sa	114
		115

Nghệ thuật KHÁT VỌNG

NGUYỄN THỤY KHA	Chuyện tuyển chọn 1000 ca khúc	
ĐÌNH NGHĨ	Bóng chiều (nhạc)	119
NGỌC HIẾU	Tự tình đêm Hà Nội (nhạc)	123
HỒ THANH HÙNG	Đi chơi xuân (nhạc)	124
	Ảnh NGUYỄN LAI	125
	Tranh ĐẶNG MẬU TRIẾT	126
	Tranh NGUYỄN ĐĂNG LỢI	127
	Tranh TRẦN NGỌC THÁI ANH	128
	Ảnh MPK	129
	Tranh LOG	130
	Mặt nạ Tuồng cung đình Huế qua nét vẽ của	131
	Nghệ sỹ ưu tú LA CHÁU	132
	Thư pháp MƯU LÊ	133

Thư giãn

UGNO.VN	Năm mèo cười với mèo	134
---------	----------------------	-----

Tủ sách KHÁT VỌNG

ĐÌNH NGHĨ	Trở về đời cỏ cháy (CD ca nhạc)	138
PHÚ ĐẠI TIÊM	Thức với mặt trời (tập thơ)	138
NGŨ HÀNH SƠN	Tiếng chuông chiều (tập chuyện ngắn)	138
T. HOÀNG VŨ NGUYỄN	Ngựa núi (tập thơ)	138



NGUYỄN HUY KHUYỀN

MỘC BẢN BỘ SÁCH TỰ HỌC GIẢI NGHĨA CA của Vua TỰ ĐỨC

1. Dẫn luận

Trong kho chuyên dụng của Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV hiện còn lưu giữ được một số bộ sách Mộc bản có ngôn ngữ bằng cả chữ Hán và chữ Nôm là: Luận ngữ thích nghĩa ca, Tự học giải nghĩa ca, Tam thiên tự. Trong đó bộ sách Tự học giải nghĩa ca do vua Tự Đức biên soạn (1848 – 1883). Sách gồm 13 quyển và hiện còn 180 tờ khổ 20 x 30cm. Đây là một bộ sách làm theo thể thơ lục bát và là cuốn sách nhằm phổ biến việc học chữ Hán và cả chữ Nôm trong cung đình.

Hiện nay trong các bản Tự Đức Thánh chế tự học giải nghĩa ca (gọi tắt là Tự học giải nghĩa ca) hiện được lưu giữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm: gồm 9 bản in bộ 13 quyển, có mục lục, có chữ Hán:

VHv.626/1 - 4; VHv.627/1 - 4;
VHv.628/1 - 4; VHv.629/1 - 4;
VHv.630/1 - 4; VHv.631/1 - 4;
VHv.633/1 - 4. In năm Thành Thái 9

(1897), 610 tr, 28 x 18. Các bản VHv.626 đến VHv.631 đều cùng một ván khắc, giấy lệnh hội. Riêng VHv.626 ngay đầu sách có sắc chỉ của nhà vua cho in sách, cùng các bài biểu do bề tôi phụng soạn, giấy còn mới, có thể in muộn hơn nhưng vẫn cùng một ván khắc với các bản VHv.627 - VHv.631.

AB.5/1 -2 in năm Thành Thái 10 (1898), 602 tr, 28 x 17.

AB.311 in năm Thành Thái 10 (1898), 144 tr, 29 x 17 (chỉ còn từ quyển 7 đến quyển 9).

Các bản này đều đã được in và đã được độc giả nghiên cứu tiếp cận rất nhiều, song bản gốc duy nhất của bộ sách này thì chưa có nhà nghiên cứu nào quan tâm tới. Trong bài viết này chúng tôi muốn giới thiệu một số nét về bộ ván in sách Tự học giải nghĩa ca qua Mộc bản để các nhà nghiên cứu quan tâm.

Bộ sách mang ký hiệu H135 có số ký hiệu từ 28039 đến 28147, bản ván in này còn tổng cộng 108 tấm, trong đó có 36 tấm khắc 1 mặt với 72 trang, còn lại 72 tấm khắc 2 mặt với 288 trang, tổng cộng hiện sách còn 360 trang mỗi trang khắc khổ 13x22cm, (không kể gáy ở giữa mặt khắc),



Ảnh Trần Ngọc Trác

mỗi trang 5 dòng, mỗi dòng trung bình từ 4 đến 5 chữ Hán khắc lớn hơn các chữ Nôm dùng để giải nghĩa. Chữ khắc đẹp, chữ Hán cỡ to ghi trên, chữ Nôm cỡ nhỏ hơn ghi dưới để giải nghĩa cho chữ Hán theo vần lục bát, nhiều chỗ có chép chữ đôi và thêm chữ đệm, ví dụ: Phong là gió, thì chữ là ở đây đóng vai trò chữ đệm.

2. Quan điểm làm sử và những tác phẩm của vua Tự Đức

Ngoài bộ sách Tự học giải nghĩa ca Vua Tự Đức còn có nhiều những đóng góp đáng quý cho nền văn hoá nước nhà. Đối với việc biên soạn sách sử nhà vua rất có nhiệt tâm, các sử quan chép sử trọng yếu đều hoàn thành dưới triều đại này. Như bộ sách quan trọng như Khâm định Việt sử thông giám cương mục gồm 52 quyển (5 quyển tiền biên và 47 quyển chính biên), đây là bộ sách lịch sử từ thời thượng cổ đến đời nhà Hậu Lê được soạn từ năm 1856 – 1859 và đến đầu năm 1884 mới ấn hành. Trong tờ dụ đình thần chuẩn bị biên soạn bộ Khâm định Việt sử thông giám cương mục vua Tự Đức cũng đã viết: : “Nhất đại chi hưng, tất hữu nhất đại chi sử”, nghĩa là đời nào lập nên sự nghiệp, tất nhiên phải có sử của đời ấy. Hay như trong tờ dụ đề ngày 22 tháng 1 năm 1856 nói về việc biên soạn bộ sử này, vua Tự Đức cũng viết: “Gần đây, việc học quốc sử, chưa ra mệnh lệnh bắt phải gia công, cho nên học trò đọc sách hoặc làm văn, chỉ biết có sử Trung Quốc, ít người đoái hoài đến sử nước nhà! ...Đạo học sở dĩ chưa được sáng tỏ, nguyên nhân chẳng phải vì sử cũ chưa được đầy đủ đó sao?”.

Hai bộ sử quan trọng khác là Đại Nam thực lục và Đại Nam liệt truyện đã bắt đầu biên soạn từ đời vua Minh Mạng (1820 - 1840) cũng được biên soạn dưới triều vua Tự Đức. Đại Nam liệt truyện tiền biên hoàn thành năm 1852. Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ hoàn thành năm 1861, Đại Nam thực lục chính biên đệ tam kỷ hoàn thành năm 1879. Riêng những sáng tác của Vua Tự Đức có các tác phẩm sau:

Ngự chế Việt sử tổng vịnh tập

Ngự chế thi văn tập

Tư huấn lục

Khâm định đối sách chuẩn thẳng

Cơ dự tự tỉnh thi tập

Thập điều diễn ca

Luận ngữ thích nghĩa ca

Tự học giải nghĩa ca

Ngự định tam diệu pháp thiếp

Thánh chế thi tam tập

Thánh chế văn tam tập...

Trong đó bản gốc những bộ sách Ngự chế Việt sử tổng vịnh tập, Khâm định đối sách chuẩn thẳng, Luận ngữ thích nghĩa ca, Tự học giải nghĩa ca, Ngự định tam diệu pháp



Thánh chế thi tam tập, Thánh chế văn tam tập...hiện đang bảo quản tại kho chuyên dụng Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV – Đà Lạt.

3. Về Mộc bản sách Tự học giải nghĩa ca

Chữ Hán trong Tự học giải nghĩa ca được phân chia làm 7 môn loại (gồm: Kham dư, chính hóa, nhân sự, khí dụng, thảo mộc, cầm thú và trùng ngư), mỗi môn loại lại chia thành thượng và hạ (trừ môn loại cầm thú và trùng ngư), riêng môn loại nhân sự có thêm phần trung.

Chữ Nôm trong Tự học giải nghĩa ca là một giai đoạn chữ Nôm cuối cùng được sử dụng, nó ghi dấu một thời kì chữ Nôm phát triển đã đến độ ổn định và tương đối hoàn thiện về nhiều mặt. Nghiên cứu và giải mã Tự học giải nghĩa ca để làm sáng tỏ sự hoàn thiện của chữ Nôm thế kỉ XIX, cũng là giai đoạn cuối của chặng đường hình thành – phát triển – ổn định và hoàn thiện; về mục đích chuẩn hóa, phổ biến và tiến tới phổ cập chữ Nôm cũng như nhu cầu

sử dụng chữ Nôm như là một văn tự quan phương chính thức của dân tộc, nhằm thay thế cho địa vị thống trị của chữ Hán cũng như văn hóa Hán từ đó về trước của triều đình nhà Nguyễn.

Tự học giải nghĩa ca là một cuốn sách do một vị vua nổi tiếng hay chữ, học rộng của triều Nguyễn làm ra, bên cạnh đó là một tập thể học giả uyên bác kiểm đính như Ngô Huệ Liên, Hoàng Hữu Xứng, Hoàng Bính và được khắc in công phu. Như vậy, chứng tỏ nó là một cuốn sách có tính điển chế cao, chữ nghĩa có tính chuẩn mực và là quyển sách rất tốt cho công việc học tập tra cứu chữ Hán và chữ Nôm đương thời.

Về cách giải nghĩa của sách chúng tôi xin lược khảo như sau:

Chữ lớn nhất: Trên một trang sách là những chữ Hán đọc âm như: Thiên, địa, vị, phúc, tái, lưu, mẫn... Những chữ Hán này được tác giả giải nghĩa bằng chữ Nôm, và được khắc ngay bên cạnh hoặc bên dưới những chữ Hán.

Chữ lớn vừa: Là những chữ Nôm dùng để giải nghĩa cho chữ Hán lớn ví dụ: trời, đất, ngôi, che, chờ, trôi, đây.

Chữ nhỏ vừa: Đó là những chữ Hán nhỏ, khi cần chú thích nghĩa cho chữ Nôm, ví dụ: “Yêm bất minh dã, Trầm cửu âm dã” [Yêm là không sáng vậy, trầm là râm vậy].

Chữ nhỏ nhất: Là những chữ Hán nằm ngay bên cạnh chữ Hán lớn nhất, tác dụng của những chữ Hán nhỏ này là dùng để đọc âm cho chữ Hán lớn.



Tự học giải nghĩa ca là một cuốn từ điển dạy chữ Hán bằng cách dùng chữ Nôm giải nghĩa chữ Hán, đây là cách làm không mới mà đã có truyền thống từ các thế kỉ trước. Thông qua cách làm này tác giả muốn chữ Nôm có một lối viết ổn định, tiến tới cố định nhất nhằm phổ biến việc truyền bá chữ Nôm trong quần chúng về các mặt như: cách viết chữ và các thói quen dùng chữ, tiến tới sử dụng chữ Nôm như một công cụ giao tiếp... hạn chế tầm ảnh hưởng của chữ Hán trong các lĩnh vực trước tác, hành chính và giáo dục. Vì vậy mà việc học tập chữ Hán và chữ Nôm trong cung và ngoài dân gian đều có sự thống nhất về mặt hiểu nghĩa và cách viết chữ.

Tự học giải nghĩa ca của Vua Tự Đức cũng đã phân nào kế thừa các tác phẩm cùng loại trước đó, tuy vậy số lượng chữ Hán được tác giả phát triển thêm lớn hơn rất nhiều so với các tác phẩm cùng thời. Đã xuất hiện rất nhiều chữ khó hoặc là những chữ ít được sử dụng trong các văn bản trước đây. Song bộ sách này cũng là một cuốn từ điển Hán Nôm tương đối đầy đủ thuận tiện cho việc tra cứu, đặc biệt là những từ phương ngữ của miền Trung hay của Huế, và nó cũng là một cuốn từ điển rất có giá trị cho giới nghiên cứu ngôn ngữ hiện nay.

Theo số liệu thống kê của Nguyễn Thị Lan trong luận văn Thạc sĩ Hán Nôm Tìm hiểu loại hình sách song ngữ Hán Nôm dạy chữ Hán (qua nghiên cứu tam thiên tự giải âm thì số mục từ Hán được giải nghĩa trong các tự - từ điển Hán - Nôm như sau:

Đại Nam quốc ngữ: 4.779 mục từ, Nam phương danh vật bị khảo: 4.461 mục từ, Nan tự giải âm: 1.066 chữ, Ngũ thiên tự: khoảng 5.000 chữ, Nhật dụng thường đàm: 2.560 mục từ, Tam thiên tự giải âm: 2.988 chữ, Thiên tự văn giải âm: khoảng 1.000 chữ. Riêng Tự học giải nghĩa ca, theo thống kê của Hà Đăng Việt thống kê phần Kham dư loại được 727 mục từ, và lấy con số này để ước lượng chung số lượng cho cả cuốn sách là 9.500 mục từ, sau đây chúng tôi sẽ đi vào ví dụ cụ thể cách giải nghĩa từng quyển một trong bộ sách này. Tuy nhiên, do dung lượng bài viết có hạn nên chúng tôi chỉ xin trích dẫn mỗi quyển 10 câu đầu.

Quyển 1: Còn 4 tờ ứng với 8 trang, đây là môn loại Kham Dư thượng dùng để chỉ Thiên văn và địa lý. Những hiện tượng trong tự nhiên như trời đất, mây mưa các hiện tượng địa lý, ngày đêm... được ghi chép lại đầy đủ trong quyển 1 này. Ví dụ cách giải âm theo thể lục bát làm cho người học dễ nhớ và dễ học. Để cho thống nhất chúng tôi quy định chữ in đứng là chữ Hán, chữ in nghiêng là chữ Nôm dùng để giải nghĩa cho chữ Hán. Ví dụ:

*Thiên trời địa đất vị ngôi
Phúc che tái chớ lưu trôi mẫn đầy
Cao cao bác rộng hậu dày
Thần mai mộ tối chuyển xây di dờ
Nguyệt mặt trăng Nhật mặt trời
Chiếu soi lâm tới thể đời niên năm
Sóc mừng một vọng ngày rằm
Trú ngày hồi tới thô nhem minh mờ*

*Muội khi ban sáng lơ đờ
Ngũ giờ chính Ngọ, bô giờ quá trưa...*

Quyển 2: Còn 12 tờ với 22 trang
Kham dư hạ nói về Thiên văn và địa lý.
Ở quyển này tác giả tập trung đi sâu giải
nghĩa các địa danh về địa lý như núi
non đường sá.

Ví dụ:

*Đại núi Thái Đại phương đông
Hoa núi Tây Nhạc ở vùng châu Lương
Tung núi Tung Nhạc trung ương
Không Đồng núi ở chính phương bắc
thần
Mân là núi ở châu Mân
Bi Đế hình núi dần dần thấp xuôi
Giới là núi Giới Chi Thôi
Kê là núi gọi tên người Kê Khang
bý là núi đứng theo hàng
Bành hang cửa mã Tất đường núi nam*

Quyển 3: Còn 13 tờ với 26 trang
Nhân sự loại phần thượng. Trong
quyển này tác giả đã đi vào chú giải
những chữ Hán có liên quan đến con
người, các bộ phận trên cơ thể của con
người. Ví dụ:

*Phụ cha mẫu mẹ sản sinh
Phụ da phát tóc thân mình kiên vai
Đầu đầu tí mũi nhĩ tai
Nghạch trán mục mắt đồng người mi
mày
Xi răng thiết lưỡi thần môi
Bối lưng diện mặt yếm tai tình tròng
Não óc huyết máu mao lông
Yêu lưng dịch nách dương trong trang
mày
Túc chân khang bụng thủ tay*

*Khẩu miệng cánh cổ mâu người thủ
đầu...*

Quyển 4: Còn 15 tờ với 30
trang Nhân sự loại phần trung. Trong
quyển này tác giả lại đi sâu vào giải
nghĩa những chữ Hán nói về cách ăn
nói, tính cách của con người. Ví dụ: Ở
quyển này là một cách giải nghĩa chữ
Hán theo công việc riêng của từng
nghề.

Ví dụ:

*Túc thợ ngọc huỳnh thép vàng
Ma mài trác chạm viên mang bả cầm
Chiêm nhìn thuyết nói thai cười
Biến lời nói khéo ngan lời nói què
Lũy nói đón bộc nói che
Dự khen thí ví san chê đàm bàn
Trọng nói khích hu nói càn
Khá trách mạ mắng tá than đề ừ
Miễn nói dỗ tấn nói lừa
Du dua trước mặt duyệt ưa trong lòng
Mỵ nói dối thiêm nói không
Tổ kêu oan uống yết cùng tâm tư*

Quyển 5: Còn 11 tờ với 22
trang Nhân sự loại phần hạ.

*Dung là người mướn cố làm việc thuê
Vãn là dất ở trước xe
Lao mò dưới nước phu bè đưa qua
Tạm khắc đá kiệt thuộc da
Truy là đẽo ngọc tốt là tôi dao
Hợp là giấu lừa phiếu dựng nêu
Đà kéo thuyền xuống ba chèo thuyền
lên....*

Quyển 6: Còn 10 tờ với 20
trang Chính hoá loại phần thượng.

ĐONG DƯU ĐONG VIỆT
Ví dụ:

Từ từ tiền trước viễn xa
Đế vua hoàng cả thi ra triều gầy
Triệp bèn trách chọn ai bày
Can gốc chi nhánh diệt thay lữ chống
Y nuơng đi để hổ thông
Hậu sau tiên trước tương cùng giám soi
Tồn còn cử cất duật nơi
Quân vua thánh thánh thần tôi hiển hiển
Đại đời thị họ danh tên
Hiệu hiệu thế thế quyền quyền oai oai...

Quyển 7: Còn 14 tờ với 28 trang
Chính hoá loại phần hạ. Tập trung giải
nghĩa trong quyển này là những chữ
Hán có nghĩa chính thống với tiếng
Việt.
Ví dụ:

Vũ oai mạnh huy phát cờ
Đán tin hoàn mạnh đương vừa trương
trương
Toàn nổi nhung binh liệt hàng
Nhiều nuơng rối loạn dụ cang tư thêm
Duy lo chừng vớt nịch chìm
Cứu cứu phần cháy nhu dầm tế qua
Thảo đánh bắt chẳng xá tha
Diễn là dứt hết khừu là tay giờ
Cạnh đua bốn chạy ngư ngừ
Tốt quân soái tướng sĩ chờ mại qua

Quyển 8: Còn 15 tờ với 30 trang
Khí dụng loại phần thượng. Trong
quyển này tác giả tập trung giải nghĩa
những chữ Hán dùng để chỉ tên gọi của
đồ vật, vật dụng lớn nhỏ...

Khí là giống dụng là dùng
Cơ máy xảo khéo cung cung thất nhà
Miếu tôn miếu điện đền toà
Thự nhà quan thự thính nhà công thính
Đài đài các các đình đình
Viện viện phủ phủ thành thành lâu lâu
Đường nhà chính thang nhà cầu
Trữ nơi chỗ đứng tộ đầu thêm đông
Vu nhà tiếp thất cửa trong
Quai lầu quán quán phòng phòng nha
nha..

Quyển 9: Còn 20 tờ với 40
trang Khí dụng loại phần hạ. Trong
quyển này tác giả tập trung giải nghĩa
những chữ Hán dùng để chỉ tên gọi
của đồ vật, vật dụng lớn nhỏ...
Ví dụ:

Tổ giải tổ anh giải anh
Thông màu ngại đạo màu xanh ánh
vàng
Mạo ngọc mạo ly chuôi hương
Châu lụa sắc đỏ cừ hàng không bông
Tăng giải tóc chi áo lông
Chấn áo đơn cách lột trong áo cừu
Đoá áo rộng ổ khăn lau
Thông màu trướng sáo nhiên màu nha
lang
Phi lụa đỏ lật lụa vàng
Huệ vải nhỏ mỏng kiên hàng bền thưa..

Quyển 10: Còn 22 tờ với 44
trang Thảo mộc loại phần thượng.
Tập trung lý giải những chữ Hán dùng
để chỉ những giống loài thảo mộc
khắp nơi.
Ví dụ:

Các loài thảo mộc
Thảo mộc loại thượng
Thảo mộc loại trung
Thảo mộc loại hạ
Thảo mộc loại trung
Thảo mộc loại hạ
Thảo mộc loại trung
Thảo mộc loại hạ
Thảo mộc loại trung
Thảo mộc loại hạ

Quyển 11: Còn
trung Thảo mộc loại phần
trung lý giải những chữ
chỉ những giống loài thảo
mộc.
Ví dụ:

Thảo mộc loại trung
Thảo mộc loại trung
Thảo mộc loại trung
Thảo mộc loại trung
Thảo mộc loại trung
Thảo mộc loại trung
Thảo mộc loại trung
Thảo mộc loại trung
Thảo mộc loại trung
Thảo mộc loại trung

Quyển 12: Còn
trang Cẩm thú loại. Ở tr
này tác giả lại tập trung
những chữ Hán có liên
muôn loài cầm thú, nhữ
của cầm thú.
Ví dụ:

Cầm chim độc nghệ thái m
Vĩ đuôi linh cánh vũ lông
Phi bay tẩu chạy mình kên
Hoạn nuôi tư để khoả nhi
Phượng chim phượng nòi
Khôi khôi sạt sạt ung ung
Diên điều áp vịt kẻ gà
Trĩ là chim trĩ loan là chim

Tập trung giải nghĩa trong quyển này là những chữ Hán có nghĩa chính thống với tiếng Việt.

Ví dụ:

*Từ từ tiền trước viễn xa
Đề vua hoàng cả thi ra triệu gầy
Triệp bèn trạch chọn ai bày
Can gốc chi nhánh diệt thay lữ chồng
Y nương di để hổ thông
Hậu sau tiền trước tương cùng giám soi
Tồn còn cử cất duật noi
Quân vua thánh thánh thần tôi hiền hiền
Đại đời thị họ danh tên
Hiệu hiệu thể thể quyền quyền oai oai...*

Quyển 7: Còn 14 tờ với 28 trang Chính hoá loại phần hạ. Tập trung giải nghĩa trong quyển này là những chữ Hán có nghĩa chính thống với tiếng Việt.

Ví dụ:

*Vũ oai mạnh huy phát cờ
Đàn tin hoàn mạnh đương vừa trương trương
Toàn nôi nhung binh liệt hàng
Nhiều nhưong rối loạn dụ càng tư thêm
Duy lo chừng vớt nịch chìm
Cửu cửu phần chấy nhu dầm tế qua
Thảo đánh bắt chẳng xá tha
Điền là dứt hết khừu là tay gior
Cạnh đua bốn chạy ngự ngừa
Tốt quân soái tướng sĩ chờ mại qua*

Quyển 8: Còn 15 tờ với 30 trang Khí dụng loại phần thượng. Trong quyển này tác giả tập trung giải nghĩa những chữ Hán dùng để chỉ tên gọi của đồ vật, vật dụng lớn nhỏ...

Ví dụ:

*Khí là giống dụng là dùng
Cơ máy xảo khéo cung cung thất nhà
Miếu tôn miếu điện đền toà
Thự nhà quan thự thỉnh nhà công thỉnh
Đài đài các các đình đình
Viện viện phủ phủ thành thành lâu lâu
Đường nhà chính thang nhà cầu
Trữ nơi chỗ đứng tộ đầu thêm đông
Vu nhà tiếp thất cửa trong
Quai lâu quán quán phòng phòng nha nha..*

Quyển 9: Còn 20 tờ với 40 trang Khí dụng loại phần hạ. Trong quyển này tác giả tập trung giải nghĩa những chữ Hán dùng để chỉ tên gọi của đồ vật, vật dụng lớn nhỏ...

Ví dụ:

*Tổ giải tổ anh giải anh
Thông màu ngại đạo màu xanh ánh vàng
Mạo ngọc mạo ly chuỗi hương
Châu lụa sắc đỏ cửu hàng không bông
Tăng giải tóc chi áo lông
Chân áo đơn cách lột trong áo cửu
Đoá áo rộng ở khăn lau
Thông màu trứng sáo nhiên màu nha lang
Phi lụa đỏ lật lụa vàng
Huệ vải nhỏ mỏng kiên hàng bền thưa..*

Quyển 10: Còn 22 tờ với 44 trang Thảo mộc loại phần thượng. Tập trung lý giải những chữ Hán dùng để chỉ những giống loài thảo mộc khắp nơi.

Ví dụ:

*Thụ cây thảo cỏ hoa hoa
Cốc trăm giống lúa ấy là tên chung
Hoà lúa ương mạ thực trồng
Tục thóc phu vỏ huệ bông bình cùi
Đạo là giống gạo tháng mười
Trác là lúa đạo còn trôi lại lên
Mạn gạo đỏ phu gạo đen
Duệ là gạo trắng tra tên gạo hồng
Đang hoàng cốc khởi bạch lương
Lăng là gạo hắc kiêm răng gạo xanh...*

Quyển 11: Còn 14 từ với 28 trang Thảo mộc loại phân hạ. Tập trung lý giải những chữ Hán dùng để chỉ những giống loài thảo mộc khắp nơi.
Ví dụ:

*Thiếu thử vĩ lộc lộc song
Trường phi với vị hần đông một loài
Nhĩ mộc nhĩ mộc trên cây
Kiết mã liễu thôi ngư đôi là tên
Phẫu phẫu dĩ là xa tiền
Giải là tỳ giải tục truyền kim cương
Lỗ cũng loài mã đề hương
Kể cỏ cầu độc hu xà sàng biệt danh
Cốt cầu cốt tập ngư tinh
Thỏ là phục thỏ phục linh cùng loài...*

Quyển 12: Còn 21 từ với 42 trang Cầm thú loại. Ở trong quyển này tác giả lại tập trung giải nghĩa những chữ Hán có liên quan đến muôn loài cầm thú, những hoạt động của cầm thú.
Ví dụ:

*Cầm chim độc nghé thú muông
Vĩ đuôi linh cánh vũ lông tổ điều
Phi bay tẩu chạy minh kêu
Hoạn nuôi tư để khoả nhiều phiến đông
Phượng chim phượng nông chim nông
Khô khô sạt sạt ung ung hoà hoà
Diên điều áp vịt kê gà
Trĩ là chim trĩ loan là chim loan*

*Hạc chim hạc nhàn chim nhàn
Thê là chim đậu thì đoàn chim bay...*

Quyển 13: Còn 13 từ với 26 trang Trùng ngư loại. Cuối cùng ở trong quyển này những chữ Hán được tác giả giải nghĩa chủ yếu tập trung vào những loài sâu bọ, các loài cá trong tự nhiên.
Ví dụ:

*Trùng sâu ngư cá long rồng
Quy rùa xà rắn lý dòng rồng con
Ngoan con trạch miết con hôn
Ngạc là con sấu giao con thuồng luồng
Tự cá tự thường cả thường
Lý gây tức giết kiêu mắng phùng mè
Ương loét là con cá tre
Thiện lươn thu trách man lê con trình
Chiên cả chiên kinh cá kinh
Bạch là cá bạch thanh cá thanh nhận đây...*

4. Thay lời kết
Vốn chữ Hán trong Tự học giải nghĩa ca là rất lớn được chia thành 7 môn loại, cách phân chia, sắp xếp tự - từ theo các nhóm, phạm trù... khác nhau căn cứ vào ý nghĩa của các chữ Hán. Qua tìm hiểu, chúng tôi thấy các chữ Hán trong cuốn sách hầu hết là



những chữ ghi các tên riêng, về địa danh, nhân vật, loài vật, đồ dùng... và các khái niệm ít dùng trong ngôn ngữ quần chúng hàng ngày, vì thế nó được xem là những chữ khó hoặc vì thế mà nó khó đối với những người chưa học nhiều về chữ Hán cũng như chữ Nôm.

Về chữ Nôm trong sách Tự học giải nghĩa ca nhìn chung không tách khỏi loại hình văn tự biểu ý – âm. Trong Tự học giải nghĩa ca, hầu như không thấy xuất hiện chữ Nôm có cấu tạo hay âm đọc đặc biệt nào, mà chỉ có các chữ Nôm lược nét hoặc viết tắt, như chữ (làm) - vốn từ chữ vi của chữ Hán viết giản thể rồi đọc theo nghĩa mà thành (làm); chữ (là) là do chữ (Hán) viết tắt rồi đọc chệch âm Hán Việt (la)... Những chữ loại này không nhiều, nếu có thì được dùng tương đối thống nhất.

Như vậy, qua việc tìm hiểu cách giải nghĩa trong Tự học giải nghĩa ca chúng tôi cho rằng đây là một cuốn từ điển chữ Hán – Nôm đồ sộ về số lượng chữ nghĩa, vì vậy nó được xem như là cuốn từ điển tra cứu hữu hiệu cho việc học chữ Hán Nôm trong cung cũng như ngoài cung trong thời điểm hiện tại.

Ngày nay, với việc nghiên cứu Hán Nôm đang phát triển mạnh mẽ thì bộ sách này được giới nghiên cứu đặc biệt quan tâm trong việc nghiên cứu sự phát triển của chữ Nôm và cấu trúc của chữ Nôm thế kỷ thứ 19. Hơn nữa đây cũng là bộ sách dùng để nghiên cứu về ngôn ngữ khu vực miền trung và của Huế góp phần giữ gìn vào bản sắc văn hoá của Huế nói riêng và của Việt Nam nói chung.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Cục văn thư và Lưu trữ Nhà nước* (2004), *Một bản triều Nguyễn đề mục tổng quan*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
2. *Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV*, *Một bản sách Tự học giải nghĩa ca H 135*.
3. *Tạp chí Hán Nôm*, số 3/2007, tr 54.
4. *Thơ văn Tự Đức* (1996), Nxb Thuận Hoá, Huế.
5. Hà Đăng Việt, *Chữ Nôm trong Tự học giải nghĩa ca*, *Luận văn cao học*.
6. *Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV*, *Một bản sách Tự học giải nghĩa ca*, ký hiệu H135.



NGUYỄN THỊ KIM LIÊN

KHI MÙA XUÂN QUA

Hết mùa xuân ta không về được nữa
Nắng hạ vàng phai sắc áo chim di
Rừng mộng tưởng từ nay đành cách biệt
Ngút ngàn xanh trăm chiếc lá sầu bi

Hết mùa xuân thôi còn gì để tiếc
Tóc sương pha gió bụi dọc trường đời
Ta mãi miết trong cõi người mê muội
Có ăn năn cũng đã lỡ xuân thời

Hết mùa xuân tìm đâu ra dấu tích
Hương trầm bay ám áp nét môi cười
Nếu trở lại một thời hoa bướm cũ
Thoáng mơ hồ bao kỷ niệm chơi vơi

Hết mùa xuân thời gian như muốn khóc
Dòng sông đời cuộn cuộn chảy về xuôi
Lòng nặng trĩu bên mê từ kiếp trước
Lên đèn thương bên lở bên bồi

Hết mùa xuân cháy lên ngàn tia nắng
Sạm mặt người đau đau nỗi sâu thương
Thiên đường cũ nằm mơ nào có thấy
Quay lưng đi ánh mắt chạm chân tường

Hết mùa xuân còn ngậm ngùi nuôi tiếc
Dấu chân qua cay đắng phận con người
Hãy bình tâm đọc lời kinh cầu nguyện
Xin mai sau làm cát bụi quên đời.



TRẦN NGỌC TRÁC

NGÃU HỨNG LIM

*Cùng em về với Bắc Ninh,
Nhớ câu quan họ đưa tình í a.*

*Liên anh liền chị lại nhà,
Têm trầu cánh phượng cho ta lạy mình.*

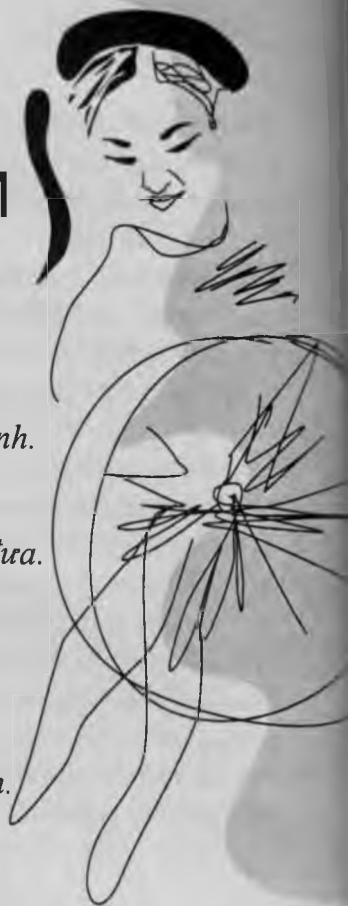
*Một lần về với Bắc Ninh,
Nón quai thao sóng sánh tình đung đưa.*

*Áo tứ thân mây cho vừa,
Mới đêm hội trẩy mà như môi nhau.*

*Nào ai rải yếm, bắc cầu
Cho tình quan họ càng sâu càng đậm.*

*Đêm nay
trăng sáng một rằm,
Gói câu quan họ,
tôi cầm sang chơi..*

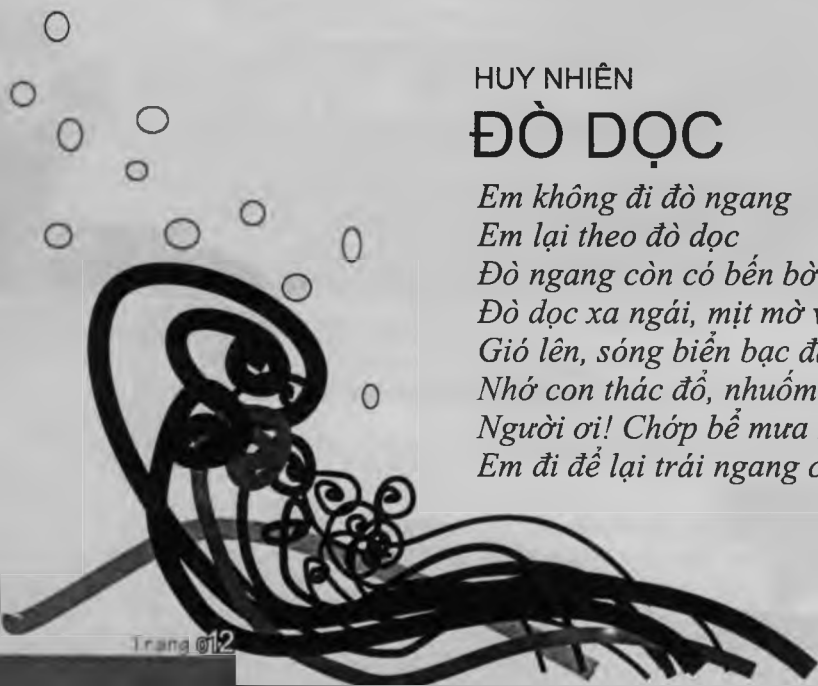
Lúng liếng là lúng liếng ơi,



HUY NHIÊN

ĐÒ DỌC

*Em không đi đò ngang
Em lại theo đò dọc
Đò ngang còn có bến bờ
Đò dọc xa ngái, mịt mờ về đâu.
Gió lên, sóng biển bạc đầu
Nhớ con thác đổ, nhuộm màu nhân gian.
Người ơi! Chớp bể mưa ngàn
Em đi để lại trái ngang cho tình.*



TRẦN HỮU LỤC

ĐÓN GIAO THỪA THỜI @

Không giờ trên máy tính
Xứ tuyết... đón giao thừa
Con chữ nhoè từng khắc
Mông muội tiếng... dạ thưa

Gà gáy vọng trong mơ ?
Gọi em... ngồi xích lại
Rất ảo màu áo xưa
Gần bên mà diệu vợi...

Anh gõ vào phím đợi
Lướt trên từng nỗi thâm...
Thương tiếng gà Gia Lạc *
Le te gọi đầu xuân...

Lướt trên nắng Sài Gòn
Tìm sắc đào Hà Nội.
Phố đông chảy dòng sông
Đau đầu mùa nước nổi.

Đêm sẽ không dừng lại
Cú phôn gọi... chúc mừng
Bên kia trời đầy tuyết
Mai em về như xuân.

(*) Con gà đất (như con tu húyt) trong chợ Tết của Huế xưa

HOÀNG KIM NGỌC

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ HOA VÀ NGHỀ TRỒNG HOA Ở ĐÀ LẠT

Thành phố Đà Lạt và tỉnh Lâm Đồng đã tổ chức thành công Festival hoa lần thứ 3. Đã có nhiều bài viết nêu bật những thành công cũng như những điểm còn hạn chế của kỳ Festival này. Vì thế trong bài viết nhỏ này chúng tôi không trở lại những nội dung đã được báo, đài đề cập khá nhiều, mà chỉ xin nêu những băn khoăn về một khía cạnh khác của Hoa Đà Lạt. Đó là hoa và nghề trồng hoa ở Đà Lạt có từ bao giờ? Có không những loài hoa quý hiếm ở Đà Lạt và làm gì để tri ân những người đã sống – chết vì sắc đẹp của ngàn hoa Đà Lạt?...



Hoa và nghề trồng hoa ở Đà Lạt ?

Hoa và nghề trồng hoa ở Đà Lạt có tự bao giờ ? Đó là một câu hỏi đơn giản nhưng rõ ràng là không thể trả lời được một cách chính xác và khoa học. Tại trang 95, Địa chí Đà Lạt, công trình do UBND thành phố Đà Lạt biên soạn và do Nhà xuất bản tổng hợp TP. Hồ Chí Minh xuất bản năm 2008, đã ghi rõ: “Từ năm 1898, đồng thời với canh tác thử nghiệm các giống rau, Trại Nông nghiệp ở Dankia đã di thực các giống hoa: Hoa hồng, Cúc trắng, Cúc tím, Dong riêng, Long nước, Sen cạn, Còcolicô, Thược dược, Mỡm sóc, Bất tử, Forget me not, Cẩm chướng, Cẩm nhung, Á phiện, Tương tự, Phong lữ, Móng rồng, Hoa tím, Cúc lá nhám...”

Như vậy, nếu căn cứ kết quả nghiên cứu này thì các loại hoa có nguồn gốc ôn đới được liệt kê trên đây, đã được trồng lần đầu tiên ở Đà Lạt. Điều này, cũng có nghĩa là năm 1898 cũng là năm khai sinh ra các loại hoa này ở thành phố Đà Lạt. Tuy nhiên, trong báo cáo của kỹ sư A. Dandré, Trưởng trạm Nông nghiệp Dankia vào ngày 15-12-1901, nghĩa là 3 năm sau, thì lại có một nhận định khác, đó là: “Năm nay, một số lượng tương đối lớn giống hoa được trồng thử. Tôi theo dõi các giống hoa cho kết quả tốt nhất và ít tốn công chăm sóc. Nói chung, có thể coi hoa ở Pháp và các vùng ôn đới rất thích hợp trên Cao nguyên Langbian. Hầu hết các giống hoa đều cho hạt tốt đã được thu hái và giữ làm giống”.

Với tư cách là người trong cuộc, nội dung báo cáo của kỹ sư, Trưởng trạm Nông nghiệp Dankia, theo chúng tôi là hoàn toàn có sức thuyết phục và đáng tin cậy hơn cả.

Như vậy, nếu căn cứ và báo cáo của vị kỹ sư này thì, năm khai sinh các loài hoa có nguồn gốc từ các vùng ôn đới ở Đà Lạt phải là năm 1901, chứ không phải là năm 1898 như kết luận của Địa chí Đà Lạt. Và rồi, theo năm tháng do điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng phù hợp, từ những hạt giống hoa đầu tiên được gieo trồng ở Trại Nông nghiệp Dankia vào những năm đầu tiên của thế kỷ trước, mà ngày nay Đà Lạt đã được nhân rộng trở thành một trong những vùng trồng hoa nổi tiếng của cả nước.



Là thành phố ngàn hoa, cho nên, hoa ở thành phố này có rất nhiều, đúng như Lâm Thị Mỹ Dạ, một nhà thơ xứ Huế, trong một lần đến Đà Lạt đã phải thốt lên: “Hoa trên trời, hoa dưới đất xôn xang”. Đúng là ở Đà Lạt, hoa hầu như hiện diện ở khắp mọi nơi, nhưng nếu có ai thắc mắc lại hỏi: Vậy thì có bao nhiêu loài hoa ở thành phố này? Đây quả là một câu hỏi không dễ trả lời. Theo Địa chí Đà Lạt, thì hiện thành phố có trên 400 loài hoa đã tồn tại từ lâu ở địa phương hay có xuất xứ từ Châu Á (Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Nhật Bản...). Châu Âu (Pháp, Hà Lan...); Châu Mỹ, Châu Phi, Châu Úc... Chính sự phong phú và đa dạng của các loài hoa này đã góp phần đáng kể tạo nên một Đà Lạt luôn rực rỡ sắc màu và có sức hấp dẫn lạ thường.

Nhân đây, xin nên đi sâu tìm hiểu sơ lược về nghề trồng hoa ở Đà Lạt, hay nói một cách khác, là nghề trồng hoa ở thành phố xinh đẹp này bắt đầu từ bao giờ? Đến khu phố Hà Đông – phường 8 - Đà Lạt, chúng tôi vẫn thường nghe một số lão nông ở đây kể về sự kiện, một số nông dân họ Ngô Văn ở làng hoa ven hồ Tây - Hà Nội, trong đó có ông Ngô Văn Bính, khi vào Đà Lạt lập nghiệp năm 1939 đã đem theo 2000 củ giống hoa Lay ơn trong hành trang của mình. Để rồi ngay mùa thu hoạch đầu tiên đã đem đến cho gia đình ông Bính một kết quả không ngờ với 400 đồng bạc Đông Dương (1) – một khoản tiền không nhỏ vào thời bấy giờ.

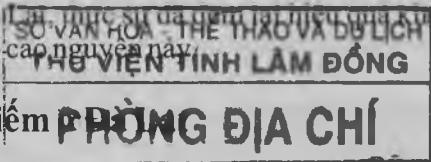
Như vậy, hoa Đà Lạt đã trở thành một sản phẩm hàng hoá có giá trị cao và là một nghề đem lại nhiều lợi nhuận cho người nông dân Đà Lạt, phải chăng xuất phát từ sự kiện trên đây?

Để trả lời tất cả những nghi vấn, bản khoản trên đây, theo chúng tôi là không quá phức tạp. Đến nay, Đà Lạt đã trải qua 2 kỳ Festival và một lần tập dượt trước đó, với rất nhiều chương trình lễ hội được tổ chức khá hoành tráng, có sức hấp dẫn đông đảo mọi người. Tuy nhiên, để dựng lại một bộ lý lịch cho hoa và nghề trồng hoa ở Đà Lạt thì chưa được quan tâm đầy đủ và đúng mức. Ngay cả Địa chí Đà Lạt, “*một công trình nghiên cứu khoa học với sự đóng góp trí tuệ, công sức và tâm huyết của nhiều tác giả, cộng tác viên là lãnh đạo tỉnh và thành phố qua các thời kỳ, các nhà khoa học, nhân sĩ trí thức, cán bộ và nhân dân trong và ngoài thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng*”(2), thì phần giới thiệu về hoa Đà Lạt cũng được trình bày khoảng 1 trang, với nội dung sơ sài, hoàn toàn chưa phản ánh được một cách đầy đủ, có hệ thống và khoa học đối với một sản phẩm vốn đã góp phần làm cho thành phố này nổi tiếng, mà Quyết định của Thủ tướng Chính phủ mới đây khi công nhận Đà Lạt là “Thành phố Festival Hoa” duy nhất trong cả nước là một minh chứng rõ nét và là một sự kiện có ý nghĩa đặc biệt.

(1) Trong bài viết nhan đề: “Để thật sự là một lễ hội văn hoá” của tác giả Ưng Thái Biều, đăng trên trang 4, báo Nhân dân cuối tuần, số 3, ngày 17/01/2010. Còn tác giả Diệp Quỳnh trong bài: “Người ây Hà Đông và lịch sử nghề trồng hoa ở Đà Lạt”, đăng trên báo Lâm Đồng cuối tuần, số ra ngày 9.10.2010, thì lại cho rằng theo ông Ngô Văn Ngón, một trong những lão nông ở ấp Hà Đông, nhân vật của sự kiện này là ông Ngô Văn Át cũng ở khu phố Hà Đông.

(2) Đoàn Văn Việt: Lời giới thiệu – Địa chí Đà Lạt, trang 6-7, Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, năm 2008.

Tay nhiên, hoa và nghề trồng hoa ở Đà Lạt đã thực sự có những bước chuyển mình, đột phá đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người nông dân Đà Lạt thì có lẽ chỉ bắt đầu từ những năm gần đây, nhất là khi Đà Lạt xuất hiện một số đơn vị trồng hoa chuyên nghiệp của nước ngoài. Cũng từ đây, Đà Lạt đã trở thành một địa phương có kỹ thuật trồng hoa theo khoa học công nghệ cao vào loại nhất cả nước. Đây cũng là địa phương thu hút được nhiều vốn FDI trồng hoa, với 16 doanh nghiệp. Không chỉ có vậy, hoa Đà Lạt ngày càng khẳng định được vị trí của mình trên thị trường trong và ngoài nước cả về số lượng và chất lượng. Điều này đã được chứng minh trong thực tiễn ở các thị trường khó tính như Nhật Bản, Bỉ, Úc, kể cả Hà Lan... chấp nhận và tin dùng. Nó còn được thể hiện ở giá trị kim ngạch xuất khẩu hoa hàng năm của Đà Lạt. Nếu như năm 2005, xuất khẩu hoa đạt mức 8,31 triệu USD; năm 2006, đạt 8,937 triệu USD; năm 2008, đạt 9,637 triệu USD thì đến năm 2009, giá trị kim ngạch xuất khẩu đã đạt được gần 13 triệu USD. Ngoài ra, trong năm qua, Đà Lạt còn xuất khẩu được gần 7 triệu cây giống hoa các loại, và nhiều diện tích chuyên canh hoa đã cho thu nhập hàng năm bình quân khoảng 100 triệu đồng/ha/năm, cá biệt có hộ còn đạt tới 2 tỷ đồng/ha/năm... Hoa và nghề trồng hoa ở Đà Lạt thực sự đã trở thành một ngành kinh tế khá cao cho người trồng hoa ở thành phố cao nguyên này.



Những loài hoa quý, hiếm PHÒNG ĐỊA CHÍ

Đà Lạt hiện còn có khá nhiều loài hoa quý và hiếm. Sau đây, xin giới thiệu đôi nét về một số loài hoa ấy.

* **Hoa Phượng tím:** là một loài hoa thân gỗ, lá kép hai lần, tương tự như hoa phượng đỏ, khác chăng chỉ ở màu tím của hoa. Có lẽ vì thế mà mọi người đặt cho nó cái tên dân dã: Phượng tím. Cây hoa Phượng tím có tên khoa học là *Jacaranda Acutifolia* thuộc họ *Bignoniaceae*, nó còn có tên khác là *J.mimosifolia*, hay *J.ovalifolia*.

Hoa Phượng tím có nguồn gốc từ Brasil (có tài liệu cho là ở Bôlôvia), được trồng nhiều ở các nước thuộc Nam Mỹ, châu Phi để làm cây bóng mát ven đường hay trong các công viên.

Tùy theo môi trường sống, Phượng tím có thể cao từ 3 đến 10 mét, đường kính tán lá thường dao động từ 3 đến 7 mét. Mỗi cành lá dài từ 40 đến 50 cm, có lông tơ và mọc thành từng chùm. Thời gian từ khi hoa ươm nụ đến khi tàn rụng thường kéo dài từ 3 đến 5 ngày. Các chùm hoa ở đầu cành lại tiếp tục nở ra một đợt hoa mới. Vì vậy, mà Phượng tím có hoa nở thường xuyên trong vòng 4 đến 5 tháng.

Trước đây, do điều kiện để nhân giống loài hoa này còn nhiều khó khăn, cho nên, cả Đà Lạt chỉ còn tồn tại vài ba cây. Trong đó, cây phượng tím ở đường Nguyễn Thị Minh Khai có lẽ là một trong những cây hoa Phượng tím cổ thụ hiếm hoi tồn tại đến bây giờ. Hoa nở rất đẹp, đến mức đã được nhà văn Nguyễn Quang Sáng lấy làm tựa đề cho một kịch bản phim của mình về phong trào đấu tranh của học sinh, sinh viên Đà Lạt (3).

(3) *Mùa phượng tím. Kịch bản Nguyễn Quang Sáng. Đạo diễn: Quang Dũng, do hãng phim Hội nhà văn sản xuất.*

Ngày nay, nhờ tiến bộ của khoa học, phượng tím đã trở thành một loài hoa được trồng khá phổ biến ở Đà Lạt. Tuy nhiên, cây phượng tím ở đường Nguyễn Thị Minh Khai vẫn là một cây có hình dáng đẹp nhất ở thành phố hoa này.

*** Hoa Chuông vàng:** Hoa Chuông vàng, có tên khoa học là *Spathodea Campanulata* Bean. Hoa có nguồn gốc từ châu Phi. Chuông vàng là một loài hoa thân gỗ, cao lớn, lá xanh, gần giống lá muông. Hoa có màu vàng pha cam, hình dáng tựa những quả chuông, nở thành chùm, mỗi chùm có từ 40 đến 50 bông. Hoa Chuông vàng nở suốt 4 mùa, những chùm hoa Chuông vàng rực rỡ treo trên nền xanh, trông rất hấp dẫn.

Hiện nay, ở Đà Lạt chỉ duy nhất một cây Chuông vàng được trồng ở chùa Quán Thế Âm, phía bắc hồ Xuân Hương. Cây hoa quý và hiếm này cùng với cây hoa phượng tím đã trình bày ở trên, đều do người kỹ giả Lương Văn Sáu đem về từ nước ngoài, sau khi ông tốt nghiệp khoa Canh nông thuộc trường Đại học danh tiếng Versailles (Pháp).

*** Hoa Đậu tía:** Cây Đậu tía có tên khoa học là *Wistaria*, một số nước thường gọi là *Shycine*, có 2 màu: xanh lơ (Bleu) và trắng (Blanc). Hoa Đậu tía, có nguồn gốc từ Đài Loan, là một loài hoa vừa đẹp nhưng lại cũng vừa có hương thơm ngát. Khi còn sống, bác Lương Văn Sáu đã có lần thổ lộ: “Tôi lấy giống hoa này từ Đài Loan về trồng ở công viên hoa vào năm 1963, không biết nó còn tồn tại ở đó nữa không?” Ngoài ra, người kỹ sư già Lương Văn Sáu còn cho biết là ở Đà Lạt còn có một cây hoa thân gỗ quý hiếm nữa và nó cũng chỉ còn có một cây duy nhất, được trồng ở công Khách sạn Palace, phía đường Trần Phú. Đó là cây hoa Vông Kê (tên hoa do bác Sáu đặt). Hoa Vông Kê có nguồn gốc từ Trung Đông, tên khoa học là *Erythrina cri stagalli* (thuộc họ Châu Vông). Hoa Vông Kê thường nở vào cuối đông đầu xuân, từng chuỗi hoa dài khoảng 5cm, màu đỏ. Cây hoa Vông Kê ở Khách sạn Palace được trồng vào năm 1965. Hiện tại, cây hoa quý hiếm này mọc giữa những cây thông cao lớn, thân và cành của nó xù xì, tựa như những cây cổ thụ khác, và do từ rất nhiều năm nay, hầu như nó không được ai chăm sóc gì, cho nên thay vì sẽ cho rất nhiều những chuỗi hoa dài, màu đỏ hồng, thì nay nó chỉ cho lèo tèo đôi ba cụm hoa...

Sinh thời, người kỹ sư già Lương Văn Sáu vẫn có một ước nguyện là phải tìm mọi cách để nhân giống và bảo tồn nguồn gen quý hóa này, để trồng đồng loạt trên từng đường phố của Đà Lạt, và cho đến tận bây giờ, dù bác Sáu đã ra đi từ hơn 10 năm nay, nhưng nỗi mong ước đó của bác vẫn chưa được trở thành hiện thực ở chính ngay trên mảnh đất mà người kỹ sư già này đã góp một phần không nhỏ để tạo nên sự hấp dẫn của muôn sắc hoa Đà Lạt.

Rất cần có một nhà bảo tàng về hoa Đà Lạt.

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây, vốn là một đức tính đã trở thành truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Để có được một thành phố Đà Lạt xinh đẹp như hôm nay, chúng ta mãi mãi không bao giờ quên người đã có công lớn phát hiện ra thành phố xinh đẹp này. Một đường phố mang tên ông, và ngay trên con đường đó, một tượng đài của ông do nhà điêu khắc nổi tiếng Phạm Văn Hạng tạc từ khối đá hoa cương do Thủ tướng Võ Văn Kiệt tặng đã được dựng trang trọng ở ngay vị trí trung tâm của công viên, chính là một sự ghi nhận công lao của nhà bác học đã suốt đời gắn bó với Việt Nam: A. Yersin.

Nhưng để tạo ra một thành phố xinh đẹp với muôn loài hoa bốn mùa sắc sảo như hôm nay, chúng ta không thể không nhớ đến biết bao người nông dân đã cần cù, vượt qua muôn vàn khổ cực của những ngày đầu đem giống hoa từ miền Bắc vào lập nghiệp ở vùng đất này. Đó là các gia đình họ Ngô, cùng rất nhiều bà con ở ấp Hà Đông, và sau này là bà con nông dân ở ấp Thái Phiến. Theo thời gian, vườn hoa thành phố được thành lập, như là một đòi hỏi tất yếu của cuộc sống. Và một trong vài ba người đầu tiên thiết lập nên công viên hoa, một niềm đam mê tham quan kỳ thú và hấp dẫn của Đà Lạt hôm nay, chính là người kỹ sư già Lương Văn Sáu với nhiều giống hoa lạ và quý được ông mang về từ năm 1958, sau khi tốt nghiệp Trường Canh nông Versailles (Pháp) mà chúng tôi đã trình bày văn tắt ở trên. Tuy nhiên, việc vườn hoa thành phố Đà Lạt được thành lập từ bao giờ, hiện vẫn chưa có được một kết luận thỏa đáng. Nhiều tài liệu cho rằng, nó được thành lập từ năm 1966, nhưng trong Địa chí Đà Lạt thì lại cho rằng vườn hoa Đà Lạt được thành lập vào năm 1973. Như vậy, ở đây có 2 sự kiện liên quan đến hoa của Đà Lạt. Đó là hoa và nghệ trồng hoa ở Đà Lạt có từ bao giờ? Và thời điểm nào vườn hoa Đà Lạt được thành lập? Đáng tiếc là với một công trình được biên soạn khá công phu như Địa chí Đà Lạt lại đều chưa có được câu trả lời thuyết phục về 2 nội dung trên. Vì vậy, theo chúng tôi, với một thành phố duy nhất trong cả nước được trao danh hiệu là Thành phố Festival hoa như Đà Lạt thì rất cần được lý giải một cách chính xác 2 sự kiện trên đây. Mặt khác, nên chăng, thành phố cần xúc tiến việc thành lập một Bảo tàng hoa Đà Lạt để lưu lại chặng đường hình thành và phát triển về Hoa và nghệ trồng hoa ở Đà Lạt, một trong những loại hình đã góp phần tạo nên nét riêng, đặc sắc cho thành phố Cao nguyên này. Và trong đó, không thể không đề cập đến công lao của những người đi trước như các gia đình họ Ngô, bác kỹ sư Lương Văn Sáu, bác Mười Lôi và rất nhiều, rất nhiều những người Đà Lạt khác đã dày công, không quản biết bao khó khăn, cực khổ để cho sắc hoa của ngàn hoa Đà Lạt ngày càng rực rỡ hơn, phong phú hơn và cũng kinh tế hơn.

Để kết thúc bài viết này, chúng tôi xin nêu lại một ý tưởng của người kỹ sư Lương Văn Sáu mà khi còn sống bác đã có lần thổ lộ: Mong ước một ngày không xa, trên các đường phố của Đà Lạt sẽ được trồng các loại hoa Phượng tím, Đậu tía, Chuông vàng hay Vông kê. Bởi đó là những loài hoa thân gỗ, không những cho bóng mát mà còn dâng cho đời những sắc màu rất đẹp. Bạn thử hình dung xem, nếu một ngày nào đó, trên các đường phố của Đà Lạt sẽ rực rỡ sắc đỏ của hàng cây Đậu tía và Vông kê, bên sắc vàng cam của hàng cây Chuông vàng và màu tím thủy chung của hoa Phượng tím... thì quả thật là sự quyến rũ của thành phố ngàn hoa này sẽ tăng lên bội phần. Và chúng tôi, những thế hệ con cháu của "cây hoa già không lờ" kia vẫn chỉ biết hy vọng và hy vọng...

Một nhà Bảo tàng về hoa và những con đường mang tên các loài hoa ở Đà Lạt, phải chăng, đó cũng chính là một nét độc đáo, rất đáng yêu đối với Đà Lạt, thành phố ngàn hoa, thành phố Festival hoa của Việt Nam.

Đà Lạt, tháng 10/2010

NGỌC TUYẾT

ĐÀ LẠT PHIÊN KHÚC ĐÊM

Tản văn

Bóng đi trong chiều mù sương giữa rừng thông trầm mặc. Con đường lạnh tê, tôi đưa tay vẫy chào giậu dã quỳ cánh vàng đầm lệ ... thật buồn! Tôi phải tiếp tục hành trình này... Vì trong tôi, hoa quỳ dù có vàng rồi vẫn mang vị nhẩn đẵng,... Tôi mắc nợ hoa quỳ. Tôi tiếp tục hành trình... Một lần nữa, tôi tin: Tin như ngày nhỏ đã từng tin vào cô tích... Hay trong thâm tâm, chưa bao giờ tôi hết tin vào cô tích? Hay tôi phải một mình dệt tầm gai, (dù không phải trong hang đá lạnh, của khu rừng bí ẩn, mà ở ngay trong căn biệt thự của một thành phố lớn, mà điều phi lý nào cũng có thể giải thích) để giải bùa ngải cho chính tôi từ hàng nghìn kiếp trước? Đà Lạt phố vắng, khuya đêm vắng ngắt bước chân âm thầm, gió vắng vọng xa, mô côی từng nhánh lá, mô côی nụ cười... Người ở phương nào giữa thế giới mênh mông?

Trời đã khuya rồi, sao em vẫn ngồi đếm sao làm gì? Em có đếm được bao nhiêu vì sao đâu! Có bao nhiêu vì sao trên bầu trời nơi anh ở? Nhưng vì sao đó chính là tình cảm mà em đã dành cho anh, nó trong sáng, dịu nhẹ, mát mẻ thanh thoát không chói lòa như ánh sáng mặt trời, nó hiu hắt vào đêm - vào những đêm anh không ngủ. Ánh sáng của vì sao em chiếu vào cầu vồng tình yêu của anh mờ nhạt như bóng mắt của những ngày bình yên.

Trong em đang ao ước đến bao giờ mới có được anh? Đến bao giờ thấy được vì sao làm cầu vồng anh lao đao? Đứng ngồi dưới đêm lạnh vắng và đừng u buồn quá! Em giờ này mới biết thế là yêu!

Ngủ đi anh, ngủ đi - em còn đi hái những mảnh trời có lấp lánh những vì sao vổ về cầu vồng anh cho thêm sắc màu rực rỡ, cho tình yêu muôn thuở là ánh sáng nhuộm màu của vì sao em và cầu vồng anh - em đang hát ru và mãi nguyện cầu cho dù bây giờ em lao đao - lao đao giữa ánh sáng cầu vồng anh - lao đao giữa tình yêu của anh.

Anh xa, xa thật xa ngày cứ trôi để lại những mong chờ, tình cứ lớn theo tháng năm mòn mỏi. Đêm vừa ngủ... bỗng giật mình đánh thức thấy anh về... heo hút gió...! Ngày mai, nụ hoa hồn nhiên bé tí teo về đánh thức một chuỗi dài sáng sớm rực rỡ nở đúng ngày thứ 7, em biết nỗi nhớ sắc vàng ươm... chờ đợi anh... thêm khát nụ hôn! Nhắm mắt không đánh lừa cảm xúc, chậm chậm điệu slow ngọt mềm. Ngày bình yên nghe giọng hát rất quen nựng nịu nhau lập bù khoảng trống "Xin một ngày mai có nhau"

Còn lại đây một buổi ...

...nên trái tim này ngồi đợi phía mù xa .

Em chợt thềm một cơn mưa...và bây giờ trong ngực em có chiếc lá đang run rẩy cùng đóa dã quỳ vàng rực. Chiếc lá mang hình dấu hỏi?

Đêm. Bóng mờ cô... con đường mờ cô...



PHÚ ĐẠI TIỀM

CHÚT RẼM ĐẮM ĐUỐI MEN TRẮNG

*Từ đất mẹ, em vào thăm quê mới
Chập chùng cà phê, nung nức hương trà.
Người Hà Nội lên cao nguyên vỡ đất
Biến đổi hoang thành mùa hoa.*

*Cứ thỏa thích cạn bầu gió nắng
Ngắm trời mây hương sắc đại ngàn.
Sẽ lạ lắm bốn mùa xanh mát,
Suốt một ngày phố núi thênh thang.*

*Anh gặp em như lúa về làng
Càng nhớ bát canh tập tàng mẹ nấu.
Nhớ rau muối gánh bao mùa bão thổi,
Nắm bàn tay nghe rạo rực tim mình.*

*Mai em về còn nhớ Mê Linh?
Đây Hà Nội một phần thu nhỏ.
Đến thờ Hai Bà trên cao lộng gió,
Nghìn năm sau con cháu chẳng quên đâu.*

*Rồi một ngày ta lại gặp nhau,
Trên phố Tây Hồ ngút ngàn kỷ niệm.
Đà Lạt bấy giờ rung rung buốt mắt,
Như mùa xuân nào có phai màu.*

*Câu thơ vắt kiệt cùng kí ức,
Hồ thu chiều sóng biếc lẫn tẫn.
Ta vụng dại hoang lời của gió,
Một chút rằm đắm đuối men trắng.*

ĐÔNG THỊ VÂN

KHAI BÚT NHỚ NGƯỜI

Đầu Xuân khai bút nhớ người
Càng ai trong gió bên trời nắng Xuân
Hoa mai từng cánh bạc dần
Nhớ người năm cũ lạc vẫn thơ yêu.

Đêm Xuân khắc khoải bao điều
Tìm đâu giây phút một chiều hương xưa
Tìm đâu trong cội gió mưa
Vòng tay hư ảo năm xưa hao gầy.

Sao đêm rơi chín tầng mây
Bên trời lặng lẽ trắng gầy con đau
Nhìn nhau lần cuối gục đầu
Tìm ai vỡ vụn bên cầu tương tư.

NGUYỄN CẢNH TUẤN

BỐN MÙA

Chim én không qua đây
bởi tiết xuân vắng hơi ấm lúa non
Chim bói cá không qua đây
bởi tìm đâu tắm cá
Cánh cò không phơi nắng thu ở đây
bởi thiếu bờ cò non tơ
Tiếng chim gáy lạc từng không
nhớ mùa lúa chín

Bốn mùa ở đây
chồng chéo những dấu chân
thợ cày, thợ cấy
từ làng ra phố
bán rế giọt mồ hôi!

Đây là chân ruộng đẳng điền
ruộng mật, bờ xôi
bống nhấp nhô
đất đôi sòi ruồi bạc phéch
những tám biển
tiếng Anh, tiếng “Việt bồi”..
tên nghe lạ hoắc
đang trừng mắt ganh nhau
có nhận ra ánh mắt lo âu
thợ cày, thợ cấy!
Điệp khúc giàu nghèo
chim ơi có thấu



HỒ MINH

NẮNG XUÂN

*Chớm mùa hạt nắng đi hoang
Lăn trên má nồn nhịp nhàng nựng hoa
Hồn nhiên nháy múa hiên nhà
Ồ! Xuân đã đến trong tà áo Đông.*

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

THÔI ĐỪNG

*Thôi đừng hò hẹn người ơi!
Thôi đừng nói nữa những lời đã xa!
Trời đang buông ánh chiều tà
Mây buồn thì cứ trôi qua... hững hờ.*

*Thôi đừng tặng những lời thơ!
Tơ vương... đừng dệt giấc mơ hão huyền!
Đời còn lắm nỗi truân chuyên
Xin đừng nổi sóng chìm thuyền... Hỡi ai!*

BÙI LƯƠNG

Lời ru của thầy

Cánh cò chao bên cánh võng tuổi thơ
Đom đóm lập lòe cầu ao bờ giếng
Lời ca dao mẹ ru từ năm xưa vọng đến
Hóa muôn vàn tiếng đập cánh cò bay.

Con hiểu ngọn ngành lời thầy giảng sáng nay
Quê hương ơi, màu xanh liền một dải
Ngàn vạn cánh cò xưa bay về mê mãi
Dòng chữ hiện hình bóng dáng cha ông.

Trang vở hiện hình con nước Cửu Long
Và cánh bướm chập chùng muôn sóng vỗ
Râm rập tiếng còi tàu hồi hải
Chờ nắng về nuôi những cánh đồng chiêm.

Ơi con hạc đầu đình
Ơi con cò huyền thoại
Con bông, con bang thoát thai từ cổ tích
Lợp dày lên màu ngói đỏ mái trường.

Vẫn biết đi đâu nơi ấy cũng quê hương
Vẫn thuộc đường cò bay hoài trên nội
Áo mẹ vai gầy đi về sớm tối
Sao cứ bàng khuâng chưa đi hết lời thầy.





KHẮC DŨNG

ĐÀ LẠT: TỪ ĐÔ THỊ LOẠI 1 ĐẾN ĐÔ THỊ DI SẢN KIẾN TRÚC

Trong liên tiếp hai năm 2009 và 2010, Đà Lạt sau khi được công nhận là đô thị loại I đã được công nhận tiếp là thành phố Festival duy nhất của Việt Nam. Vậy, sắp đến sẽ là “danh hiệu” gì dành cho Đà Lạt? Thử nêu vấn đề: Có hay không một danh hiệu “Đô thị di sản kiến trúc” dành cho Đà Lạt trong tương lai?

HÒA HỢP VỚI THIÊN NHIÊN

Khi phát hiện và thiết lập thành phố Đà Lạt, các kiến trúc sư (KTS) người Pháp đã đề ra nguyên tắc cho thành phố này là phải biết “tựa” vào thiên nhiên để xây dựng và phát triển. Từ đó đến nay, Đà Lạt luôn được đánh giá là đô thị kiến trúc phong cách đặc biệt, không lẫn vào đâu so với các đô thị Việt Nam, là một thành phố kiến trúc biết dựa vào thiên nhiên để “sống” với thời gian bằng phong cách kiến trúc cổ điển phương Tây hòa trộn với phương Đông.



Ảnh: Thân Trọng Sơn

Ông Jean Manuel Paoli, một kiến trúc sư nổi tiếng của người Pháp, khi đặt chân đến Đà Lạt cách nay vài năm theo chương trình tôn tạo di sản kiến trúc và đô thị của chính quyền tỉnh Lâm Đồng, đã đưa ra khái niệm cho kiến trúc của TP này là: “Khuyñh hướng địa phương”! Theo ông Jean Manuel Paoli, vào khoảng nửa cuối thế kỷ 19 tại châu Âu, trào lưu kiến trúc “khuyñh hướng địa phương” (còn gọi là khuyñh hướng nguồn cội) khá thịnh hành ở các vùng nghỉ dưỡng, các vùng cao nguyên, các vùng ven biển... Đó là khuyñh hướng bắt đầu từ ý tưởng kiến trúc “gọi lại cội nguồn” để kết hợp với kiến trúc tân thời (lúc bấy giờ) nhằm tạo ra một phong cách mới với các loại hình kiến trúc phù hợp với môi trường tự nhiên xung quanh (địa hình, khí hậu...) và con người. Cũng theo ông Jean Manuel Paoli, cho dù “khuyñh hướng địa phương” ở Pháp chỉ tồn tại khoảng mười năm sau thế chiến thứ nhất (1914 – 1918) nhưng nó đã kịp du nhập sang Đà Lạt của Việt Nam và đã “nở hoa” tại đây với những sản phẩm tiêu biểu như Dinh Toàn quyền (Dinh 2), Dinh Bảo Đại (Dinh 3), nhà ga Đà Lạt, Viện Pasteur, nhà thờ Chánh Tòa, Nha Địa dư, cụm biệt thự Trần Hưng Đạo... Bên cạnh những công trình kiến trúc dựa vào thiên nhiên mang phong cách châu Âu cuối thế kỷ 19, trong lòng Đà Lạt còn hiện hữu phong cách kiến trúc phương Đông với những điểm nhấn tiêu biểu là các công trình kiến trúc tôn giáo: chùa Linh Sơn, chùa Linh Phước, nhà thờ Cam Ly... Không chỉ ở những công trình kiến trúc độc đáo và rất đặc trưng, đô thị di sản kiến trúc Đà Lạt còn được nhìn nhận ở những công trình hồ nước nhân tạo mà sự đầu tư về trí tuệ của các KTS là không nhỏ khi quy hoạch thành phố này ngay từ buổi bình minh Đà Lạt. Điều khiến không ít người... ngạc nhiên đó là, ý tưởng xây dựng Đà Lạt trên nền của những hồ nước nhân tạo được một KTS đưa ra cách nay gần 90 năm vẫn còn đúng cho đến tận bây giờ! Đó là vào năm 1923, KTS người Pháp Hébrard đã đưa ra một ý tưởng kiến trúc rất lãng mạn trong đồ án quy hoạch Đà Lạt: Thành phố này sẽ được xây dựng xung quanh một chuỗi hồ nhân tạo, mỗi hồ là một hạt nhân của một phân khu chức năng; và trong chuỗi hồ đó thì hồ Xuân Hương là tâm điểm của toàn thể bức tranh kiến trúc Đà Lạt. Ý tưởng lãng mạn đó của KTS Hébrard đã được chấp nhận và thực hiện đến tận bây giờ, với diện tích mặt nước chiếm khoảng 4% diện tích tự nhiên, không gian đô thị Đà Lạt trông thoáng đãng và lãng mạn hơn nhiều so với các đô thị khác của Việt Nam.





MỘT DANH XƯNG MỚI?

Rõ ràng, kiến trúc chính là một trong những yếu tố đặc biệt quan trọng để giúp Đà Lạt bước được vào “cánh cửa” của đô thị loại I. Lãnh đạo thành phố Đà Lạt phát biểu: “Đà Lạt đã có quy hoạch tổng thể về xây dựng thành phố và vùng phụ cận đến năm 2020; và quy hoạch này đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đó là cơ sở để Đà Lạt xây dựng cấu trúc kinh tế - xã hội - đô thị - đời sống của một đô thị loại I trong tương lai”.

Rõ ràng là một khi Đà Lạt được công nhận là đô thị loại một và là thành phố festival duy nhất của Việt Nam thì nhiệm vụ về bảo tồn kiến trúc cùng với phát triển đô thị của nó được đặt ra càng trở nên cấp thiết hơn và hẳn cũng nặng nề hơn trên đôi vai của các nhà lãnh đạo và của cả cộng đồng dân cư đang sinh sống ở đây. Một trong những điều đáng quan tâm khi Đà Lạt trở thành đô thị loại I là hiện nay thành phố này giống như một chiếc áo chật cần được cải thiện một cách khoa học để bộ mặt của người mặc không quá... xấu. Theo số liệu của UBND TP Đà Lạt, diện tích tự nhiên của Đà Lạt hiện chỉ là con số quá nhỏ so với nhiều thành phố khác trong cả nước: không đến 40.000ha. Theo quy hoạch mới, để Đà Lạt xứng tầm với đô thị loại I, con số này sẽ được nâng lên 98.000ha. Và như vậy, không gian đô thị của Đà Lạt cũng sẽ được mở rộng đến tận xã Lát (Lạc Dương), Liên Nghĩa (Đức Trọng)... ngày nay.



Tuy nhiên, vấn đề đáng quan tâm là: Trung bình hằng năm, ngành chức năng của thành phố này phát hiện và xử lý khoảng trên 200 vụ xây dựng trái phép lại là một thực trạng khiến cho không ít người, đặc biệt là các KTS, lo ngại. KTS Nguyễn Văn Lập – Chủ tịch Hội KTS Lâm Đồng – nói rằng: “Nghệ thuật kiến trúc của Đà Lạt là sự kết hợp rất hài hòa giữa nhiều phong cách để tạo thành một phong cách riêng, nên Đà Lạt mang bộ mặt đô thị không lẫn vào đâu được. Đến giờ, nó là một di sản vô cùng quý giá cần được gìn giữ. Và nếu giữ không được, để mất đi, sẽ không bao giờ tìm lại được. Do vậy, việc quy hoạch phát triển các công trình xây dựng trên địa bàn Đà Lạt khi thành phố này được mở rộng cần tuân thủ nguyên tắc “nhà trong rừng – rừng trong thành phố”. Đà Lạt đã có bài học chưa xốt trong quản lý xây dựng và kiến trúc đối với khu vực trung tâm thành phố rồi!”. Trong một vài lần hội thảo khoa học về quy hoạch đô thị Đà Lạt, không ít nhà khoa học và KTS đã không ngần ngại khi nói rằng Đà Lạt là đô thị độc đáo bậc nhất châu Á; trong đó, yếu tố kiến trúc là nổi trội hơn cả. Song, điều rất đáng buồn là trong những năm qua, bộ mặt của đô thị độc đáo bậc nhất châu Á trên cao nguyên Lâm Viên đã phần nào bị biến dạng khi các công trình kiến trúc “tối ưu hóa không gian” vẫn được chấp thuận từ một chính sách quản lý không thống nhất.

Hiện tại, ngành chức năng và chính quyền thành phố Đà Lạt và tỉnh Lâm Đồng đang làm mọi cách có thể để lập ra ở cao nguyên Lâm Viên này một bảo tàng kiến trúc “sống” giữa đất trời và “sống” giữa những rừng thông ngút ngàn. Theo nhận định của các chuyên gia kiến trúc, trong hệ thống đô thị của cả nước, chỉ có Huế và Đà Lạt là đô thị có di sản kiến trúc mang tầm cỡ quốc gia; và đó là tài sản chung của cả nước. Như vậy, với Đà Lạt – thành phố đô thị loại I và là thành phố festival hoa của Việt Nam, danh hiệu “Đô thị di sản” liệu có đạt đến hay không thì còn phụ thuộc không nhỏ vào sự lo toan của chính quyền và của các nhà quản lý đô thị Đà Lạt và tỉnh Lâm Đồng.

K.D

Từ năm 1886, bác sĩ Alexandre John Émile Yersin làm việc tại Viện Pasteur Paris.

Trong những năm miệt mài nghiên cứu tại Viện Pasteur, Yersin đã chứng minh thiên tài hiếm có, một con người giàu nghị lực, thông minh, ham tìm tòi, tương lai tươi sáng mở ra trước mắt Yersin, nhưng Yersin lại hướng về chân trời mới, muốn tìm ra lối thoát khỏi cuộc sống hiện tại: “Tôi luôn mơ ước thám hiểm, khám phá đất lạ; khi còn trẻ, ta luôn luôn tưởng tượng điều kỳ lạ sẽ đến, không có gì là không thể không làm được”.

● NGUYỄN HỮU TRANH



NGÀY ẤY, YERSIN...

(BÁC SĨ YERSIN THÁM HIỂM
CAO NGUYÊN LANG BIANG)

Thế rồi, vào năm 1890, Yersin bắt ngờ tạm rời bỏ ngành vi trùng học, sông đời thủy thủ và nhà thám hiểm, mở đầu một quãng đời khác thường kéo dài hơn 50 năm.

Trước hết, Yersin nhận làm bác sĩ trên một con tàu của Hãng Vận tải đường biển đến Viễn Đông. Sau 6 tháng hoạt động trên tuyến đường Sài Gòn - Ma-ni-la (Phi-líp-pin), Yersin chuyển sang làm việc trên con tàu “Sài Gòn” chạy từ Sài Gòn đến Hải Phòng và ngược lại.

Những tháng đầu tiên trong nghề hàng hải đối với Yersin thật quyến rũ! Yersin chưa từng tiếp xúc với biên cả, nhưng trong thời thanh niên, Yersin đã quen với nước hồ Léman. Khi thuyền lên đèn trên đại dương, Yersin nhìn lên bầu trời và học cách xác định tọa độ; khi tàu cập bến, Yersin tập sự dùng kính thiên văn. Trong những năm sau, Yersin say mê thiên văn học và về sau tìm hiểu cả điện khí quyển, quang phổ mặt trời.

*

Tàu chạy trên tuyến đường Sài Gòn - Hải Phòng, khi tiến lại gần bờ biển. lúc vượt sóng ra ngoài khơi xa. Dãy Trường Sơn hùng vĩ ở phía Tây hiện ra trước mắt Yersin gợi lại những kỷ niệm tuổi học trò. Ngày ấy, Yersin đã cùng các bạn leo lên sườn núi Valais. Dãy Trường Sơn tuy không có những đường nét và màu sắc giống như dãy Alpes nhưng có sức hấp dẫn kỳ lạ. Yersin muốn tìm lại những cảm giác thân thiết xa xưa khi khám phá được những điều bí ẩn, đặt chân lên miền đất lạ.

Ngay trong chuyến đầu tiên nhìn thấy Nha Trang, phong cảnh Nha Trang đã quyên rũ tâm hồn Yersin. Yersin dự định đi bằng đường bộ từ Nha Trang đến Sài Gòn bằng cách trước tiên đi về hướng Tây đến tận dãy Trường Sơn, sau đó đi theo hướng Tây Nam để đến Sài Gòn. Yersin tính sẽ thực hiện chuyến đi ngang qua vùng rừng núi hoàn toàn chưa được biết đến trong 10 ngày, đủ thời gian để lên tàu trước khi tàu nhổ neo về lại Hải Phòng.

Vào một ngày tháng 7 năm 1891, tàu cập bến Nha Trang. Yersin liền đến gặp ông Lenormand, sĩ quan hàng hải, công sứ tỉnh Khánh Hoà, đang ở trong một mái nhà tranh trên bờ biển, gần một làng chài. Lenormand rất quan tâm đến ý định của Yersin, sẵn sàng giúp đỡ Yersin và nhờ các viên quan của thành Khánh Hoà tìm cho Yersin một người dẫn đường. Nhưng không một người dân nào ở đây có gan mạo hiểm lên đến dãy Trường Sơn, một vùng rừng núi được coi như bất khả xâm phạm! Lenormand khuyên Yersin thay đổi ý định, nên tiếp tục đi theo con đường cái quan đến Phan Rang, nơi ấy có thể có những đường mòn dẫn đến Trường Sơn. Trước đây, để tránh đàn áp tôn giáo, một linh mục truyền giáo ở Phan Rang đã trốn lên miền Thượng trong vùng rừng núi phía Tây.

Yersin cười ngửa đi trên đường cái quan lúc đó chỉ là một con đường mòn và đến Phan Rang trong thời gian ngắn nhất. Linh mục truyền giáo chỉ nhớ mang máng về lần trốn lên xứ Thượng và khuyên Yersin tiếp tục cuộc hành trình đến Phan Rí, ở đó chắc chắn Yersin sẽ tìm được người dẫn đường lên vùng rừng núi.

Yersin tiếp tục đi đến Phan Rí. Viên quan địa phương tìm ngay cho Yersin một người biết rõ những nẻo đường tiến sâu vào dãy Trường Sơn. Không đợi đến ngày hôm sau, Yersin cùng một người hướng đạo khởi hành ngay từ giữa trưa.

Hai người đi đến vùng Djiring (Di Linh ngày nay), có thể Yersin là một trong những người Pháp đầu tiên tiến sâu vào vùng này, vì thế sự hiện diện của Yersin đã gây cho dân làng không ít ngạc nhiên. Dân làng cho biết có thể tiếp tục cuộc hành trình đến Sài Gòn nhưng cần ít nhất từ 9 đến 10 ngày đường. Ngày kia, tàu lại nhổ neo ra miền Bắc, Yersin không thể đi tiếp nữa, phải ra bờ biển ngay. Yersin được biết Phan Thiết là một địa điểm gần nhất, chỉ cách một ngày đường.

Tối hôm sau, Yersin đến Phan Thiết. Tại trạm thu thuế, Yersin được tiếp đãi chân tình. Người trạm trưởng cho Yersin một đôi giày ống thay thế cho đôi giày cũ đã bị rách tả tơi từ khi lên đến đỉnh đèo. Yersin lên một chiếc thuyền buồm ra Nha Trang và đến trạm thu thuế Nha Trang ở Chục.

Đêm hôm đó, tàu "Sài Gòn" cũng đến Nha Trang, Yersin kịp lên tàu đúng lúc tàu sắp nhổ neo lên đường đi Quy Nhơn.

Về đến Hải Phòng, Yersin phải chịu một trận sốt rét ngã nước kéo dài suốt thời gian tàu dừng lại ở cảng này.

Năm 1892, khởi hành từ Ninh Hoà, Yersin lên Đắc Lắc rồi xuôi dòng sông Bung (còn gọi là Sré Poc hay Sé Bang Kane) đến Stung Treng trên bờ sông Mê Công ngày 9-6-1892.

Sau một thời gian ở Paris, Yersin lại mong muốn tiếp tục thám hiểm, ông viết trong hồi ký:

Khi ta trở về với đời sống văn minh, ta vội quên nhanh nỗi mệt nhọc, lao, thiếu thốn trong chuyến thám hiểm. Nhưng rồi ta lại nuối tiếc cuộc sống hiểm đầy những trường hợp bất ngờ, và ít nhà thám hiểm nào lại bằng lòng chuyên thám hiểm đầu tiên. Tôi không bị loại khỏi quy luật này. Vừa mới khởi hành kết lỵ mắc phải trong chuyến đi năm 1892, tôi tìm mọi cách xin được tiến hành một chuyến đi mới với nhiệm vụ khoa học.

Nhờ sự giúp đỡ của người thầy lỗi lạc của tôi là Pasteur và ông Bộ trưởng Bộ Giáo dục, ngày 24-12-1892, tôi rời bến Marseille đi Sài Gòn. Chuyến khảo sát chủ yếu thám hiểm một vùng ở Nam Trung Kỳ nằm giữa bờ biển và sông Mê Công, đầu nguồn của sông Đồng Nai và Sé Bang Kane.

Vừa mới tới Sài Gòn, tôi đến trình diện với ông toàn quyền. Ông De Meussan muốn chuyến đi của tôi đạt được kết quả thiết thực. Ông muốn tiếp tục ở Trung Kỳ những công việc ông đã bắt đầu thực hiện ở Bắc Kỳ và ông dự định dựng nhiều đường sá giúp cho giao thông được dễ dàng, cho phép tiến sâu vào nội địa, thương mại được thuận tiện và mở rộng phạm vi ảnh hưởng.

Ông giao cho tôi nghiên cứu một dự án đường sá đi từ Sài Gòn tiến vào Thượng; con đường này sẽ đi về phía Bắc để tới một địa điểm thuận tiện nhất trên bờ biển Trung Kỳ.

Tôi phải trình bày lại hiện trạng tài nguyên của xứ sở này, khả năng chăn nuôi, nghiên cứu lâm sản, tìm kiếm những khoáng sản có thể khai thác trong núi rừng."

Cùng với 4 người Việt Nam, Yersin khởi hành từ Biên Hoà đến thác Trị An.

Ngày 28-2-1893, Yersin đi xe trâu từ Trị An đến Trà Cú, sau đó đến Phan Thiết. Yersin mô tả chiếc xe trâu và hành trình:

"Chiếc xe toàn bằng gỗ, bánh xe có đường kính hơn 1,5 mét. Một chiếc mui nhỏ che hành khách và thùng hàng. Bánh xe cọ vào trục tạo ra một âm thanh đinh tai và đều đều vang đi rất xa. Điệu nhạc kinh khủng này không làm thú rừng hoảng sợ. Từ xe trâu, chúng tôi có thể bắn trúng nai, trâu rừng.

Con đường chỉ là một khoảng trống trong rừng. Xe lên dốc, xuống suối, leo lên trên rễ cây. Khoảng cách được tính theo trạm. Một trạm khoảng một giờ xe trâu đi (3-4km). Khi đến mỗi trạm, chúng tôi tháo ách và cho trâu uống nước."

Yersin viết tiếp:

"Từ Phan Thiết, tôi đi trên con đường cái quan đến Nha Trang để trình diện với công sứ Lenormand rồi trở về Phan Rí. Tôi dự định lại đi từ Phan Rí vào xứ Thượng để tìm con đường tốt nhất nối liền Phan Rí với Tánh Linh. Tôi dẫn theo một con voi của thành Khánh Hoà để chuyên chở đồ đạc và nhiều con ngựa.

Ở Phan Rí, các ông quan biết tôi có chích thuốc ngừa xin tôi chích cho trẻ con trong vùng. Trong hai ngày, người Kinh và Chăm dẫn 1.200 em bé đến cho tôi chích thuốc.

■■■ (Xem tiếp trang 91)

PHAN TÂN TÔ

AN TƯ'ỢNG ĐÀ LẠT

Đà Lạt cách Huế 850 km, theo đường bộ thì đó là con đường thiên lí nhiều trắc trở, khó mà đến được một cách dễ dàng. Tuỳ thời, tuỳ lúc, có một ấn tượng khó quên về xứ sương mù, hoa đào ấy.

1 . Thuở nhỏ, tôi chỉ biết Đà Lạt qua bài học địa lí nói về cao nguyên Lâm Viên, Di Linh và vài ba câu chuyện mà ông bác hàng xóm kể lại nhờ vào những năm 30 (thế kỉ XX), ông theo một người thầu khoán vào làm việc ở xứ rừng núi ấy. Trong đó, có câu chuyện mà ông nhắc mãi như chuyện đời xưa về việc bảo vệ rừng, khi đi khai thác rừng. Ông cho hay, các đồn điền, rừng cây, kiểm lâm quản lí rất chặt chẽ. Cây nào có dấu búa kiểm lâm đóng, mới được chặt, đốn hạ. Cây nào đốn hạ mà không có dấu kiểm lâm thì nó phạt nặng. Và ông còn kể cái mẹo gian của những thợ rừng như một sáng kiến. Là rên một vòng tròn sắt tựa như cái khâu rựa, bằng vòng dầu kiểm lâm, rồi đóng vào gốc cây, nhưng chỉ đóng mé nửa vòng, giả làm dấu bị đóng chéo, không có chữ. Chừng 30- 40 cây, xếp lẫn vào một cây đóng dấu giả, kiểm tra khó phát hiện ra. Nếu đốn chặt mà phá ngã nhiều cây con chung quanh cũng bị phạt. Khai thác xong, các khoảng trống lại được trồng bổ sung. Có lẽ nghiêm túc như vậy, nên rừng Lâm Viên, ngày càng xanh tốt. Sau này, người ta phát hiện tại đây hai loại thông quý hiếm, đáng kinh ngạc. Đó là:

- Một là, Thông đỏ, loại dược liệu quý: Năm 1931, nhà thực vật học người Pháp M.H.Lecomte, phát hiện có một quần thể thông đỏ (Taxus Spp) còn sống sót

...ng núi cao trên 1.500m ở cao nguyên Lâm Viên. Thông tin này cũng đi vào ...lăng, cho đến năm 1993, ngành y dược Mỹ cho biết, phòng thí nghiệm ... Myers Squibb (Mỹ) đã chiết xuất được một loại hợp chất Taxol từ vỏ và lá ... thông đỏ, có tác dụng chữa bệnh ung thư vú, buồng trứng, phổi..., thông đỏ ... được quan tâm.

Các nhà thực vật học đã tìm ra loại thông đỏ ở vùng núi Tây bắc Việt Nam ... thông đỏ Trung quốc- *Taxus Chivensis*). Sau đó, người ta tìm được thông đỏ ... trên núi đá granit phía đông cao nguyên Lâm Viên. Cây lớn nhất, cao chừng ... thân có chu vi 550cm. Qua đôi chiếu, giám định, khẳng định đây là loại ... Hymalaya. Điều đáng quan tâm là khi chiết xuất, hàm lượng chất 10- ... acetyl baccatin III (là chất để chuyển hoá thành Taxol và Taxotere, thứ ... liệu để bào chế thuốc trị ung thư) của thông đỏ Lâm Viên cao gấp 40 lần so ... thông đỏ vùng Tây bắc, gấp 100 lần so với thông đỏ Mexico và gấp 4 lần thông ... Mỹ. Giá 1kg Taxol hiện nay từ 1-1,5 triệu USD.

.. Hai là, Thông 2 lá dẹt, loại thực vật cổ sinh còn tồn tại: Nhà thực vật học ... M.Krempf, cuối thế kỉ XIX, đã phát hiện tại Việt Nam có loài thông 2 lá dẹt, ... người dân tộc địa phương gọi là cây Chi-on-ho-xơ-ri. Năm 1921, A.Lecomte ... thực vật đã tìm ra thông đỏ) xác nhận thông 2 lá dẹt là loài gène đặc hữu của ... Nam và đặt tên là *Pinus Krempfii* (vì do Krempf tìm ra). Năm 1944, nhà thực ... người Pháp, O.Chevalier, đưa ra luận điểm: *Pinus Krempfii* chỉ có 1 loài của ... giống thông duy nhất đã hoá thạch. Thế mà, điều ngạc nhiên là bây giờ nó ... hiện hữu cả một quần thể trên núi LangBian-Bidoup (Lâm Đồng) đến tận ... Khánh Sơn-Khánh Hoà.

Nghe vậy, Viện sĩ, Viện hàn lâm chuyên về cây lá kim của Liên xô (cũ), ... Tastagsch ... ao ước: “Tôi chỉ muốn sang ngay Việt Nam và sờ lên cây *Pinus Krempfii* rồi chết cũng mãn nguyện.”. Thực tế, ông đã đến và sờ không chỉ một ... mà cả một rừng cây. (tham khảo Kiến thức ngày nay số 227 ngày 10-11- ... 1996). Đây là loại thực vật có giá trị vô giá về mặt khoa học và kinh tế. Nhưng loại ... cây quý hiếm mà đã mọc từ hàng trăm triệu năm trước, giờ đang phất phơ trước ... bời cửa của bọn lâm tặc.

2 . Năm 1972, lần đầu tiên tôi có dịp lên Đà Lạt, gặp một số bè bạn cùng ... khoá sư phạm như Phan Cư, Ngô Viết Yêm, Nguyễn Đăng Lợi, Đoàn Đại Oanh, ... Lê Hữu Khanh, Lê Huyền, Lê Văn Sâm..., nhiều bạn đang học Đại học Đà Lạt. Điều đáng khâm phục là các bạn giúp nhau khắc phục khó khăn, động viên nhau ... phải học, phải tiến lên. Đến trường Đại học Đà Lạt, thấy ngôi trường trên đồi đẹp ... quá, thơ mộng quá. Và ấn tượng là có câu đối trước cổng trường:

Thập niên chi kế thụ mộc

Bách niên chi kế thụ nhân.

Câu này lược trích từ điển tích trong sách Quản tử của Quản Trọng, gồm có 3 vế:

+ *Nhất niên chi kế mạc như thụ cốc*

Thập niên chi kế mạc như thụ mộc

Bách niên chi kế mạc như thụ nhân.

+ *Nhất thụ, nhất hoạch giả cốc dã*
Nhất thụ, thập hoạch giả mộc dã
Nhất thụ, bách hoạch giả nhân dã

(Cái kẻ một năm không kể gì bằng việc trồng lúa. Cái kẻ mười năm không kể gì bằng việc trồng cây. Cái kẻ trọn đời không kể gì bằng trồng người. Cái mà trồng một thu được một là lúa vậy. Cái mà trồng một thu được mười là cây vậy. Cái mà trồng một thu được trăm là người vậy.).

Sau năm 1975, tại các trường học, thầy và trò đã quá quen thuộc với câu nói của Bác Hồ: Vì lợi ích mười năm trồng cây. Vì lợi ích trăm năm trồng người.

Khoảng năm 2004, 2005, khi theo dõi công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng ở Sở Giáo dục và đào tạo, tôi lại có ấn tượng, ngưỡng mộ Đại học Đà Lạt, đó là một trường đại học tiên phong, dám nghĩ, dám đổi mới là tổ chức thí điểm tuyển sinh bằng đề thi trắc nghiệm cho Bộ Giáo dục và đào tạo.

3 . Lúc học Đại học Văn khoa Huế, những năm 1970, 1971, chúng tôi có nghe cụ nghệ Hoàng, giảng viên Hán Nôm của trường, nguyên thời triều Nguyễn là thư kí ở văn phòng Bảo Đại, kể câu chuyện về chủ quyền xứ Hoàng triều cương thổ mà thủ phủ là Đà Lạt như sau: Vào chừng năm 1942, có cuộc họp giữa phái đoàn Pháp và Nam triều trong Đại nội Huế. Phái Nam triều có Bảo Đại và Thượng thư Nguyễn Hữu Bài. Trong cuộc họp có bàn nội dung, Pháp muốn đòi quản lí vùng đất cao nguyên, vì chúng cho rằng, vùng này do người Pháp tìm ra. Cuộc họp đối chất căng thẳng. Giờ giải lao, ra nghỉ, cụ nghệ Hoàng dâng cho Thượng thư Nguyễn Hữu Bài tờ văn bản ghi việc dựng cột mốc tại cao nguyên từ thời Gia Long. Cụ Thượng Bài rất mừng.

Khi tái họp, phái đoàn Nam triều đưa chứng cứ, phía Pháp đuối lí, buộc lập đoàn để đi kiểm tra thực địa. Sau này kiểm tra đúng thực như vậy. Cụ nghệ Hoàng kể thêm, khi ra tan họp, viên quan Pháp nhìn cụ với cặp mắt cứ lườm lườm tức giận. Theo cụ, sở dĩ cụ có văn bản trên là nhờ người em ruột của cụ làm ở Tàng thư triều Nguyễn lục tìm ra. Câu chuyện này, đến năm 1987, khi chúng tôi đến nhà cụ ở Vạn Xuân, phường Kim Long, Huế tìm hỏi tư liệu về lăng mộ Quang Trung, cụ vẫn còn kể lại. Không biết giờ di tích các cột mốc đó có còn ở đâu đó chẳng của xứ Hoàng triều cương thổ cũ ?

4 . Mùa hè 1995, công đoàn Sở Giáo dục và đào tạo Thừa Thiên Huế, tổ chức chuyến tham quan theo tuyến đường cao nguyên, mà điểm dừng lâu nhất là Thành phố Đà Lạt. Đến đây, ai cũng thích cái khí hậu mát lạnh của xứ sương mù. Các bà, các cô thì ngày nào cũng đi chợ mua sắm áo quần. Nhưng ấn tượng nhất trong chuyến này là đoàn được tham quan Viện nghiên cứu hạt nhân. Sở dĩ được vậy là nhờ ở Viện có em học sinh cũ của một thầy giáo trong đoàn. Vì nghĩa tình thầy trò, cậu đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho đoàn. Trước hết, chúng tôi tập trung ở phòng hội, nghe thuyết minh về tổ chức, chức năng của Viện. Những tri thức được cung cấp thật hữu ích cho cán bộ, giáo viên chúng tôi. Tiếp theo là được vào trong quan sát lò phản ứng hạt nhân. Muốn vào đây, mỗi người phải mặc bộ đồ bảo hộ màu vàng cam. Số người theo vào chỉ hơn 15, chưa tới một nửa của đoàn,

...chiều người, nhất là nữ, không dám vào vì ngại ảnh hưởng của phóng xạ. ...tôi xem đây là cơ hội hiếm có, nên hưởng ứng ngay. Khi vào, các anh ... năm 1975, khi rút chạy, người Mỹ đã tháo gỡ các nguyên liệu quan ... Sau này lò hoạt động tiếp tục được là nhờ có các nguyên liệu thiết bị mới ... Liên Xô (cũ). Vì vậy, có lẽ đây là lò phản ứng hạt nhân độc nhất vô nhị, phối ... 2 cường quốc đối đầu là Mỹ và Liên Xô.

S Vào đầu tháng 12-2009, tôi lại có dịp lên Đà Lạt, lúc này thành phố đang ... chuẩn bị Festival hoa. Bộ mặt cảnh quan đô thị ngày càng tươi đẹp, trông ... hấp dẫn. Chủ đề chuyến đi lần này là khảo sát tư liệu Hán Nôm để lập đề ... cho đề tài khoa học công nghệ về các bài thuốc và phương pháp chữa bệnh ... Thái y viện. Một trong các địa chỉ nhắm tới là kho Mộc bản triều Nguyễn ... (TN) đang lưu trữ tại đây.

Mộc bản này trước đây lưu giữ tại kinh thành Huế. Năm 1960, được ... về bảo quản tại Đà Lạt. Việc di chuyển được tổ chức chu đáo, nghiêm cẩn ... toàn, với sự hỗ trợ của quân đội. Lúc đầu, từ 1961-1975, tài liệu được lưu ... tại chi nhánh Văn khố Đà Lạt, do bảo quản không tốt, nên một số bị hư hỏng, ... đang tiệt. Sau 1975, được giao cho Cục lưu trữ nhà nước, bảo quản tại nhà ... Chúa cứu thế. Từ năm 1984, chuyển về khu biệt điện Trần Lệ Xuân, nay là ... tâm Lưu trữ Quốc gia IV, số 2, Yết Kiêu, P.5, Thành phố Đà Lạt. Nó như là ... tư liệu liên quan đến cố đô, nằm giữa lòng Đà Lạt. (Tham khảo “Tổng quan ... Mộc bản triều Nguyễn ở Đà Lạt” của Nguyễn Huy Khuyến, Đà Lạt nhớ Huế - ... xuất bản Văn Học 2010).

Hiện nay, số mộc bản sản sinh từ Huế gần 200 năm trước, còn lại 34.618 ... được bảo quản trong nhà kho chuyên dụng, hiện đại. Năm 2004, cục Văn thư ... Lưu trữ nhà nước cho phép biên soạn và xuất bản cuốn Mộc bản triều Nguyễn- ... Để mục tổng quan, giới thiệu toàn bộ nội dung khối tư liệu quý hiếm này. Năm ... 2009, cuốn sách được Trung tâm Văn thư và lưu trữ IV biên soạn lại và bổ sung, ... bản dưới dạng sách điện tử, nhằm phổ biến rộng rãi. Ngày 30-7-2009, MBTN ... được UNESCO đưa vào “Chương trình kí ức thế giới”. Đây là di sản tư liệu đầu ... của Việt Nam được UNESCO công nhận là “Di sản tư liệu thế giới”.

Tiếp cận kho tư liệu, có lẽ những ai nặng tình với văn hoá dân tộc đều xúc ... cảm về công lao của tiên nhân. Bộ trưởng Bộ Nội vụ Đỗ Quang Trung, năm 2007, ... khi đến thăm kho tài liệu MBTN, đã nói: Mỗi tấm mộc bản không chỉ là một trang ... tài liệu quý có giá trị lịch sử mà còn là một tác phẩm nghệ thuật.

Đúng vậy. Cái công đi tìm chọn gỗ, chủ yếu là gỗ thị, ngoài ra còn có gỗ ... lê, táo hay gỗ cây nha đồng, gỗ trắng ngời như ngà voi. Bào gọt phẳng lì, cưa cắt ... thành tấm đều nhau theo từng loại sách. Rồi cái công của người viết chữ mẫu điều ... luyện như phượng múa rồng bay, cái công của người chạm khắc nét chữ tinh xảo ... trên hàng trăm, hàng nghìn tấm mà không sai lỗi một nét nào và lưu giữ lại cho ... chúng ta.

Tất cả đều rất ấn tượng, nhưng vẫn không phai mờ ấn tượng về tấm lòng ... chân thật, chí tình chí nghĩa của bạn bè Huế tại Đà Lạt. Mỗi lần chúng tôi đến là ... các anh chị bỏ công tiếp đón, hướng dẫn, được dự những châu café buổi sáng ý vị, ... những buổi họp mặt thân tình, sâu lắng.

Huế tháng 10/2010 - P.T.T

LÊ ĐÌNH CẢNH
Lời thề sương sa

Lời này tôi rẽ tìm cây
 Sương rừng như thể mầu mây trắng đầu
 Như là tôi gặp trời Âu
 Gió mùa ôn đới từ đâu thổi về

Ước gì Đà Lạt là quê
 Để tôi giăng mắc lời thề sương sa
 Để tôi nghiêng lệch mái nhà
 Cửa khuya lời khóa trăng tà đến chơi!

Nhật cảnh thông gãy người ơi
 Gặp cơn gió thoảng một đời phong ba
 Một đời héo nụ chờ hoa
 Một đời thông đứng ngoài ga đợi tàu...

TÔN PHONG

ÔNG GIÀ BÁN NGO Ở CHỢ ĐÀ LẠT

Ông già gửi ngo xuống chợ
 Tóc bạc xõa ngang vai còn dẫm hương rừng
 “Mua đi! Thứ này mang lửa trong lòng
 Nó cháy được cả trong mưa, trong bão!”
 Tiếng ông khàn giữa chợ đời huyền ảo
 Nốt nhạc trầm trong nhện nhịp âm thanh

Người bán, người mua hỏi hả qua nhanh
 Tay xách, nách mang những túi hàng xuôi ngược
 Gửi ngo đầy một mình ngơ ngác
 cạnh ông già tóc xõa, dẫm hơi sương

Những thanh ngo mang lửa ngàn năm
 vẫn ngóng đợi người mua
 mong được một lần tỏa sáng!

BÙI VĂN DUNG

Tự khúc Đà Lạt

Định mời em về đồi Cù thăm cỏ
Lại thấy mình mới ngỡ ngần làm sao
Cỏ đâu còn để dành cho dân dã
Đồi thênh thang nhưng lại thiếu lối vào.

II

Thôi em ạ, về Dinh Ba – ở đấy
Thử một lần nằm trên võng làm Vua
Em đài các như Nam Phương hoàng hậu
Đầu vua quan đâu phải để bóng đùa.

III

Cũng chẳng biết mối tình nào thì đẹp
Cây thông đôi quăn chặt đến nao lòng
Tình nhân trước về nơi này than thở
Chả trách gì duyên phận cứ long đong.

IV

Gặp chiến mã rú nhau về thuận hóa
Những bước buồn theo du khách lãng du
Thả nước kiệu trước cỗ xe thổ mộ
Cứ lang thang quanh xứ sở sương mù.

V

Cũng không hiểu vì sao lại thế
Đi suốt ngày không gặp bóng xích lô
Ở các ngã – không đèn xanh, đèn đỏ
Phố cao nguyên thật lắm chuyện bất ngờ.

VI

Và có lẽ chỉ nơi này mới thấy
Mưa cứ rơi, người cứ đổ ra đường
Thì hóa ra – ngay cả mưa cũng ướt
Mình là gì mà ghen tỵ với sương.

TRẦN TRỌNG VĂN

NGƯỜI NẶNG TÌNH VỚI THƠ VIỆT

Có lẽ ít ai như ông - hẳn nơi đâu có thơ hay là ông đến. Một túi nhỏ khoác trên vai, ông lên tận Lâm Đồng, rồi xuôi về đồng bằng, ra biển... như một kẻ lang thang không nơi nương tựa. Ông đến nhẹ nhàng như gió thoảng nhưng gấp gáp, vội vã như thể những bài thơ hay sẽ mất đi nếu mình không kịp góp nhặt. Ông lang bạt kỳ hồ nay đây mai đó. Đi rồi đến. Đến rồi đi. Ra về, mang theo một túi thơ đầy ắp. Có khi là một tập thơ dày bạn bè đã tuyển; có khi là những bài thơ lẻ của một gã làm thơ nào đó viết vội gửi cho ông; có khi là những bài thơ đã đăng trên báo ông cắt xén, hoặc xé ra... Những vì thơ mỗi ngày mỗi đầy thêm trong căn nhà nhỏ ông thuê ở Hà Nội.

Khuân thơ từ Nam ra Bắc, từ rừng xuống dưới biển, cốt để tìm thơ hay. Thơ hay như vàng thật, có khi là những trang bản thảo được viết cẩn trọng, tẩy xóa nhiều lần; có khi là những bài thơ đã công bố và được sửa chữa. Tìm thơ hay như tìm vàng trong cát. Thơ hay như thế nào, bên cạnh cái chung, thì mỗi người có cách cảm nhận riêng.

Ông là ai vậy? Một nhà thơ đã từng ném mùi bom đạn chiến tranh, từng là Chủ tịch Hội Văn nghệ tỉnh Hà Tuyên sẵn sàng rời vị trí để về Hà Nội đi lang thang kiếm tìm thơ Việt. Đó là nhà thơ Gia Dũng. Bạn đọc từng biết đến ông qua một bài thơ phổ nhạc "Bài ca Trường Sơn" của nhạc sĩ Trần Chung: Trường Sơn ơi, trên đường ta qua không một dấu chân người. Có chú nai vàng nghiêng đôi tai ngơ ngác... đã làm bùng cháy bao trái tim tuổi trẻ.

Một dạo ông lên Đà Lạt đi gom thơ làm tuyển thơ "Nhà thơ nhà giáo Lâm Đồng". Ông lặn lội xuống tận Cát Tiên, gần sông Đồng Nai để gặp cô giáo Phan Thị Thảo, vào tận Lâm Hà chọn thơ của anh em văn nghệ địa phương ở đây, rồi ngược về Đà Lạt tìm thơ của các thầy cô giáo ở xứ sở sương mù này. Điều dễ nhận thấy là sức làm việc và ý thức trách nhiệm của ông đối với thơ ca Việt là tận tụy, cẩn trọng. Ông nhận bản thảo, rồi tự mình chép lại; dò tìm từng con chữ. Khi đọc thấy "lợn cợn" tức thì ông kiểm tra lại bản gốc ngay. Sở dĩ có được cách nhận biết này vì ông vốn dĩ là một nhà thơ, từng đọc hàng vạn bài thơ đông tây kim cổ và thấm thấu được cái hồn trong thơ ca Việt để thâm định tốt hơn.

Người ta gánh chữ vào buôn, còn ông gánh thơ về thành phố. Một đời tận tụy với thơ, nhưng làm ông vui. Vui vì được giới thiệu hạt vàng, hạt bạc trong đồng vì tăng tăng lớp lớp của thơ ca cả nước, biết đâu trong số ấy lại có câu thơ hay cho

ông cũng yêu thơ thường lắm; biết đâu mai đây các gã làm thơ tự thấy mình sung sướng vì có thơ đăng, thơ tuyển. Nhọc nhằn cả đời không làm ông bằng thơ, nhất là thơ Việt. Với Gia Dũng, ông có cái hạnh phúc lớn là đi đâu cũng gặp bạn bè, không phải vì được ông đăng thơ, mà ông được bạn bè yêu mến và sự. Bây giờ lắm kẻ qua cầu rút ván, có thơ đăng rồi lại ngoảnh mặt làm ngơ. Với ông, điều ấy không quan trọng. Ông chỉ có một đam mê duy nhất là làm thơ, nên thơ hay theo tiêu chí của Gia Dũng mà thôi.

Nhà báo Tân Linh trong bài viết " Lão buồn thơ" và những cuốn sách ông in trên báo Tiền Phong số 3 (từ 22 đến 28/1/2010) đã có những nhận xét về Gia Dũng bằng khuông buồn. Một nỗi buồn man mác nhưng không có sâu, không bi quan tuyệt vọng bởi Gia Dũng vốn đa đoan, và chấp nhận tất cả, cả sắc cả không. Sắc sắc không không! Lão sống như một người nghệ sĩ giữa cuộc đời như tiền bạc và lắm đen bạc, lang thang khắp miền nên lão chơi và quen hầu hết mọi người làm thơ. và vì thế lão có một gia tài đồ sộ thơ Việt để mà làm những tuyển tập đồ sộ vào bậc nhất... thế gian. Hai mươi năm về Hà Nội cơm niêu nước lọ ở trọ ven liễu soạn những thi phẩm nghìn trang để bán và tặng... Hai mươi năm với một đời người là khoảng thời gian lớn lắm. Nó đủ để ta có tất cả và mất tất cả. Nó đủ để ta là huy hoàng hay khốn nạn. Gia Dũng thì như là không cần huy hoàng hay khốn nạn. Lão sống lạc quan giữa tuổi tác và ảm lạnh tình đời. Hai mươi năm ở giữa thành Tuyên với Hà Nội để giữ lấy nền nếp gia phong, nhưng hôn thi đã góp ở những trang thơ. Ba vạn trang thơ đã được soạn và in ra, là thông số nói lên về vị đại của một lão buồn gần gũi nhất thời nay. In thơ mình trăm trang, đi gửi bạn bè chẳng được rồi đem tặng bạn bè chơi đã là một nỗ lực của nhà thơ. Đăng này đi đăng " Thiên gia thi" cả Việt và không Việt , cả cổ, cả kim cho người chơi thơ, yêu thơ và rồi lổ lổ cứ găm nhăm cái thân xác chàng lính cũ ấy đến tội nghiệp. Hai mươi năm tuyển thơ Việt, anh chọn thơ hay cho các đề tài : Hồ Chí Minh, Nguyễn Trãi - Hợp tuyển thơ, Thăng Long Hà Nội có Nghìn năm thương nhớ, rồi thì Mười thế kỷ Thơ Thái Bình, Chúng tôi đánh giặc và làm thơ, Thơ ca các dân tộc Việt Nam...Chao ôi! Dem số đầu sách ấy chất chồng lên đã thấy cao hơn cả một cái thân người của anh. Tội nghiệp " lão ăn mày thơ ca" mang tên nhà thơ Gia Dũng. Lão " ăn mày thơ ca" nhưng lão sống bằng nước khoáng, bánh mì mua chính bằng mồ hôi của lão. Nhớ dạo in tuyển thơ Nguyễn Trãi hợp tuyển thơ, tôi đã thấy anh vừa khóc vừa " hóa" cuốn sách dưới chân tượng đài Nguyễn. Anh đương khóc cho cho nỗi đời oan trái của Nguyễn hay khó chưa kịp lên mây tỏa ra cay mắt mà rồi nức nở...

Hai mươi năm lang bạt ấy, lão không làm thơ mà đi tầm thi thiên hạ. Nhưng tôi tin là lão hạnh phúc vì lão thỏa mãn được cái ham mê của mình. Lão còn thu hoạch được thêm gì nữa không thì chịu. Có cái tình bè bạn đâu đó. Có cái yêu mến của độc giả thân tượng đâu đó có giới biết. Nhưng cái chí tang bồng của lão thừa. Vậy là sướng rồi. Tôi đồ rằng trên đời này, bây giờ đó có ai bỏ một phần đời đi sưu tầm thơ ca Việt rồi về sắp xếp, chọn lọc, thẩm định rồi đi vay tiền, in ra những tuyển tập đồ sộ... kỷ lục thế giới như Gia Dũng!".

Có người gọi ông là " cứu vãn" thơ. Điều ấy không ngoa. Hai mươi năm cho một cuộc chơi, tưởng chừng như vô nghĩa, nhưng thực sự ông đã mang lại niềm vui khôn tả cho người làm thơ. Tác phẩm của họ được công bố, hay dở thế nào thì " hạ hội phân giải". Thơ hay tự khắc nó đến với mọi người và tự khắc nó



Nhà thơ Gia Dũng
Người thứ 1 bìa trái
Ảnh: Trần Ngọc Trắc

lưu giữ trong trái tim người. Thơ không hay anh có tung hô, ngợi ca đến cỡ nào cũng chỉ là một thứ giấy lộn không hơn không kém; thậm chí có bài được giải thưởng thơ nhưng không ai màng đón đọc. Với ông, thơ phải đi từ trái tim và trở về với trái tim, chỉ có những bài thơ ấy, câu thơ ấy là ở lại. Một đời làm cửu vạn cũng không hối tiếc tí nào, miễn sao thơ đến được với người yêu thơ là mãn nguyện lắm rồi.

Khi những ngày cả nước tập trung cho các lễ hội Ngàn năm Thăng Long - Hà Nội, Gia Dũng chọn cho mình một lối đi riêng. Ông khuân về hàng vạn bài thơ để chọn thơ in thành tập dày mấy nghìn trang từ thuở Lý Công Uân dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long. Một công trình thế kỷ. Một bộ sách tuyển thơ "Ngàn năm Thơ Việt" hai tập nặng gần bảy kilôgam được tuyển chọn kỹ lưỡng, in ấn đẹp, hoành tráng đã ra mắt bạn đọc. Một bộ sách thơ giá trị chỉ nên trưng bày những nơi trang trọng nhất ở phòng khách hoặc tủ sách gia đình, thư viện, công sở. Nguyên vọng của Gia Dũng đơn giản là ao ước khi mình ra đi vào chôn vĩnh hằng " thì úp mặt vào những bản thảo thơ... Nếu bạn bè kịp chôn tôi thì hãy cho tôi nằm trên những bản thảo thơ. Nhé!"

Những tuyển tập thơ đồ sộ như thế đang án ngữ trước mắt tôi trong thư phòng nhỏ của mình. Mỗi lần nhìn lên giá sách, tôi lại nghĩ về ông - một con người đặc biệt, gần, khùng nhưng chịu chơi. Tôi lại nghĩ đến những người khùng ở Đà Lạt - Lâm Đồng, như kiến trúc sư Lữ Trúc Phương với ngôi nhà trăm mái, đường lên trăng; như Đặng Thị Việt Nga với lầu đài mạng nhện, như nhiếp ảnh gia M.P.K; như Nguyễn Bắc Sơn ở Phương bôi - B'Lao, như sư Viên Thúc ở chùa Lâm Tỳ Ni... Ôi, những người khùng đáng yêu của nhân loại; có họ cuộc đời hôm nay bớt tẻ nhạt biết bao nhiêu. Với tôi, Gia Dũng cũng là một gã khùng đáng yêu. Ít ra, ông cũng đã có công mang những hợp tuyển thơ giá trị để làm giàu thêm gia tài văn học nước nhà vốn còn thiếu vắng những đề tài về các vùng miền trên cả nước.

Cạn cùng ông một ly rượu vốn dĩ không phải là sở thích của tôi, nhưng với tôi và Gia Dũng ly rượu này ấm cúng làm sao cho ngày gặp mặt.

Đà Lạt 27.11.2010
T.N.T

KHÚC HÁT SÔNG QUÊ

Ngỡ như người đã hát thay tôi
ngỡ như tôi đã lẫn vào câu hát
tuổi thơ ơi! !
quá nửa đời phiêu dạt
ta lại về úp mặt vào sông quê
như thuở nhỏ
úp mặt vào lòng mẹ
để tìm sự chở che...

Xin bắt đầu từ hạt phù sa
ta cúi nhặt tình cò bên bờ sông tháng chạp
ôi! Phù sa
những cá thể tự do trong hành trình của đất
đêm nao
chớp bể, mưa nguồn
trong cơn thác lũ
trong sóng đỏ
đất đi
kiến tạo
sinh thành...

Em ơi!
quả ớt cay bồi hồi
trên bãi sông
thuở chưa dấu chân người
anh nghe nói
có một thời
tất cả còn hoang dại
tổ tiên ta chỉ hái lượm mà thôi
lại nghe nói
thuở ta chưa biết ăn gì cả
ta cùng cây cỏ sinh đôi
rồi cây cỏ ăn ta
rồi ta ăn cây cỏ
cũng là khi cay đắng, ngọt bùi
ta và đất kết giao
lấy dòng sông làm lời thề non nước...

chẳng biết ta đã ăn ở thế nào với đất
mà đất lở sông ơi!
nơi ta chôn trâu thả diều ngày cũ đã đâu rồi

hạt đất quê ta giờ đã trôi về đâu chẳng biết
có làng xóm nào sinh
có hòn đảo nào sinh
từ hạt đất bờ sông quê ta lơ

như cuộc đời ta khuyết hao
 để đắp bồi rờ rở
 những sớm má hồng riu rít cháu con ta...

Này dòng sông !
 ai đã đặt tên cho sông là sông Cả?
 ai đã gọi sông Cả là sông Lam ?
 ta đơn giản chỉ gọi là con sông quê hương
 tháng ba phù sa sóng đỏ
 cá muông đớp ngọn lúa đồng đồng
 tháng năm
 ta lặn bắt cá ngạnh nguồn
 tháng chín
 cá lòng bong
 ta thả câu bằng mối con giun vạc
 tháng chạp
 ta nếm vị heo may trên má em hồng...
 Để rồi ta đi khắp núi sông
 ta lại gặp
 tháng ba...tháng năm...tháng chạp
 trong vị cá sông
 trên má em hồng...

Này dòng sông
 người còn nhớ chốn ta ngồi ngóng mẹ
 phiên chợ Luồng vời vợi tuổi thơ ta
 sao ngày ấy ta dễ ngoan đến thế
 mẹ cho ta một xu bánh đa vùng
 ta ngoan hết một ngày
 ta ngoan suốt cả năm
 ta thương mẹ đến trọn đời ta sống
 quê hương ta nghèo lắm
 ta rửa rau bên sông cho con cá cùng ăn
 ta mổ lợn
 con quạ khoang cũng ngồi chờ chia thịt
 cá dưới sông cũng có tết như người
 trên bãi sông
 ta trồng cây cải tươi
 ta ăn lá bướm ong thì hút mật
 lúa gặt rồi- còn lại rom thom
 trâu đung đỉnh nhai cả mùa đông lạnh...
 Cùng một bến sông
 phía dưới trâu đằm
 phía trên ta tắm...

trong ký ức ta
 sao ngày xưa yên ổn quá chừng
 một dòng xanh trong chảy mãi đến vô cùng !...

ĐÔI ĐIỀU VỀ BÀI THƠ KHÚC HÁT SÔNG QUÊ

Như nhiều người đã biết, *khúc hát sông quê* là một chương trong trường ca *Thời gian khắc khoải* tôi viết vào năm 2002. Khi viết xong trường ca này, tôi cũng tâm đắc lắm, có đưa cho một số người xem, có người bảo được, người bảo chưa được. Xong tôi vất bản thảo vào đâu đó không đoái hoài gì đến nó nữa. Cuối tháng 8 năm 2002, nhà thơ, nhạc sĩ Nguyễn Trọng Tạo vào Vũng Tàu dự trại sáng tác của Hội âm nhạc Việt nam, tôi có gửi cho anh 5 bài thơ (trong đó có bài *khúc hát sông quê*) để anh chọn in vào báo thơ của Hội nhà văn. Bấy giờ là một buổi chiều xâm xẩm tối, tôi và anh có đi uống rượu do một người quen của Nguyễn Trọng Tạo mời. Anh ở phòng số 306 thì phải. ? Do anh cũng đã uống lừng xừng rồi nên tôi đặt tập bản thảo trên bàn viết rồi về. Sáng hôm sau, vào khoảng 8 giờ, Nguyễn Trọng Tạo gọi điện hỏi tôi ăn sáng chưa, ra đây ăn sáng. Gặp tôi, anh nói ngay, phổ được bài thơ của Mậu rồi, để mình hát thử cho Mậu nghe nhé! Tôi thấy anh cầm một tờ giấy mới ký âm nguệch ngoạc, anh lấy giọng hai ba lần mới hát. Thử thật là, ngay câu đầu tiên của bài hát : *Quá nửa đời phiêu dạt/ con lại về úp mặt vào sông quê* đã khiến tôi thấy bồi hồi, xúc động rồi. Rồi những câu tiếp theo, rồi cả bài hát được Nguyễn Trọng Tạo hát trọn vẹn, không ngắt ngứ chỗ nào cả. Đến điệp khúc của bài hát thì chính Nguyễn Trọng Tạo cũng đã tự nhập đồng vào bài hát rồi. Sau này, anh bảo tôi nghe xong thì đực mặt ra, và bảo, anh làm tôi nổi tiếng đến nơi rồi! Đó là anh Tạo nói thế, chứ thực ra, không phải chỉ có tôi, mà Nguyễn Trọng Tạo cũng đực mặt ra, cũng thật sự bị lời ca, bị giai điệu của bài ca của chính mình làm cho ngây ngất trong phút giây sau đó. Ngày ấy, tôi đang bị rối loạn tiền đình nặng, nghe xong bài hát tôi nằm vật ra giường, không phải chỉ do xúc động về bài hát mà cả do tiền đình chóng mặt lúc nào cũng muôn năm. Hình như lúc ấy tôi có bình luận gì đó, nhưng có nói câu như anh Tạo nói không thì không còn nhớ! Tôi và Nguyễn Trọng Tạo có trao đổi qua về một số tình tiết của bài hát, ví như: Nguyễn Trọng Tạo có bảo tôi, câu thơ của Mậu là *qua nửa đời phiêu dạt* nhưng vào bài hát thành ra *quá nửa đời*, nhưng anh bảo, như thế có khi lại hóa hay, và anh nhắc đi nhắc lại câu mở đầu khi *qua*, khi *quá* mấy lần. Còn một câu anh bảo tiếc lắm mà không làm sao đưa vào được, đấy là câu *cá dưới sông cũng có tết như người*. Một vài chỗ nữa anh cũng cân nhắc từ ngữ rất kỹ như câu *từng vị heo may trên má em hồng*, câu thơ là ta nếm *vị heo may trên má em hồng*, anh khen chữ nếm hay, nhưng vào bài hát phải thế thôi!

Trước khi bài hát được đài truyền hình Việt Nam tổ chức giới thiệu trong chương trình tác phẩm mới do ca sĩ Anh Thơ trình bày, hôm bế mạc trại, ca sĩ Thanh Phong của đoàn ca múa Bà Rịa- Vũng Tàu cũng đã hát bài *khúc hát sông quê*, và ngay lúc đó anh và cả tôi nữa đã nhận được nhiều cảm tình của người nghe về bài hát đó.

Mỗi tác phẩm đều có đời sống riêng của nó. Sau này, khi bài hát đã dành được sự mến mộ của những người yêu âm nhạc rồi, có nhiều bạn đọc đã tìm đọc nguyên tác bài thơ *khúc hát sông quê* của tôi. Ai cũng biết rằng, âm nhạc đã chấp cánh cho bài thơ đến được với đông đảo người xem. Một cách công bằng, không phải khiêm tốn chi, *khúc hát sông quê* là một tuyệt phẩm âm nhạc của Nguyễn Trọng Tạo, phần thơ, nhiều lắm bài thơ của tôi, trước hết là nó tạo ra được một xúc động ban đầu cho Nguyễn Trọng Tạo, nhắc nhớ (tôi nhắc lại, nhắc nhớ chứ không phải là nhắc nhở) hồn quê trong anh, và vì vậy, bài hát mới thực sự gây được sự cộng hưởng sâu rộng trong lòng độc giả nhiều vùng miền trong cả nước. Tính đến nay, bài *khúc hát sông quê* đã gần được 10 tuổi. Cùng với ca khúc khúc hát sông quê, bài thơ của tôi cũng được xuất bản nhiều lần, được đưa lên một số trang web trong và ngoài nước. Nhân ngày thơ Việt nam lần thứ tám (2010), tác giả bài thơ được hân hạnh đọc nguyên bài thơ trên diễn đàn thơ Văn miếu Quốc tử giám! Tôi và nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo được đón tiếp hết sức trọng thị tại Diễn Châu quê anh và Thanh Chương quê tôi. Nhiều tấm lòng của bạn đọc, bạn nghe đài dành cho Nguyễn Trọng Tạo và tôi xúc động không sao kể xiết. Bạn bè, người thân của tôi ở quê, bạn bè lính Trường Sơn xưa, bạn bè văn nghệ, cũng đã dành cho Nguyễn Trọng Tạo và tôi sự quý mến, thân tình hiếm có. Tuy không phải lúc nào cũng ngây ngất trong “vinh quang” mà nhiều khi cũng thật mệt mỏi về nó.

Những lúc thanh vắng, trầm tĩnh nhất, tôi thường đọc lại bài thơ khúc hát sông quê của mình, không phải để tự sướng, mà để tự biết, tự đặt câu hỏi và có cả đề cũng cố sự tự tin vào bài thơ của mình, nhưng, thành thật mà nói, cái mình làm được trong bài thơ, theo tôi, là không phải mình làm thơ, mà chính là đề thơ nó làm mình, nó quy định ngôn ngữ biểu đạt, nó dẫn dắt mình theo trật tự, theo triết lý của nó. Nghĩ vậy, lần này, tôi mạnh dạn lục tìm bản thảo cũ, chỉnh sửa chút ít để xuất bản trọn vẹn trường ca *thời gian khắc khoải* của mình trong một ngày gần. Nhân ngày Tết cổ truyền, cũng là do gợi ý của bạn văn, tôi mạnh dạn viết vài lời về bài thơ khúc hát sông quê. Và có lẽ, tốt nhất là để bài thơ, có thể là lần đầu, nó được đọc bởi những người đã nghe ca khúc trước. Cảm ơn nhà thơ nhạc sĩ Nguyễn Trọng Tạo đã cho tôi có được vinh dự này!

Vũng Tàu 1/12/2010

CHUYẾN XE ĐỊNH MỆNH

Truyện ngắn

Mai một đây là ngày cưới của Di Năm, chúng mình thu xếp công việc, xin cơ quan về dự em nhé!

- Nhưng em còn vài công việc sếp bảo phải giải quyết sớm để còn kịp báo trước đại hội công đoàn sắp tới nữa !

- Thì em xin sếp kiếm người thay em cũng chẳng sao mà !

- Để thử xem. Em đành phải cố vậy .

Trong tâm trạng bối rối, Thành vội vàng tranh thủ trao đổi với người yêu Kiều về kế hoạch về thăm gia đình và dự đám cưới bà dì tại Nam Định. Thành và Kiều An cùng làm chung cơ quan, hai người quen biết nhau gần ba tháng.



Tuổi ba mươi nhưng Thành lâu nay vẫn chưa có bạn gái nào giữ lại được dài ngày cho đến khi gặp An, cô con gái tuổi hai sáu, gốc Hà Tĩnh, dáng người thon thả cao cao, khuôn mặt trái xoan trắng hồng, trông dễ bắt mắt, cảm tình. An theo gia đình lên Tây Nguyên sinh sống từ gần mười năm qua, mới chuyển công tác về cơ quan Thành chưa đầy năm. Hai người dù gần nhau chưa lâu nhưng hợp ý hợp tình, người này cũng tạo “cú sét ái tình” cho người kia khá nặng ký. Ngày nào một người vắng mặt ở cơ quan, bằng mọi cách họ cố tìm gặp nhau ở nơi nào khác, dù chỉ là thoáng chốc để cầm tay nhau, trao nhau những nụ hôn nồng thắm, dịu dàng.

Sáng nay Thành-An cùng đoàn khách khoảng 40 người quê miền ngoài vội vàng bước lên xe khách, thu xếp hành lý gọn gàng vào khoang hàng hóa, giá treo chờ xe lăn bánh. Đường cao nguyên quanh co, rời Đăk Nông, xe trực chỉ hướng Ninh Hòa xuyên giữa những khu rừng bạt ngàn, những vườn cà phê cành trĩu hạt, những rẫy bắp đậu, hoa màu xanh mướt trải dài ngút ngàn tận chân trời xa. Hai người ngồi cạnh nhau, cái lạnh cao nguyên phả nồng hơi ẩm da thịt truyền cho nhau cảm giác phân kích nhè nhẹ.

Thành choàng tay qua đầu An, ôm kéo vào mình và hôn nhẹ lên tóc, lên khuôn
mặt đập hơi thở của người yêu

Động loạt trên xe nhiều tiếng la lớn hốt hoảng.

- "A!...a!...aa!"

- "Xe nghiêng! xe nghiêng!..."

Thành cảm nhận xe không chạy trên đường mà là bị trôi, nước đầy. Tiếng An
lên bên tai anh:

- Trời ơi! Trời ơi! Răng đây ý Răng đây anh ý

Nước tràn vào xe. Có tiếng kính vỡ lỏa xỏa trong đêm. Xe chìm, chìm dần
trong nước, nhiều người thò đầu ra qua khung cửa sổ vừa được đập vỡ kính, tìm
cách thoát ra ngoài, Nhiều người kẹt lại trong xe, hốt hoảng gào thét, khóc lóc
thương.

- "Ra!..ra!..ra! An ơi! anh đây! anh đây!"

Vừa la hét, Thành vừa níu kéo An ra ngoài, một thoáng chốc hai người chơi vơi
trong biển nước, ngập ngoài cùng rất nhiều hành khách khác.

- Có lên em! Có lên em! Có anh đây! Anh đây!

Thành một tay ôm choàng An và cô bơi. Trời tối quá, chẳng còn biết đâu là bờ,
đường để định hướng.

- Một quá anh ơi! E chết mất! Em sợ lắm!

Hai cánh tay Thành càng lúc càng rã rời, không còn sức lực gì nữa. Một dòng
nước xoáy ngang qua, An tuột khỏi tay Thành. Thành cố chống chọi với dòng
nước, tìm An. Những hành khách thoát ra khỏi xe trước sau đều bị nước cuốn trôi.
Thành chơi vơi và chìm dần trong biển nước giá lạnh mênh mông.

Mấy ngày sau, từng xác nạn nhân được tìm kiếm, chiếc xe định mệnh được
trục vớt. Bên bờ con sông Lam những nạn nhân xấu số đã được tìm liệm vội
vàng. Người còn sống đến tìm xác người thân. Trong hai dãy quan tài sắp xếp
ngay ngắn cạnh bãi sông có hai bài vị đặt cạnh nhau ghi tên Nguyễn Trung Thành
- Ngô Thị Kiều An. Khói hương nghi ngút quyện lấy nhau. Trời Hà Tĩnh đã quang
mây, tạnh ráo nhưng hai dãy quan tài với hình hài những con người xấu số còn đó,
đau xót, ngậm ngùi.

TRỊNH BỬU HOÀI

Đà Lạt

Tôi về Đà Lạt
chiều rơi
sương phơi áo mỏng
trên đồi thông xanh
hoa vàng
ngọn cỏ mong manh
em má đỏ
tóc tơ mảnh
như mây
tôi làm ngọn gió
liêu trai
theo em hư ảo
mà say
hương trầm!



TRẦN SỸ THỨ

QUA THÁI NGUYÊN

Lững lờ bay, mây trên đèo Gió
Vi vu gió thổi giữa đèo Mây
Quanh co đường lượn, rông uốn khúc
Vó ngựa vang trời, ngắt ngây say.

NGUYỄN THANH MỪNG

RƯỢU CẦN

Thế là rượu không cốc ly tán tưng
Chỉ men rừng róc rách với suối trong
Vai sát vai tay choàng ta là đủ
Không gian thơm theo mắt đượm môi hồng.

Vòng tay em nửa vầng trăng đắm đuối
Cần rượu cong một nửa để tràn đầy
Nghe giống tổ tự đại ngàn hun hút
Thôi vô hồi trong lồng ngực anh đây

Xin tìm nhau suốt canh trường bè bạn
Cứ tràn trề cứ sóng sánh núi non
Trên biển nở sóng cồn nghiêng lòng ché
Ta thành thuyền vô điệp khúc làng buồn.

NGUYỄN HỮU QUÝ

Im lặng trên cao

Tránh xa sự ồn ào, sắc sỡ
không du dương những cung bậc phố phường
chỉ suối chảy, hoa và gió ấy
có điều gì thật dễ thương!

Im lặng trên cao là im lặng của người
tự mình lớn không mượn oai giống bão
sau tre trúc có tiếng mùa thu gọi
gió lẫn vào nẻo khuất lao xao.

Tìm về suối, về hoa và gió
khi nỗi buồn biết tìm cho nhau.
có những điều ngỡ như bé nhỏ
thành vô biên khi mây trắng trên đầu

Hồn núi nhập vào ta lặng lẽ
thơ gặp mùa nín gió đợi hoa sinh
sông xuôi ngược khi người không còn trẻ
thao thiết dòng trong suốt với lặng im...

NGUYỄN MẬU PHÁP

MỘT MÌNH...

Ngồi một mình nghe tiếng mưa rơi, nghe nhịp gõ thời gian chạm vào vách núi, nghe những gót chân thảng thớm đang bước vội... Bên bờ nơi đây Cuộc bể dâu vui đầy năm tháng... Quá khứ trôi dần vào dĩ vãng chỉ còn lại khoảng không rộng thênh và những bóng hình lung linh như ánh trăng huyền ảo... Chuyện thực hư xoay vần theo con tạo như giọt nước mơ màng bốc hơi tụ thành mây, theo cơn gió lất lay phủ đầy những giọt li ti trên hoa cỏ... khi mờ, khi tỏ, mỏng manh như những vì sao trên dải ngân hà...

Ngồi một mình chợt nhớ về nơi sinh ra, hình ảnh quê nhà sao mà thân thương đến thế! Thương cánh cò bay trong những ngày nắng xé, khói lam chiều bồng bềnh trên mái tranh xiêu. Nhớ tuổi ấu thơ chăn trâu, bắt bướm thả diều, cùng bè bạn bơi đùa nơi sông nước..., mỗi một nhịp chân bước là những nguyện ước đơn sơ mà nên thơ trong trắng đến vô ngần. Nhớ mẹ cha năm tháng tảo tần, nhớ những mảnh đời một nắng hai sương mà thiên lương rạng rỡ. Nhớ đêm giao thừa nhìn mai vàng chớm nở, cả nhà ngồi quây quần bên bếp lửa, lòng rạo rức hân hoan mong thời gian trôi nhanh để chào đón một năm mới an lành hạnh phúc. Thắp nén hương lên bàn thờ tổ tiên - gửi cho nhau lời cầu chúc, mong những ngày cơ cực sẽ không còn. Tết đậm bạc trong tiếng cười giòn, mà thiêng liêng, thăm đượm tình quê gắn bó...

Ngồi một mình chợt nhớ về thuở nọ, gặp gỡ rồi chia xa... hình như có tiếng vỗ òa của dư âm nơi sâu thẳm ý “Một dòng sông không thể hai lần tắm”, để rồi dòng sông ấy lặng thầm đổ dồn về đại dương mang theo cái vô thường mệnh mông, bất diệt!

Ngồi một mình nghe tiếng côn trùng tha thiết, nghe tiếng lá rơi da diết giữa trăng mờ...

Ngồi một mình nghe tiếng vọng hồn thơ, thổn thức, băng quơ, bồng chồn, nức nở... Trần gian là duyên là nợ, gắn kết từ thuở xa xưa... Từ nắng mà thành mưa, từ ngày mà thành đêm, từ hợp rồi tan... một dòng chảy miên man có - không của muôn vạn câu hỏi... Ngàn năm trôi qua, ngàn năm nối tiếp, khúc hòa ca vẫn chuyển nhịp vô thường! Chỉ còn lại tình yêu thương và lòng bao dung là vô cùng mãi mãi!

Ta lắng nghe nhịp đập của tim ta, nghe tiếng gọi của lòng ta, nghe hơi thở từ khối hình hài của mẹ cha ban tặng, nghe đất trời thì thầm chuyện mưa nắng, nghe muôn loài chia sẻ những ngọt đắng, buồn vui. Ta thấy em đang cười, thấy con người đang xích lại gần nhau, thấy đằng sau tiếng trở dạ gào đau, là niềm hạnh phúc rạng ngời thánh thiện, thấy ánh sáng của từ tâm hiển hiện... Ta thấy ta đang thăng thang đi giữa màu xuân!

NGUYỄN MAN KIM

TRĂNG THÁNG CHẠP

*Cũng là trăng của rằm thôi
Mà sao tháng chap bồi hồi...sương rơi
Trăng người – tròn giấc mơ dài
Trăng em - khuyết lạc bên ngoài sông mây.*

NGỌC TUYẾT

ĐI NGANG THÁNG CHẠP

*Tháng chap bắc
vân hình hài cũ những khát vọng
hôn mê ú ớ
mùa đàn bà chiều câm
bài hát mùa xuân rừng rưng cung bậc
cánh chuồn mỏng mảnh
bão*

*Đàn bà
giọt nước mắt mềm khủng hoảng
về đâu
hạt trắng xộp bắm đầy ký ức
lạnh
đi đường một chiều ngoài cổ
không thể quay bàn chân
treo ngược chiều kích hoàng hôn
em khóc*

PHAN CƯ

TẢN MẠN VỀ NHỮNG

VĂN NGHỆ SĨ TUỔI MÃO



Không hiểu sao tôi rất có cảm tình với những người tuổi Mão, có lẽ do bà nội tôi và mẹ tôi đều cùng tuổi đó chẳng ý Quạ hình ảnh của bà và mẹ, tôi thấy những người cảm tình con mèo thường chịu thương chịu khó, tính tình ôn hòa, tránh né sự đụng chạm, hòa đồng, hay giúp đỡ người khác... và lại có thiên hướng văn nghệ nữa. Bà tôi có năng khiếu kể chuyện cổ tích rất hay. Những tôi mùa đông giá rét, lũ cháu tụ tập tôi thường quây quần bên bà nghe kể chuyện Tấm Cám, Thoại Khanh Châu Tuấn, Thạch Sanh Lý Thông... Giọng bà ấm áp, diễn cảm khiến chúng tôi xuýt xoa, mê mẩn. Mẹ tôi thì tuy cuộc sống nhiều lúc khó khăn nhưng lúc nào cũng có óc khôi hài, vui vẻ. Khi đến tuổi trưởng thành, có cơ hội đọc nhiều sách báo, tôi lại thấy nhiều người tuổi Mão thành công trên con đường văn học nghệ thuật.

Nhà văn NGUYỄN CÔNG HOAN



Này nhé, tính từ đầu thế kỷ 20, nhà văn Nguyễn Công Hoan, bậc thầy về viết truyện ngắn ở nước ta, là người sinh năm Quý Mão 1903. Ông là nhà văn hiện thực phê phán chuyên viết về những mảnh đời nghèo khổ với một giọng văn châm biếm, đọc mà cười ra nước mắt (Kép Tư Bền, Hai thằng khôn nạn, Ngựa người người ngựa...). Truyện Bước đường cùng đã được đưa vào giảng dạy trong nhà trường. Với trên 200 tác phẩm vừa truyện ngắn vừa truyện dài, ông xứng đáng được nhận giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

Hồi là học sinh trung học, tôi rất thích đọc truyện tiểu thuyết lịch sử của Lan Khai, Nguyễn Triệu Luật. Nhà nghèo tôi đâu có nhiều tiền mua sách, chỉ có được truyện Bà Chúa Chè rồi luân phiên đổi cho bạn bè để đọc. Những truyện như *Loạn Kiều binh*, *Chúa Trinh Khải*, *Bà Chúa Chè*... của Nguyễn Triệu Luật đã thổi vào hồn tôi niềm yêu thích môn Sử. Ông cùng tuổi Quý Mão với Nguyễn Công Hoan nhưng lại chết trước tác giả Bước đường cùng đến 31 năm (Nguyễn Triệu Luật chết năm 1946 còn Nguyễn Công Hoan chết năm 1977).

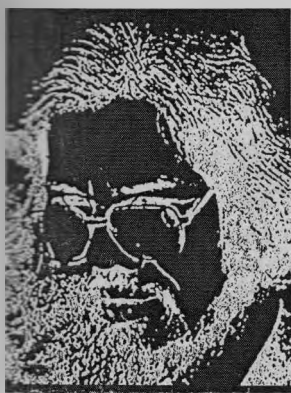
Cùng tuổi Mão với hai nhà văn trên nhưng sinh cách xa một giáp (12 năm), ở miền Bắc có nhà văn Học Phi, ở miền Nam có Bà Tùng Long và Tam Ích. Nhà văn Học Phi năm nay 96 tuổi, hiện sống ở Hà Nội, là thân phụ của nhà văn Chu Lai, một thời nổi tiếng với các vở kịch như *Chị Hòa*, *Một đảng viên*, *Ni cô Đàm Vân*... Ông được giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật. Khoảng đầu

... của thế kỷ trước, ở quê tôi đã thấy xuất hiện các tạp chí như Phụ nữ
... Phụ nữ Diễn đàn...; tôi thấy mấy bà mấy chị chuyền tay nhau đọc các
... nhiều kỳ trên báo; sau này tôi được biết đó là những tiểu thuyết tâm lý
... khách của nhà văn nữ bút danh là Bà Tùng Long. Các tác phẩm của bà
... xưa, Người xưa đã về, Đời con gái, Mẹ chồng nàng dâu... được
... ra chuộng nhất là nữ giới và bán rất chạy. Bà Tùng Long là người
... mục *Gỡ rối tơ lòng* trên tuần san *Phụ nữ ngày mai*, sau đó rất nhiều tờ
... theo viết về mục này. Bà là thân mẫu của nhà văn Nguyễn Đông Thức
... với tác phẩm *Ngọc trong đá* đã được dựng thành phim). Bà mất năm
... Thanh phố Hồ Chí Minh.

Về nhà văn Tam Ích Lê Nguyên Tiệp, thời sinh viên tôi hay đọc những bài
... ông đăng trên tạp san Văn do Trần Phong Giao chủ biên. Ông thiên về viết
... văn học và triết học. Các tác phẩm đã xuất bản như : *Nghệ thuật và nhân*
... *học và phê bình*, *Trẻ Guernica* (truyện dịch), *Sartre và Heidegger trên*
... Ông mất năm 1972 tại Saigon. Ở tuổi Tân Mão sinh năm 1951 có
... Ta Nghi Lễ, người Quảng Trị. Phải nói ông là nhà văn thì đúng hơn vì ông
... văn nhiều hơn làm thơ. Ông còn là một diễn viên điện ảnh, đã đóng trên 30 bộ
... như các phim Người đẹp Tây Đô, Hải Nguyệt... Các tác phẩm đã xuất bản :
... *người làm thơ* (truyện dài), *Nàng hải sư của tôi*, *Những mảnh đời khác*
... (Tập truyện), *Đi qua lời nguyện*, *Ngày về* (Kịch bản phim)... Ông mất năm
... sau một cơn bạo bệnh.

Tôi không biết làm thơ nhưng tôi lại yêu thơ. Gặp những bài thơ hay tôi
... chép lại, có khi đọc đến thuộc lòng cả bài hoặc năm bảy câu tâm đắc chẳng
... bài *Giọt nước Hương Giang* của nhà thơ Nguyễn Văn Phương :

*Hạt muối hòa tan trong ly nước
Tôi cũng hòa tan giữa cuộc đời
Làm tên phu xe qua ngày tháng
Chờ bao tiếng khóc lẫn nụ cười
Vắng khách đôi khi về chờ gió
Không tiền không bạc vẫn cười vang
Dừng lại bên cầu nghe nước chảy
Chợt thấy mình một giọt nước Hương Giang*



Chân dung Phương Xích lô
(internet)

Nguyễn Văn Phương còn gọi là Phương Xích Lô, sinh năm 1951 (Tân Mão) tại Thừa Thiên Huế. Ông làm nghề đạp xích lô, hàng ngày lao động rất vất vả, có khi cả buổi chẳng kiếm được đồng nào nhưng vẫn sống lạc quan yêu đời không tiền không bạc vẫn cười vang. Chỉ đến khi người vợ mà ông hết mực thương yêu bỏ ông và hai đứa con đi theo người khác, ông mới sinh ra buồn bã, uống rượu nhiều và có lẽ vì thế mà thơ ông có bài rất bi quan, thất vọng với cuộc đời :

*Tôi đi tìm lửa trong đêm
 Tìm ngọc trong đá, tìm sen trong bùn
 Tìm cao giữa chốn thấp lùn
 Tìm người giữa lũ giun trùn ngu ngơ
 Tôi đi tìm thực trong mơ
 Tìm thanh trong trọc, tìm thơ trong đời
 Tìm người giữa lũ đười ươi
 Tìm tri âm giữa tiếng cười lời chê*

(Đi tìm)

Phương Xích Lô mất năm 2002 vì chết đuối tại Quảng Trị. Bạn bè đã gom góp thơ ông in thành tập *Chở gió*. Nhà thơ Nhất Lâm có hai câu tiễn biệt ông rất xúc động:

*Thế rồi em bỏ cuộc chơi
 Bạn thơ và rượu giữa trời Huế thương!*

Tre già thì măng mọc, lớp nhà văn kỳ cựu dần dần vắng bóng trên văn đàn thì lại có một lớp đàn em, con cháu mới xuất hiện. Riêng nhà văn tuổi Mão thì trong mấy năm gần đây có sự xuất hiện của Dương Thụy, nhà văn nữ rất được giới trẻ hâm mộ. Dương Thụy sinh năm Ất Mão 1975 tại Saigon, học trường Lê Quý Đôn, Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn, và tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại Liege, Bỉ. Cô là nhà văn hiện nay có sách bán chạy nhất như tác phẩm *Oxford thương yêu* tái bản đến lần thứ 10 với 41 500 bản; *Nhắm mắt thấy Paris*, sách thuộc loại best seller chỉ trong 4 ngày tái bản đến 5000 bản....Một lần về Saigon ở chơi nhà con gái, tôi thấy trên kệ sách không thiếu một quyển nào của nhà văn Dương Thụy. Tôi mừng vì con mình tuy làm việc căng thẳng vẫn dành chút thì giờ để đọc sách văn học, vì văn học làm cho con người bớt ác đi trong cuộc sống xô bồ phức tạp hiện nay. Tôi cũng mừng cho Dương Thụy vì như vậy tác phẩm của cô đã được quần chúng chấp nhận và đời sống kinh tế của nhà văn sẽ khá lên. Hiện nay có một số nhà văn đã có thể sống hoặc giàu lên nhờ tác phẩm của mình chứ đâu như ngày xưa thời Vũ Trọng Phụng, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu....nghèo đến nỗi nhà thơ Nguyễn Vỹ phải thốt lên: Nhà văn An nam khổ như chó! hay như Tú Xương đã phải tự trào: Cao lâu thường ăn quýt, thổ đi lại chơi lường!

Trong khi tôi đang ngồi viết những dòng này thì ở nhà trên đứa con dâu đang mở CD nhạc với tiếng hát cao vút của ca sĩ Anh Tuyền:

*Tôi nhớ một chiều xuân chia phôi
 Và mây mờ buông xuống núi đồi
 Và trong lòng mưa hơn ở ngoài...*

Tôi dừng bút lắng nghe, điệu valse chậm rãi, buồn man mác, đúng là *Nụ cười sơn cước* của Tô Hải rồi! Tôi đứng dậy lấy từ điển lật tra cứu và ngạc nhiên chưa, Tô Hải là nhạc sĩ sinh năm Đinh Mão 1927. Ông sinh tại Hà Nội và hiện sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tác phẩm của ông gồm nhiều thể loại từ

... đến hợp xướng, tiểu luận phê bình âm nhạc... nhưng đối với tôi, thích nhất vẫn là *Nụ cười sơn cước*, ca từ và giai điệu cứ gieo vào lòng người một hoài niệm ngọt ngào, xa xăm. Trong một lần trả lời phỏng vấn nhà báo Hạ Đình Nguyên, nhạc sĩ Anh Việt đã nói : Đã hơn 20 năm tôi không còn làm âm nhạc vì âm nhạc của chúng ta không còn đất sống. Thời buổi bây giờ chẳng ai sử dụng ca khúc của chúng ta nữa...trừ một vài ngày lễ. Bọn chúng tôi trở nên lạc lõng, hỏi tên không ai biết... Quả thật những người trẻ bây giờ ít biết về nhạc kháng chiến, những bài hát của tôi, sinh ra trong khoảng thập niên 40 của thế kỷ trước, nhiều người còn thuộc và nghe ngao *Sơn nữ ca*, *Lời người ra đi*, *Ngày trở về*....và *Nụ cười sơn cước*.

Ở Saigon trước 1975 có một nhạc sĩ cũng sinh cùng năm Mão với nhạc sĩ Anh Việt, đó là nhạc sĩ Nguyễn Hiền nổi tiếng với ca khúc *Anh cho em mùa xuân*, nhạc sĩ Kim Tuấn :

*Anh cho em mùa xuân
Nụ hoa vàng mới nở
Chiều đông nào nhung nhớ
Đường lao xao lá đầy
Chân bước mòn hễ phố
Mắt buồn vịn ngọn cây....*

Hầu như mỗi khi xuân về Tết đến, bài hát này thường vang lên trong mọi nhà cùng với các ca khúc xuân nổi tiếng khác như *Xuân đã về*, *Xuân ca*, *Hạnh phúc đầu xuân*... tạo nên một không khí rộn ràng vui tươi trong ngày Tết truyền thống của dân tộc. Ngoài *Anh cho em mùa xuân*, ông còn có các ca khúc được ưa chuộng khác như *Nghìn năm mây bay*, *Tìm đâu*, *Xuân vui ca*... Nguyễn Hiền mất năm 2005 tại Mỹ vì ung thư.

Người xưa thường nói tài hoa thì mệnh bạc. Chúng ta từng biết đến nhạc sĩ Đặng Thê Phong với những bài hát bất tử như *Giọt mưa thu*, *Con thuyền không bến*..., lúc tài hoa đang độ sung mãn thì phải chết vì bệnh tật hoặc như nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp nổi danh với bài thơ *Chùa Hương* cũng đã vĩnh viễn ra đi lúc tuổi đời chưa đến 30. Trường hợp nhạc sĩ Anh Việt Thu ở miền Nam trước 75 cũng vậy. Ông sinh năm Kỷ Mão 1939 và điều lạ lùng là cũng mất vào năm Mão, đó là vào năm Ất Mão 1975, hưởng dương 36 tuổi. Nhạc sĩ Anh Việt Thu là một tài hoa trong âm nhạc. Tác phẩm đầu tay của ông là bài *Giòng An Giang* theo điệu walse dịu dặt nổi tiếng một thời mà nhiều người bây giờ còn nhớ :



Nhạc sĩ ANH VIỆT THU

*Giòng An Giang sông sâu nước biếc
Giòng An Giang cây xanh lá thắm
Lá lướt về qua Thất sơn
Châu Đốc giòng sông uốn quanh
Soi bóng Tiền Giang Cửu Long
Giòng An Giang đầy nước in sâu
Nhịp cầu tre ngả bóng say sưa
Nắng vẫn chiếu trên làn sóng nhấp nhô
Nắng vẫn chiếu trên gò má hây hây mơ màng,
ngây thơ....*

Ca từ và giai điệu bài hát không cầu kỳ mà đơn giản, chân chất như giòng nước trôi nặng phù sa chảy qua những miệt vườn cây trái sum suê với nhịp cầu tre say sưa soi bóng trong ánh nắng chiều làm hồng lên đôi má của những nàng thôn nữ ngây thơ. Bài hát gọi lên không gian thanh bình, êm đẹp của một vùng quê Nam bộ hiền hòa.

Ngoài ra Anh Việt Thu còn sáng tác những tình khúc rất thành danh như *Đa tạ*, *Tám điệp khúc*.....

Cùng năm sinh với Anh Việt Thu, có một nhạc sĩ mà khi nhắc đến chắc trong chúng ta không ai là không ngưỡng mộ, đó là nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Người nhạc sĩ thiên tài này sinh năm Kỷ Mão 1939 tại Lạc Giao, Darlak. Thưở nhỏ ông học trường Pháp ở Huế, sau chuyển vào Saigon học trường J.J.Rousseau. Ông từng theo học trường Sư phạm Qui Nhơn và dạy ở Bảo Lộc, Lâm Đồng một thời gian rồi bỏ dạy chuyển về Saigon sống, từ đó ông chuyên tâm vào con đường âm nhạc.



Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn

Tôi làm quen với nhạc Trịnh không phải bắt đầu từ những tình ca mà là những ca khúc viết về thân phận quê hương, về cuộc chiến đang xảy ra từng ngày trên mọi miền đất nước. Hồi đó sinh viên chúng tôi hay chuyển tay nhau những bài hát trong Ca Khúc Da Vàng như *Gia tài của mẹ*, *Đại bác ru đêm*, *Một ngày dài trên quê hương*. *Người con gái Việt Nam*..... Mỗi lần sinh hoạt tập thể, sinh viên chúng tôi thường vỗ tay hát:

*Người con gái Việt Nam da vàng
Yêu quê hương như yêu đồng lúa chín*

.....

*Người con gái ngồi mơ thanh bình
Yêu quê hương như đã yêu mình....*

(Người con gái Việt Nam)

Có những bài giai điệu đều đều như tiếng kinh cầu, lắng đọng nhưng cũng không kém phần lãng mạn :

*Đại bác đêm đêm dội về thành phố
Người phu quét đường dừng chổi lắng nghe*

(Đại bác ru đêm)

Ngoài *Ca khúc da vàng*, Trịnh Công Sơn còn sáng tác những bài mà trong những buổi sinh hoạt cộng đồng hay lửa trại của sinh viên, học sinh không thể thiếu được, đó là *Huế Sài Gòn Hà Nội*, *Nối vòng tay lớn*...

Nhưng dấu ấn đặc biệt mà người nhạc sĩ họ Trịnh để lại cho đời chính là những tình khúc bất hủ của ông. Chiến tranh thì xảy ra nhưng hàng ngày, hàng giờ tình yêu vẫn bất tuyệt, thiên thu :

*Như mưa bay trên tầng tháp cổ
Ca như em mây thuở mắt xanh xao
Nghe là thu mưa reo mồn gót nhỏ
Đường dài hun hút cho mắt thêm sâu...*

(Điểm xua)

Có thể nói Trịnh Công Sơn là người viết tình ca hay nhất của thời đại. Ca ca như *Nhìn những mùa thu đi, Như cánh vạc bay, Tình nhớ, Hạ*... là mê hoặc bao thế hệ. Và người đã chuyển tải những thông điệp tình ca nhạc sĩ thiên tài này đến với quần chúng một cách thành công không ai có thể phủ nhận là nữ ca sĩ Khánh Ly. Trịnh Công Sơn đã chấp cánh bay cao cho giọng ca Khánh Ly nhưng một cách công bằng, chính người nữ ca sĩ này cũng đã làm cho nhạc Trịnh lung linh hơn, liêu trai hơn làm rung động hàng triệu trái tim.

Trịnh Công Sơn là người nhạc sĩ tài hoa hết mực nhưng trong đời sống ngoài đời ông lại là người hiền lành nhân hậu. Trong bài *Tiền anh vào cõi vô tình* của nhà thơ Trần Ngọc Trác, Chủ tịch Hội VHNT Lâm Đồng, đăng trên tập *Đi Lạc nhớ Huế* (Nhà xuất bản Văn học, tháng 10/2010), tác giả đã kể lại : *"Ngày 23 tháng 3 năm 2001, nhạc sĩ Tôn Thất Lập, Mạnh Đạt và tôi đến thăm anh Trịnh Công Sơn ở 47C Phạm Ngọc Thạch, TPHCM. Hôm đó anh đang ngồi trên xe lăn chờ theo dõi chương trình động vật trên truyền hình VN. Chương trình đang phát sóng một con rắn khổng lồ đang nuốt chửng một con vật. Tôi ngồi cạnh anh, anh nói: 'Rắn mà hiền ác rửa? Lòng trắc ẩn thương đời cứ ẩn hiện trong anh'"*

Và thật oái ăm, một con người từ bi như vậy lại không sống lâu với đời để sáng tác những bài ca làm đẹp cho đời. Tôi đã sững sờ, bàng hoàng khi nghe đài *Radio* trên hình thông báo trong buổi phát hình thời sự tối 1.4.2001 : nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã qua đời trưa nay tại Bệnh viện Chợ Rẫy, TPHCM. Ông ra đi vào tuổi 45, lúc tài năng đang rực rỡ, so với các nhạc sĩ đàn anh như Phạm Duy, Phan Huỳnh Điểu thì thật quá sớm. Thế là ông đã trở về với cát bụi như ông từng viết :

*Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi
Để một mai tôi trở về cát bụi...*
(Cát bụi)

Khi nghe tin Trịnh Công Sơn mất, ca sĩ Khánh Ly đã phát biểu : *"Ông Trịnh Công Sơn không của riêng ai. Ông là của tất cả mọi người. Ông yêu dân tộc và quê hương. Việc ông ở lại và nằm xuống trên quê hương là điều đúng. Từ ông, tôi đã thành danh, và quan trọng hơn là thành nhân. Sống cùng với tên tuổi của ông gần 40 năm với những lời ông dặn bảo phải sống giữa đời với một tâm lòng, và sống với người bằng sự tử tế. Ông là một nửa đời sống của tôi."*

Mười hai năm sau ngày sinh của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, Anh Việt Thu, nên âm nhạc nước ta lại chứng kiến sự ra đời của hai nhạc sĩ : Quốc Dũng và Nguyễn Ngọc Thiện. Cả hai đều sinh năm Tân Mão. Thế hệ chúng tôi biết đến Quốc Dũng như là một nhạc sĩ của dòng nhạc trẻ trước năm 1975. Tôi nhớ đến ông nhất qua bài *Mai*, điệu Pasodoble do ca sĩ Elvis Phương trình hát thật rộn ràng nhưng cũng rất tha thiết:

Mai, anh đã quen em một ngày
 Anh đã yêu em một ngày
 Một tình yêu quá không may
 Mai, anh nhớ môi em mỉm cười
 Anh nhớ môi em ngọt lời
 Dù lời yêu thương chưa nói
 Mai, anh đã yêu em thật rồi
 Một tình yêu quá cô liêu
 Mai, em đã cho anh hẹn hò
 Như đã cho anh đợi chờ
 Để rồi không đến bao giờ

.....

Bài *Bên nhau* ngày vui cũng được nhiều bạn trẻ ưa thích khi mới ra đời và ca từ vui tươi và âm điệu rộn ràng :

Một sớm tan chuông tà áo trắng ngập đường
 Minh anh chờ vợ chờ anh trước cổng trường
 Rồi bóng em sang qua giây phút muộn màng
 Năm tay anh em cười khê nói

Sau năm 75 , Quốc Dũng ở lại Việt Nam và sáng tác rất nhiều ca khúc được nhiều ca sĩ hát và giới trẻ hâm mộ.

Về Nguyễn Ngọc Thiện, ông là một nhà sĩ nhưng mọi người biết ông nhiều hơn qua vai trò một nhạc sĩ với những bài hát trẻ trung, sôi động dành cho tuổi teen. Tôi nhớ ông nhiều nhất với ca khúc *Ơi cuộc sống mến thương* sáng tác năm 1979. Những ngày đó cuộc sống của dân ta còn khó khăn vì đất nước mới thống nhất, mọi người phải lao động vất vả mới có cái ăn cái mặc; trong hoàn cảnh đó lời và giai điệu bài hát cũng đã động viên tôi và các con rất nhiều:

Có chú chim non nho nhỏ
 Cất tiếng liu lo như muốn ngỏ...
 Cuộc sống hôm nay tuy vất vả
 Nhưng cuộc đời Ơi ta mến thương!

Nhạc của Nguyễn Ngọc Thiện luôn nhí nhảnh yêu đời, ông thường viết về tuổi trẻ và tình yêu:

Chiều hôm nay vừa tan buổi học
 Anh lơ ngơ ra trước sân trường
 Đường như anh đứng đó bao giờ
 Đợi chờ em đã lâu...

(Cô bé đổi hờn)

Và cuối cùng tôi xin tán mạn về một nhạc sĩ trẻ cảm tình con mèo đã để lại trong tôi ấn tượng sâu sắc về một thành phố ngàn năm tuổi : Hà Nội. Đó là nhạc sĩ Trương Quý Hải (sinh năm Quý Mão 1963) với bài hát *Hà Nội mùa vắng những cơn mưa* :

Hà Nội mùa này vắng những cơn mưa
Cái rét đầu đông
Khăn em
Hũ hũ
Gió lạnh
Hoa sữa thôi rơi
Ta bên em
Một chiều tan lớp
Đường Cổ Ngư xưa
Chậm chậm
Bước ta về....

Tôi không phải người Hà Nội và tôi cũng chỉ một lần đến đó thoáng qua tôi quen thuộc thành phố này từ những ngày còn học trung học. Chính tác phẩm của Tự lực Văn đoàn đã làm tôi biết và yêu Hà Nội, thấy Hà Nội gần gũi, thân quen. Những cái tên như Hồ Hoàn Kiếm, Đền Ngọc Sơn, Trần Quốc, Đường Cổ Ngư, Áp Thái Hà, Hồ Tây.....rồi cơn gió heo may, sữa, lá bàng.....luôn ẩn hiện trong những trang sách của Thạch Lam, Khái Nhật Linh... đã từng làm tôi nhớ và mơ đến Hà Nội một thời.

Cho dù sau này Trương Quý Hải có làm hàng trăm ca khúc nổi tiếng thì cần một Hà Nội mùa vắng những cơn mưa là đủ để tôi ngưỡng mộ ông suốt. Đã có rất nhiều ca sĩ hát ca khúc này nhưng theo tôi chỉ có Mỹ Linh hát mới thần, mới chuyển tải được những rung cảm sâu xa về tình yêu Hà Nội. Và đáng nói ca sĩ Mỹ Linh cũng cùng tuổi Mão như nhạc sĩ họ Trương. Cô sinh Ất Mão 1975 và hiện nay là một trong những Diva hàng đầu của Việt Nam.

Nếu làm một vòng ngược thời gian kể từ Mỹ Linh, ta cũng sẽ bắt gặp một ca sĩ cảm tình năm Mão nổi danh một thời như ca sĩ nghệ sĩ nhân dân Lê Dung, giọng ca opera số một của nước ta (sinh năm Tân Mão 1951); ca sĩ Hà Thanh, giọng ca truyền cảm, làm ru lòng người với những tình ca xứ Huế (sinh năm Kỷ Mão 1939); và còn nữa là ca sĩ Thái Hằng, người bạn đời của nhạc sĩ Phạm Duy sinh năm Đinh Mão 1927 từng vang bóng một thời cùng Ban Hợp ca Thăng Long của nhạc sĩ tài danh Phạm Đình Chương.

Văn chương và âm nhạc là những phạm trù nói mãi không cùng. Đã là nghệ sĩ tức là đã sở hữu một tài năng nào đó; nhưng những nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ, ca sĩ sinh năm Mão mà tôi kể trên, ngoài tài năng ra họ còn có một tâm hồn rộng mở biết xúc động yêu thương trước những mảnh đời nghèo khó, biết đau những nỗi đau của đồng loại, biết ngời ca và nâng niu cái đẹp; có thể họ mới có được những tác phẩm vượt thời gian mà ngày nay chúng ta đang thụ hưởng.

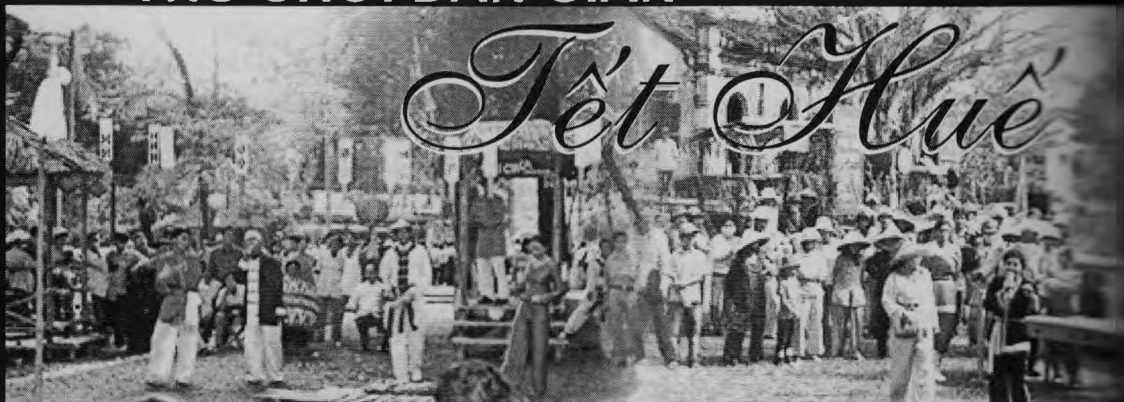
Tính đến mùa Xuân này thì nhà văn Nguyễn Công Hoan, nhà văn Nguyễn Triệu Luật, Tam Ích Lê Nguyên Tiệp, Tạ Nghi Lễ, Phương Xích Lô đã không còn nữa; các nhạc sĩ Nguyễn Hiền, Anh Việt Thu, Trịnh Công Sơn cũng đã vĩnh biệt chúng ta nhưng tác phẩm của họ vẫn còn sống mãi với thời gian.

Xin thắp một nén nhang tưởng niệm những người đã khuất.

Dalat 4.11.2010

NGUYỄN VĂN UÔNG

THÚ CHƠI DÂN GIAN



Tết nông thôn Huế thực sự đến từ chiều 30, khi bữa cơm cúng dọn từ bàn thờ bung trải ra mâm, cả nhà quây quần trên chiếu phản trong khi bên ngoài trời chuyển màu dần sang tối. Đó là bữa cơm cúng mời tổ tiên và Táo quân, Thổ địa trở về nhà ăn Tết. Những ngày giáp Tết công việc đông đúc bẽ bộn, có nhiều nhà tuy đã dựng con nêu và tiễn đưa ông Táo về trời từ ngày 23 tháng Chạp, nhưng không khí Xuân chỉ thực sự hiện diện trong mỗi gia đình từ chiều nay, sau bữa cơm chiều thịnh soạn, bàn thờ hương chong, đèn rạng, cả nhà tất bật chuẩn bị cỗ cúng giao thừa đón chào năm mới.

Sáng mùng một mở đầu năm mới, mỗi gia đình chọn người tuổi tốt xuống giường đập đất đầu năm. Ngoài những nghi lễ ngày Tết gồm cúng bái tổ tiên, mừng tuổi cha mẹ, người thân, thăm viếng họ hàng, xóm giềng, chúc mừng con cháu,... người dân nông thôn còn dành nhiều thời gian tham gia nhiều trò chơi dân dã mua vui, cầu mong vận may, điều tốt đẹp cho cả năm.

Trong khuôn khổ bài viết này, tôi xin giới thiệu một vài thú chơi dân gian Tết Huế cách đây chừng 50 – 60 năm trước

1. CHƠI BÀI TÓI

Bài tói thoát thai từ cỗ bài lá tổ tôm gồm ba pho Vắn, Vạn, Sách, mỗi pho 10 quân bài. Đánh tổ tôm, đánh chắn, đánh tài bàn đều sử dụng cỗ bài lá tổ tôm nhưng khác nhau về cách chơi. Đánh tổ tôm rất khó, chỉ dành cho các cụ thâm nho. Ca dao xưa đã có câu về đánh tổ tôm như là một cách thể hiện trình độ và cái oai phong của bậc kẻ sĩ nho gia:

Làm trai biết đánh tổ tôm

Uống chè mạn hảo xem Nôm Thúy Kiều.

Đánh chắn, tài bàn tuy qui luật ít nghiêm ngặt hơn nhưng giới bình dân khó lĩnh hội, nhất là phụ nữ và lớp thanh niên nông thôn.

Bài tới là một phát kiến sáng tạo từ các quân bài tổ tôm, được cách điệu thành hình ảnh thuộc ba hệ thống tương ứng ba pho của tổ tôm. Chơi bài tới không cần ra, dễ tập, phù hợp điều kiện nông thôn nông nghiệp, đáp ứng được nhu cầu giải trí bình dân nên phổ biến rộng rãi. Tên các quân bài tới căn bản dựa trên các quân bài tổ tôm nhưng chỉ gọi dân dã nôm na không theo thứ tự trong bài Hân

Bảng sau đây đối chiếu 30 quân bài của tổ tôm và bài tới:

QUÂN TÔ TÔM	BÀI TỚI		
Tên quân bài/ Pho	Pho Văn	Pho Vạn	Pho Sách
Thất	Bạch tuyết	Trò	Nọc đường
Văn	Trường hai	Đầu	Nghèo
Vạn	Trường ba	Quăng	Gà
Tr	Voi	Cặng (Hương)	Dóng
Vệ	Rồn	Ngủ	Dày
Lục	Sáu tiên	Chuôm (Xơ)	Sáu nút (Sáu hột)
Thái	Liều	Dọn	Sưa
Bai	Tám tiên	Bồng	Tám dây (Tám hột)
Cầu	Xe	Thầy	Gối
Ba con cặp yêu	Âm	Tử	Mỏ

Một bộ bài tới có 60 con bài, chia làm ba pho (pho văn, pho vạn, pho sách) mỗi pho có 9 cặp và 3 cặp yêu (Âm, Tử, Mỏ). Con bài làm bằng giấy bởi có hình chữ nhật đứng (2x8,5 phân), mặt trước in hình con bài, mặt sau đều một màu xanh hoặc đỏ, đỏ cam. Lá bài in bằng bản khắc mộc được cho là tốt khi giấy cứng vừa phải, màu bài phía sau đều nhau, không có dấu để lộ bài, hình in rõ nét, bộ bài chơi nhiều lần được xoa xáo trộn trên chiếu không bung góc, không nhàu, không đổ xơ. Pho Văn tượng hình bằng những vòng tròn như bánh xe và nửa đồng tiền đồng. Pho Vạn vẽ hình người bằng những nét kẻ gần như trường phái tượng trưng ngày nay. Pho Sách vẽ các nút hình tròn nhỏ liên kết nhau, giữa các vòng tròn có một chấm đen. Phía trên mỗi con bài đều có hàng chữ nhỏ ghi tên con bài như của tổ tôm (tứ văn, thất văn, thất vạn, ngũ sách...), sau này được thay thế bằng chữ quốc ngữ ghi tên con bài theo tên của bài tới (voi,liều,nhọn,dày...).Người chơi bài tới không mấy quan tâm đến các chữ này. Họ chỉ nhận diện con bài qua hình vẽ. Khó nhất là trong pho vạn, hình nào cũng na ná như nhau, chỉ có vài tiểu tiết nhỏ để phân biệt. Người mới chơi khó phân biệt con cặng, con ngủ, con đầu, con chuôm...nếu không chú ý con cặng mặt nghiêng, phía dưới có mấy đường sóng, con ngủ trọc đầu, con đầu như con ngủ nhưng đỉnh đầu đội một ô như cái đầu, con chuôm thì phía trên đầu có một mảng gạch chéo như chuôm...

Bộ bài tới được vận dụng vào nhiều cách chơi khác nhau. Chơi bài theo cách phổ biến nhất ở vùng nông thôn Trị Thiên mỗi dịp Tết đến, xuân về.

Một sòng bài tới phải có đủ 6 người chơi. Mỗi phe 3 người ngồi một bên chiếu, giữa hai phe là ngọn đèn dầu làm ranh giới. Hai phe giữ bí mật các quân bài mỗi người cầm trên tay. Trong cùng một phe, ba người có thể nhìn bài nhau để bàn luận con bài đánh ra nhưng không được trao đổi bài. Trước một ván bài, mỗi phe lật sập 30 con bài đều trên chiếu, xoa xáo trộn để mỗi người bốc ngẫu nhiên 10 con bài cho tay mình. Người vừa tới ván trước ra một con bài đi chợ cho phe bên kia. Ở phe kia, người có giữ con bài đó ra tiếp một con bài khác trả lại cho phe đối địch. Cả hai con bài đều được vắt ngựa xuống chiếu để đối phương kiểm tra. Cứ thế giữa hai phe lần lượt nhận bài, ra bài. Người nào nhẹ tay đi hết 4 cặp bài sớm, còn hai con cuối thì chực. Nếu phe kia đi một con bài trùng với một trong hai con bài chực, thì được tới. Những con bài đã đi đều được lật ngựa và giữ ở chiếu của mỗi phe, không lẫn lộn với phe bên kia.

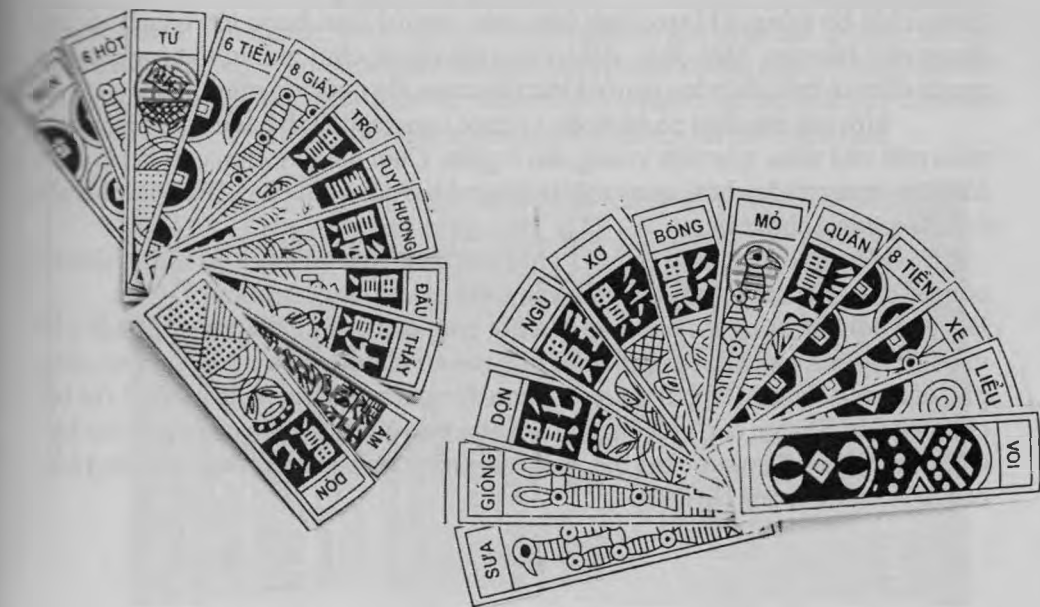
Trong bộ bài tới có 3 con cặp yêu của ba pho không được chực. Đó là con âm, con tử, con mỏ. Các con bài này đều có kí hiệu màu đỏ nên được gọi là bài đỏ. Con âm tô đỏ cả con bài. Con tử, con mỏ chỉ có một vòng tròn đỏ đóng phân trên hình vẽ. Người chơi bài tới thích bắt được các con bài này vì nó dễ đi nhưng không tính toán kỹ thì đôi khi bị đền. Đó là trường hợp một tay bài chỉ còn lại 4 con bài trên tay, trong đó có 2 con bài đỏ. Nếu phe bên kia đi trúng một con bài đỏ thì tay bài này đi trả con bài đỏ kia, trên tay còn hai con bài đen để chực. Nếu không may, phe kia đi trúng một con bài đen, thì tay bài này chỉ đi được một con bài đỏ và trên tay còn lại một con bài đỏ (trong 2 con chực cuối cùng) và thế nào phe đối phương cũng đi con bài đỏ ấy. Thế là tay bài ấy bị tới thối, không được ăn tiền còn phải phạt, chung tiền một suất theo lệ chung tiền cho tay bài phe bên kia phát con bài tới đó. Ván sau tay bài tới thối phải đi chợ cho sòng bài. Mà đã đi chợ thì cuối bài chỉ được chực một con, thiệt thòi một nửa so với các tay bài khác.

Cách chung tiền thắng cho người tới bài tùy thuộc lệ giao trước khi chơi. Lệ được dùng nhiều nhất là trước khi vào một hội, cả 6 tay chơi đều chung tiền để dưới để đền. Hễ ai tới thì được ăn một ván lấy một phần tiền chung. Khi người tới bài ăn hết 6 phần tiền chung thì hết hội, phải chung tiền để đánh hội khác. Có những hội bài sắc mùi ăn thua thì người tới lấy hết tiền chung và các tay chơi phải đập lại hội mới. Có sòng bài theo lệ chia làm hai phe, người tới bài được ba tay bài phe kia chung tiền. Cách chung tiền kiểu này buộc các tay bài cùng phe phải liên kết tính toán để phe mình được tới, dù chỉ một người được chung thì hai người kia cũng khỏi phải mất tiền. Chung tiền theo phe khiến sòng bài tới hấp dẫn hơn nhưng cũng dễ sinh ra gian dối khi các tay bài cùng phe lên đôi bài cho nhau để giành tới về phe mình.

"*Chẳng thông dong cũng ba ngày Tết*". Dù suốt năm vất vả đến mấy, ba ngày Tết người dân nông thôn cũng cố tạo ra không khí no đủ thành thơ cho gia đình. Họ tin đó là điềm lành cho cả năm. Những ngày ấy trong nhà không thể vắng vẻ sòng bài tới. Chiếc chiếu hoa mới dành cho ngày Tết được trải ngay trước chiếc giường ở một góc nhà. Sáu người túm tụm xoa bài, tranh bắt bài, cười nôm nà bằng cả điệu bộ và ngôn ngữ thân mật. Tiếng cười dòn không ngớt suốt cả khi có người tinh nghịch hô tên con bài một cách xỏ xiên. Khách ra vào dịp Tết đôi khi cũng bị sòng bài tới lôi cuốn, ngồi chơi mãi không về. Sòng bài ngoài hẻm các loại sòng bạc khác. Chủ nhà đã không có tiền tiêu, lại còn bỏ tiền mua bộ bài tốt, tốn thêm trà chè, bánh mứt. Giới đàn ông thường ít thích chơi bài tới bằng phụ nữ. Có những chị mê chơi không chỉ ba ngày Tết mà kéo dài nhiều ngày, suốt tháng, bỏ việc, thua tiền. Vì thế dân gian có vẻ bài tới như sau:

Nghe về nghe ve/ Nghe về bài tới/ Cơm chưa kịp xới/ Trầu chưa kịp tằm/
 Ta đánh một đêm/ Thua ba tiền rưỡi/ Về nhà chồng chửi/ Thằng Móc, Thằng
 Quăng/ Đánh sao không ăn/ Mà thua lắm bấy/ Tôi lấy tiền cấy/ Cho đủ mười
 ngày/ Năm dầy bảy sưa/ Cũng là nhịp kéo/ Chị em khéo léo/ Dễ mượn dễ vay/
 Thiên tôi ngày rày/ Dầm sương dãi nắng/ Chị em có mắng/ Tôi cũng ngồi đây/ Nó
 năm dầy/ Nó cũng a dua/ Ăn thì tôi lừa / Thua thì tôi chịu.

Bài tới chỉ chơi trong nhà. Ngày Tết, lễ hội, bộ bài tới còn được cải biên cách chơi để phục vụ nhiều người nơi công cộng. Đó là bài chòi, bài thai



2. HỘI BÀI CHÒI

Bài chòi, trong phạm vi bài viết này, tôi chỉ đề cập đến một thú vui cờ bạc dân gian phổ biến, đậm nét văn hóa, khác với nghệ thuật bài chòi tính diễn xướng sân khấu, phát triển thành tuồng tích như hát bộ, cải lương ở tỉnh Nam Trung bộ Bình Định, Phú Yên, nơi sản sinh ra nghệ thuật tuồng cổ bộ, chèo cổ đưa linh, mà có nhiều nhà nghiên cứu, sưu tầm đã giới thiệu. Ở vùng Trị Thiên, bài chòi thuần là một trò chơi cờ bạc trong các dịp hội hè, lễ tết. Tuy có yếu tố diễn xướng dân gian thu hút quần chúng, nhưng người tham các cuộc chơi bài chòi chỉ xem đó là phụ. Cái chính khi tham gia bước lên bài chòi bài đầu năm, người chơi chỉ để mua vui, đoán hên xui cho tháng ngày mới tới. Có những người mê bài chòi đến nỗi giữ chòi suốt từ sáng tinh mơ, khi bài chòi bắt đầu hô bài, đến hết ngày, khi hội bài chòi nghỉ đêm. Người nhà pha mang cơm nước ba bữa đến tận chòi phục vụ. Ca dao đã có những câu chế được đưa vào thai bài chòi như sau:

*Mẹ ham đi đánh bài chòi
Đẻ con khát sữa khóc lòi rốn ra*

Bài chòi dùng 30 con bài của bộ bài tới. Nhưng để tổ chức được một hội bài chòi, ít nhất phải có 90 con bài. 30 phát cho người chơi, 30 để nhà cái hô, 30 con chuẩn bị khi thay ván bài.

Gọi là bài chòi vì người chơi bài không ngồi quây quần trên một chiếc chiếu. Mỗi người chơi bài chòi được bố trí một chòi riêng, cách biệt hẳn với các chòi khác để giữ bí mật con bài.

Chòi được thiết kế như một nhà sàn nhỏ, cách mặt đất cao hơn thước thước rưỡi. Chòi vuông vắn mỗi cạnh chừng thước rưỡi, vừa đủ kê một chiếc ghế dài cho hai người ngồi. Mái chòi lợp tranh, vách đan phen tre hay lợp gót. Phía trước chòi bỏ trống, chỉ treo một bức màn, người chơi bước lên bằng một cái thang nhỏ bắc sẵn. Một chòi dành cho một người chơi nhưng thường thường người chơi rủ thêm một hai người khác nữa cùng lên ngồi với mình.

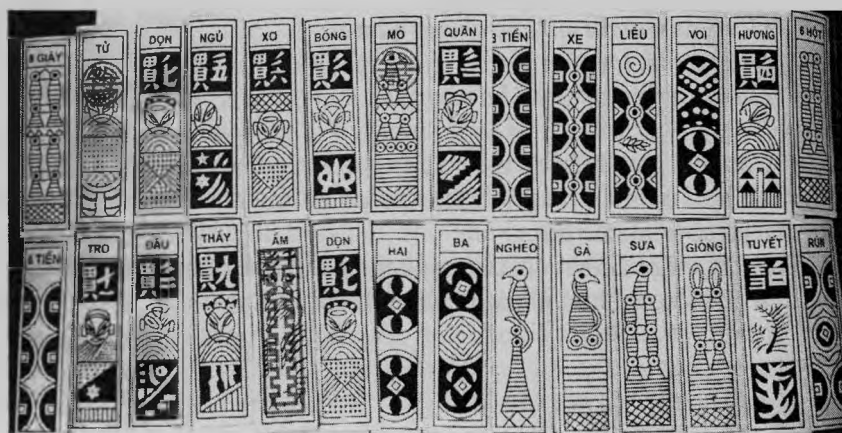
Một hội bài chòi có 10 hoặc 11 chòi con xếp thành hai hàng song song, nhìn mặt vào nhau qua một vuông sân ở giữa. Cuối hai dãy chòi con là cái chòi lớn hơn, trang trí đẹp hơn, quay mặt hướng về hai dãy chòi con, dành cho chủ hội bài chòi, gọi là chòi cái.

Nếu hội bài chòi tổ chức 11 chòi con thì bộ bài tới được bổ sung thêm ba con bài dán giấy xanh, giấy đỏ, giấy vàng. Bộ bài tới tăng lên thành 33 con. Bắt đầu hội bài, 11 người chơi lên 11 chòi con, đậu cho chủ hội bài 11 xuất tiền vào hội. Người của hội bài cầm một ống bài có những thẻ tre gọt dẻo khá công phu dán hình các con bài, đi từng chòi con để người chơi rút ngẫu nhiên 3 thẻ bài cho một ván. Ở chòi cái, một ống bài lớn hơn treo quá tầm nhìn của người hô bài. Các ống bài đều để ngược thẻ bài, giấu kín phần con bài trong ống, chỉ còn phần cán thẻ lộ ra khỏi ống bài để bốc.

Khi mọi việc tổ chức cho một ván bài vừa xong, trống nổi lên, phường bát âm bắt đầu tốp tốp, người hô bài (ông hiệu) dạo đầu vài câu hát bài chòi rồi bắt đầu hô bài một, hô lớn cho cả hội bài cùng nghe. Ở một chòi nào đó, phát lên tiếng gõ vào chiếc mõ treo trước chòi cóc cóc cóc. Đó là âm thanh báo chòi đó đã đến đi con bài vừa rao. Tuần tự các con bài trong chòi cái được hô lên, các con bài có tiếng mõ đáp lại đã đi bài. Một lúc nào đó, bỗng một chòi con mõ giục con bài báo đi hết ba con bài, đã tới. Người của hội bài đến tận chòi người tới bài, con bài lên trình ông hiệu kiểm tra lại và hô lớn cho cả hội cùng nghe. Kiểm tra không có gì trắc trở, người của hội bài mang tiền đến chung tận chòi tới kèm theo một cây cờ nheo đỏ cắm lên chòi. Người của hội bài thu lại tất cả các con bài trong 11 chòi, phân tiếp bộ bài mới, chơi ván tiếp theo.

Mỗi hội bài chòi có 11 người chơi nhưng chỉ đánh 10 ván (10 cò). Một cò dành cho ban tổ chức hội bài chòi. Như thế mỗi hội bài ít nhất có một người không được tới. Nhìn những lá cờ nheo đỏ cắm lên các chòi tới bài, người ngoài có thể thấy được kẻ đỏ, người đen. Có chòi 2-3 cò nhiều thì chòi không có cờ càng nhiều hơn. Khi đã tới đủ 10 cò, hết hội, các chòi con thay người, chuẩn bị cho hội bài tiếp theo.

Bài chòi thường được tổ chức ở sân đình, sân chùa, sân chợ vào dịp tế tự, lễ hội. Thủ lao cho người tổ chức hội bài chòi là một cò dành ra trong 11 xuất tiền cho người chơi bài. Số tiền này không nhiều so với công lao của gần mười người trong ban tổ chức, phường bát âm và trà thuốc trà chè. Nhưng hình như không ai sao húng của hội bài đầu năm lôi cuốn, ít ai nghĩ tới thủ lao nhiều hay ít. Người trong ban tổ chức cũng là các chức sắc, bô lão đến tuổi nghỉ ngơi, tham gia hội bài là dịp mua vui, giải trí. Người chơi bài thử vận may rồi đầu năm chỉ ngồi chơi một hai hội, không tới lần nào thì mặt buồn rầu lo lắng vận xui cả năm, lảng lảng vào chùa, vào đình đốt nhang cầu khấn. Người tới hai ba cò thì mặt tươi như hoa, cười nói vui vẻ, xăm xăm đến chòi cái nhai miếng trầu, hút điếu thuốc, uống một ngụm trà, chào hỏi ông hiệu xem như là sứ giả mang vận may đến cho gia đình cả năm. Vài người, trước khi ra về không quên gởi tặng ban tổ chức hội bài một hai ván thắng. Người mê bài chòi, nếu chậm chân không ra sớm để giành một chòi chờ khai hội đầu ngày mới thì xăm xe lui tới các chòi, hỏi han tìm chòi nào người chơi không giữ tiếp hội sau, xin lên ngồi một bên, xí phần thay thế.



Hội bài chòi ngày Tết bắt đầu từ sáng một một đến ngày hạ nêu. Những ngày đầu Tết, khách đông, ban tổ chức phải xoay xở tất bật để vừa tổ chức bài suôn sẻ vừa đáp ứng khách đến xem, nghe hát bài chòi, hò con bài thai. Đến ba ngày thăm mệt, dù người hiệu thay đổi nhiều lần, vẫn tất tiếng, khán hơi. Khi ấy thì câu hát bài chòi mở hội ngắn đi, câu thai hò con bài ra cũng rút lại vài dòng, đôi khi giản tiện chỉ hô trống trơn tên con bài. Những ngày cuối, hội chòi chỉ còn là những người nghèo, người mê bài cạn tiền, lưng túi. Người tổ chức giảm dần hào hứng nhưng không dừng hội bài được vì người chơi bài còn nhiều và lệ làng chưa cho phép. Tiền ván bài nhập hội ít đi, những người chơi bài thỏa thuận dành hai cờ cho ban tổ chức để đủ chi phí hội bài.

Buổi chiều làng hạ nêu thì hội bài chòi cũng có lẽ cũng tổ tạ ơn. Các chòi tháo dỡ xong còn trở lại sân đình, sân chùa xác xơ cây cỏ. Người người lần lượt ra về. Đêm mới buông mà trăng lưỡi liềm mỏng dính đã xế quá hàng tre bên nhà xa ngoài bờ sông, nghiêng bóng cây bàng vừa nhú đầy lá xanh non phủ kín bãi hội bài chòi. Không khí tĩnh mịch trở lại chôn tồn nghiêm. Sương phủ lạnh đánh thức mầm sông trong những gốc cỏ bị bàn chân người chơi hội dày xéo, chuyên mình, vươn lên xóa nhòa dấu vết ngày qua để năm sau còn đón hội bài trở lại.

Có những lúc, những nơi, do điều kiện không dựng được các chòi, ban tổ chức chỉ bố trí từng ô ghê kín, cách biệt nhau. Bài chòi kiểu này gọi là bà ghê. Tại Đà Lạt, ở các khu phố có nhiều cư dân gốc Huế như ấp Ánh Sáng, khu phố Thái Phiên, mỗi dịp Tết thường có các hội bài ghê được tổ chức thu hút nhiều người đến chơi.

Nói đến hội bài chòi không thể không điểm qua vai trò ông hiệu hô bài trong ban tổ chức. Đó là những người ngôn ngữ trôi chảy, ăn nói có duyên, cách pha trò dí dỏm và nhất là tài ứng biến xuất khẩu thành thơ, xuôi tai, luôn vắn. hợp cảnh. Mỗi hội thường có vài ba ông hiệu thay phiên nhau. Ông hiệu thuộc nhiều bài thai thì lời hò phong phú, đa dạng, tạo nhiều tình huống lôi cuốn người chơi. Đôi khi chỉ một câu hò thai, người chơi bài cứ ngỡ con bài trên tay mình tới. Nhưng không. Lại là con bài khác.

*Còn duyên mua thị bán hồng
Hết duyên buôn mít cho chồng gặm xơ
Gặm xơ hết lại gặm cùi
Dành riêng mớ hột để lùi cho con*

Câu thai này hiệu có thể hò cho con xơ, con 6 hột, con 8 hột, con 9 hột (gối). Gàn hơn có hiệu liều lĩnh bắt vào cả những con bài hột (pho sách), vì trong câu hò có tiếng mớ hột.

Có những bài thai dài cho một con bài, nhưng khi thích chí hiệu hò cả bài, khi mệt hiệu chỉ hò vài câu, thậm chí chỉ một câu như bài thai con bạch tuyết:

Hoa phì đào phì cúc

Sắc phi lục phi hồng

Ông bay qua muôn đâu, bướm lượn vòng muốn bu

Bốn mùa đông hạ xuân thu

Khi búp khi nở khi xù khi tươi

Chúa xuân ngó thấy mỉm cười

Sắc hay vờn vẩn mấy người tài danh

Có bông, có cuống, có cành

Ở trong có nụ, bốn vành có tua

Nhà dân cho chi nhà vua

Ai ai có của cũng mua để dành

Từ tôn do thử nhi sanh

Bạch huê mỹ hiệu xin phành ra coi.

Có khi một con bài có nhiều thai, tùy cảnh, hiệu hò những thai thích hợp. Như
tai thai con nghèo:

- ~~Chị~~ tay chẳng với tới kèo
- ~~Đã~~ mẹ em nghèo chẳng cưới được em
- ~~Cây~~ khô tưới nước cũng khô
- ~~Phải~~ nghèo đi tới xứ mô cũng nghèo
- ~~Buồn~~ từ trong dạ buồn ra
- ~~Buồn~~ anh ở bạc, buồn cha mẹ nghèo.

Những thai chỉ để hò một con bài ít hấp dẫn vì người chơi nhiều, khi
~~được~~ vài tiếng đầu đã đoán ra. Cái hay của ông hiệu là có những câu hò mới
~~đi~~ búa, hay những ứng khẩu dí dỏm, đa nghĩa để các tay bài suy nghĩ. Như
~~hà~~ hò con trò:

Đi đâu đeo xiềng mang hài

Cử nhân không đặng, tú tài chẳng qua

Bài hò con tứ cẳng:

Một hai bậu chối rằng không

Dấu chân ai đứng bờ sông hai người.

hai người thì mới có bốn cẳng. Có người lại đoán con trường hai)

Làng tôi có ông hiệu Kiềm Đài là thành công hơn cả. Tài của ông không
những chỉ thuộc nhiều câu hò bài chòi, câu thai lá bài có sẵn. Những lúc cao
hứng ông xuất những câu hò hóm hình ứng với tình hình diễn ra ở ván bài,
chọc ghẹo những phụ nữ xinh đẹp, nhất là hạng quá lứa chưa chồng hay góa
chồng, lấy các vụ việc xảy ra trong thôn đưa vào câu hò thai với những biến
tấu đa nghĩa dí dỏm.

Năm ấy lụt sớm, lúa gặt về bị bùn non bám nhiều vào hạt, phen vật vã, bụi bặm. Bà vợ hay than phiền, ông đã có hai câu chọc cười vợ. Ngày hội bài chòi, có o con gái đẹp chưa chồng trong làng, là nhân vật sánh trong câu thơ của ông, vào chơi bài chòi. Ông đã ứng khẩu tiếp câu thành câu hò thai bốn câu giới thiệu con bài ông vừa bốc:

*Mạ mi ơi đừng có than lúa lấm bụi, nhiều bùn
Phơi khô quạt sạch đẹp như o Lùn nhà bác trùm Liên
Đừng nhìn lấu liên xỏ xiên
Mà lộn con xe sáu bánh với con sáu tiền o ơi.*

Kết quả hiệu công bố là con 6 tiền nhưng câu cuối ông kéo dài, nên người giữ con xe đã một phen mừng hụt con bài của mình. Ông còn dùng lấu liên xỏ xiên đề gheo o Lùn đang chơi bài chòi. Cả hội bài có một trận cười đã.

Làng tôi có hai món ăn dân dã rất ngon là củ sắn trồng ở đất nhà chùa và nưa trồng ở đất ruộng phủ. Trong làng đã có câu hò ca ngợi: Bao giờ thống lĩnh binh/ Sắn chùa nưa phủ nghĩa mình đừng quên.

Vừa lúc có mấy đôi trai gái thành phố về làng ăn tết ghé thăm chơi hội chòi, đứng ở góc sân nhìn vào. Ông tiếp thêm hai câu thành bài thai bốn cho con tám tiền vừa bốc trúng:

*Bao giờ thống chế, lĩnh binh
Sắn chùa nưa phủ nghĩa mình đừng quên
Trai tài gái sắc khắp miền
Nghe con tiền tám thì liền ghé chơi*

Mấy cô cậu được gãi đúng thói kiêu hãnh, nán lại chờ hội bài mới ngồi vào chòi thử vận đầu xuân

Quê tôi là vùng sông nước, người dân có nghề phụ đánh cá ban đêm để cải thiện. Cách đánh cá dễ nhất là đặt lờ. Ngày ấy mới đình chiến, phong trào bình dân học vụ chống nạn mù chữ được phát động rầm rộ. Dân làng học mấy chữ cái tò, mờ, lờ, rờ, cờ... nảy sinh nhiều chuyện cười dí dỏm. Có ông cán bộ phụ trách bình dân học vụ xã vào chơi bài chòi. Ông cán bộ này hay đi đêm, nhiều tai tiếng, dân không ưa lắm, nhưng cũng là tay đặt lờ có hạng. Thai ông hiệu hô con bài vừa bốc như sau:

*Bà con đừng nghĩ ông già
Ông còn kham nổi bốn, ba cái lờ
Săm se chỉ một con cờ
Có hai bánh bự bây chừ đang ở tay ai?*

Mới hò câu đầu, các tay bài đoán là con bài hình người nào đó trong pho vận (ông già). Qua câu thứ hai, người chơi nghĩ là con liễu, bạch tuyết (cái lờ).

...con cờ” người chơi lại nghĩ chắc chắn là con nọc đượng. Nhưng khi ông trình con trường hai (hai bánh) thì ai cũng phải khen ông hò hay ... giỏi. Câu hò thai tự biên tự diễn của ông sau đó trở thành chuyện tiêu ... lớp bình dân học vụ trong thôn.

Bài chòi nay đã mai một. Ngày tết, ngày hội thường tổ chức diễn xướng ... nhiều loại hình trò chơi mới chưa bắt được nhịp tâm tình người dân ... thật là lớp người lớn tuổi. Nông thôn nay cũng đã đổi khác. Cuộc sống ... nghiệp gắn bó con trâu cái cày với nhiều lễ hội cầu mùa, tạ ơn ... dân ... thê. Đường thôn, sân đình điện đèn thấp sáng mỗi dịp vào xuân. Tiếng ... xếp xính trong quán hàng, trong lễ hội. Mấy chục năm nay, làng tôi ... được hội bài chòi. Trai tráng quay vào xếp xám, tiến lên... nhiều hơn ... bài tới. Tôi nhớ đến những ông hiệu như ông Kiểm Đài và những người ... bài chòi ngày trước mà cảm cảnh câu thơ của Vũ Đình Liên: Những ... năm cũ/ Hồn ở đâu bây giờ.

BÀI THAI

Tôi thiết nghĩ cần phân biệt thú chơi đánh bài thai và các câu thai hò trong ... bài chòi để trình làng con bài mới ra, là khác nhau.

Đánh bài thai tôi đề cập trong bài viết sau đây là một loại chơi cờ bạc ... bài vù, xúc nhứt lục (xúc xắc), sau này có thêm bầu cua, tài xỉu thường thấy ... những ngày tết ở xô chợ, góc đình. Người chủ cái hồ bài thai mượn bộ bài ... phương tiện tổ chức cờ bạc như người ta dùng con vù, con xúc xắc, con ... mà thôi.

Cũng như người làm cái bài vù, bầu cua, nhứt lục, người hò bài thai chọn ... chỗ vừa ý trong sân đình, cổng chùa, trải ra một tấm vải dán hình nhiều con ... của bộ bài tới làm nơi mờ sòng. Số con bài chọn để hò thai cho người đặt ... là 18. Có người chọn cả 20-25 con. Nếu bộ bài chọn 18 con thì khi người ... đoán trúng, chủ thai chung tiền gấp 12 lần tiền đặt. Nếu chọn nhiều con hơn, ... chung tiền cũng gấp cao hơn, nhưng tính lại nếu người chơi đặt cược hết các ... bài, thai ra trúng chỉ 1 con, tiền chung thu về chỉ được chừng 2/3 số tiền đặt ...

Ngày khai trương, chủ thai trải tấm vải dán hình các con bài cùng cặp ... chén đĩa, bộ bài còn mới dưới góc cổng chùa có bóng cây sanh tỏa mát, lễ mễ bày ... bình bông, mâm quả, khay trầu, cút rượu lên hương cầu khẩn. Sau vài lần rót ... rượu vôi vàng, hương chưa cháy đến nửa cây, người đi lễ sớm đã tập nập, chủ thai ... vai tạ, thu dọn lễ vật đặt hết lên góc cây sanh, nơi đó đã có vô số bình vôi bẽ, ông ... đất nứt rạn ... người dân trong làng mới tổng tiền ngày ông tảo về trời.

Trò chơi bắt đầu. Tiếng hò được cất lên, bà chủ cái đặt chiếc đĩa có con bài ... kín cái chén ra trước mặt, trong tấm vải làm sòng bài thai. Mấy người sà vào ... ngồi chồm hòm quay quanh lắng nghe lời thai, ngẫm nghĩ, bàn bạc với nhau tìm ... con bài cần đánh.

Sáng sớm đầu xuân, ai cũng cố tạo cho mình tâm trạng thoải mái, vui vẻ. Vài đồng tiền mới đặt xuống gọn gàng trên những con bài. Chủ cái thấy vừa ăn, mau ... mẩn khui bài. Các bài hò nhẹ nhàng, con bài cái gần gũi câu hò thai nên có người ... trúng. Khi người chơi chen đầy kín chỗ sòng bài, chủ cái thay đổi những bài hò

dài, hiểm hóc, đánh đố hơn để có nhiều chi tiết, làm cho người chơi liên hệ nhiều con bài, khó chọn ra được con bài trúng. Đôi khi người hò sử dụng câu bài chòi, sửa đôi vại từ kết hợp thành một bài hò thai, làm người đánh không đầu mà lẩn. Thế mà, khi khai bài, chủ cái còn có thể giải thích nhiều cách khác, tùy tiện để ra con bài cái. Cho nên, bài hò thai chỉ là cho có. Cái càn trong 18 con bài, người chơi phải đoán được con bài chủ cái giấu trong chén là bài gì?

Trời gần đứng bóng, người chơi khá đông, sau mấy câu hò đã khá dài, cái lấy một câu hát trong dân ca kháng chiến phổ biến ở quê tôi trong thời chiến tranh để kết thúc bài hò

Đèo Tư Hiền băng qua cầu Đại Hải

Đây con đường gập ghềnh, em gắng mà băng

Em đi mau kéo trời tôi không trăng

Khéo mà quàng dây vấp đá, đó lại trách rằng anh đây không dạn dò.

Người chơi nghĩ rằng hò nhiều bài nhưng bài này hơi lạ, đưa vào sau cùng thì còn bài giấu phải tìm trong đoạn hò này. Quàng dây là con tám dây, do dày dây là con dày, Tư (bốn) hiền, đi (bằng chân): con tứ căng, chàng vẽ vờ cho nàng như dạy học trò là con trò. Trước đây đã có người hò thai bài này nguy hiểm cho khai ra con âm rồi giải “Vấp đá ngã té cái âm. Là con âm”. Bây giờ, khai bài ra, những người chơi đều thua cả. Chủ cái chìa ra con ngũ rồi bảo: “Trời tối không trăng, buồn ngủ mới quàng dây, vấp đá”. Đúng là kiểu giải thích chỉ có trong đánh bài thai!

Cũng thai hò con bạch tuyết trong bài chòi, trong bài thai, thêm bớt vài chữ, chủ cái có thể đưa ra nhiều cách giải thích cho con bài cái: Con trò, con thầy, thái tử (người tài danh), con giống (bốn vành có tua), con nghèo, con dày, con sưa, con 6 hột, con 8 dây, con gối...(ở trong có hột), con liễu (không phải đào, không phải cúc thì là liễu), con âm, con voi (Sắc không lục, không hồng thì đỏ như âm, thì đen như voi)...và nhiều, nhiều nữa.

Bài thai, bài vự, xóc xúc xắc căn bản là giống nhau trong cách chơi. Người chơi phải đoán cho được kết quả trong chén để chọn con bài đặt cược. Nhưng bài vự, xóc xúc xắc, nhà cái không biết trước được kết quả ván bài. Khi giờ chén ra, kết quả như thế nào, chủ cái phải chung cho người đặt trúng theo lệ đã giao. Hò bài thai có khác. Khi để con bài cái vào chén đĩa để hò, người chủ cái đã biết trước. Vì thế, nếu cân bằng trên ván thua nhiều, chủ cái chần chừ không muốn khai chén, dù khách chơi thúc giục nhiều lần. Gặp trường hợp ấy, khách chơi đoán biết trong ván đã có người trúng, càng xuống thêm tiền. Chủ cái chỉ còn nước chạy làng. Một cảnh xấu xí, chập giựt xảy ra làm nát tan cả hội bài thai. Đôi người mất tiền, nóng tính còn hành hung người chủ cái hò bài, bắt đền tiền thua bạc.

Thú chơi Tết dân gian ở nông thôn ngày trước không chỉ có các món ăn thua cờ bạc. Ngày Tết nông thôn Huế thể hiện nhiều nét văn hóa cổ truyền đậm đà hương vị ngày xuân. Phải về nông thôn mới sống trọn vẹn không khí của Tết Huế. Dù đi làm ăn đâu xa, người Huế chỉ cầu mong mỗi dịp xuân về được về quê hòa mình trong không khí trang nghiêm ngày Tết. Đó là tâm lý chung trong nếp văn hóa Việt Nam ngàn đời.

N.V.U

Tư liệu tham khảo từ Wikipedia



NGUYỄN HƯNG HẢI

CHIỀU BA MƯƠI TẾT

Chiều ba mươi tết ở quê
Mẹ còn chân vấp, nón mê ra đồng
Vội vàng cây nôt cho xong
Mây đơn mạ mót ở trong sương mù.

Cánh đồng chia khoảnh, chia khu
Vẫn liền chân mạ, vẫn như bao đời
Gió ơi, đừng thổi rỗng trời
Đồng không ai biết mẹ tôi nhọc nhằn.

Ngày cùng tháng tận bao năm
Còn lo manh áo, cái ăn xuân về
Bao người như mẹ ở quê
Chiều ba mươi vẫn nón mê ra đồng

Một đời cây hái chưa xong
Mẹ đi lui đến lưng còng còn lui
Nhẹ nhàng đơn mạ ấy thôi
Mà bao gồng gánh, khóc cười dăm dăm

Tháng mười vui tới tháng năm
Nào ai gặt hái xa xăm có nhìn
Đồng quê bóng mẹ hút chìm
Chiều ba mươi vẫn đi tìm mùa xuân

Cho sang năm hết nợ nần
Mẹ tin rảnh mạ đang cầm trên tay
Là bình minh của một ngày
Là giao thừa của xưa nay giao thừa.

Lời bình

Của Nhà thơ NGUYỄN NGỌC PHÚ

Nguyễn Hưng Hải là một nhà thơ trẻ, quê ở Phú Thọ- Một vùng nông thôn trung du Bắc Bộ đã chung cất hồn vía đất đai trong thơ anh thật bình dị và cảm động. Ở đó, những con người nông dân hiện lên thật mộc mạc mà hồn hậu, cần cù chịu khó. Lãng kính của tâm hồn thi sĩ đã đưa vào tiêu điểm cái khoảnh khắc thời gian của chiều 30 tết khi chuẩn bị tiễn năm cũ đi đón giao thừa năm mới tới. Nhịp thơ lục bát giãn ra cái khoảng không gian tạo những pháp phông của tâm trạng. Anh viết: “Chiều 30 tết về quê- Mẹ còn chân vấp, nón mê ra đồng- Vội vàng cây nốt cho xong- Mấy đơn mạ mới ở trong sương mù”. Hình ảnh người mẹ đầu đội nón mê lội trong sương giá ra đồng giữa chiều 30 tết cấy những đơn mạ mới gợi niềm cảm thông se lại của người con đi xa trở về. Một đời mẹ cho đến ngày tết vẫn chưa hết vất vả, chưa hết lo toan: “Ngày cùng tháng tận bao năm- Còn lo manh áo cái ăn xuân về”. Người mẹ nông thôn Việt Nam là thế. Bao giờ cũng lo xa, cũng lo đến cái ăn cái mặc. Nguyễn Hưng Hải có hai câu thơ rất thân bất được cái vất vả thật ẩn tượng, thật tạo hình ám ảnh khi viết về mẹ: “Một đời cấy mãi chưa xong- Mẹ đi lui đến lưng còng còn lui”. Cây lúa là đi lui nhưng lui đến lưng còng còn lui là một phát hiện trực giác. Thơ hay thường thế, câu chữ thật bình thường nhưng đặt đúng hoàn cảnh, đúng tâm trạng để đẩy lên thành thang thốt bất ngờ. Câu thơ văng xuống núi kéo cả chiều 30 tết. Ống kính tâm hồn của nhà thơ khi cận cảnh, khi toàn cảnh tạo ra những điểm nhấn đen trắng xen nhau cả những khoảng mở gợi nhiều liên tưởng. Đây là thủ pháp chồng mờ của điện ảnh. Anh đặt: Mẹ với cánh đồng, cây mạ với mùa màng, chiều 30 tết với cả một năm cũ; cái nhỏ bé bên cái mênh mông rộng lớn nhưng chính nó là hạt nhân lung linh tôn vinh phẩm chất của người lao động. Đó là trữ lượng những trầm tích tình người ấp ủ như mạ non mới nhú, như hạt thóc cựa mầm. Sự sống âm ỉ và chất chiu: “Đồng quê bóng mẹ vút chìm- Chiều 30 vẫn đi tìm mùa xuân”. Bài thơ mở đầu hiu hắt buồn như cây mạ mới cấy xuống bùn còn run rẩy nhưng mầm sống tỏa lan dần, chính sự vận động cảm xúc của bài thơ làm cho không gian thơ và thời gian tâm trạng sáng dần lên: “Mẹ tin rãnh mạ đang cày trên tay- Là bình minh của một ngày- Là giao thừa của xưa nay giao thừa”. Chính khoảnh khắc chớp loé ấy tạo ra gam màu ấm xưa tan giá rét. Mẹ không chỉ đi cấy lúa đâu, mẹ đang cấy vào chúng ta những niềm tin, hy vọng về một mùa xuân đang dần đến.

EMAIL MIỀN XANH THẮM

~~Chờ~~ một lần em hẹn về thăm
~~Giữ~~ niềm chúng mình vẫn còn nguyên đây
~~Đành~~ cho em khoảng trời xanh nắng
~~Thấy~~ nền ngàn thông đôi bước em về

~~Cất~~ cho em chùm phượng tím vào thu
~~Gom~~ mây trắng níu lại ngày tháng cũ
~~Mưa~~ đan áo choàng lên ta một thuở
~~Nhồi~~ trong anh nỗi nhớ dâng đầy

~~Chờ~~ em đó những chiều xuống phố
~~Khăn~~ voan sương gói chút lạnh bên đồi
~~Con~~ dốc cũ nghiêng mình vạt cỏ
~~Nhặt~~ nỗi buồn bỏ lại dấu chân xưa

Khi em xa thác vẫn kể chuyện mình
Giọt đắng cà phê tan vào nỗi nhớ
Mắt đèn vàng khép mi hàng liễu rủ
Mặt hồ êm con sóng thức vô tình

Giữ cho em thung lũng bóng hoàng hôn
Chờ tình yêu chúng mình ngày xưa ấy
Giữ cho em giấc mơ vàng hoa cúc
Chờ bình yên em về cuối chân đèo.



PHAN NGUYỄN MÂN

Chú Tr



n

Truyện ngắn

Hè năm ngoái khi về Huế thăm nhà, sẵn dịp tôi ghé tiệm thuốc bắc Hưng Lợi ở đường Phan Đăng Lưu, trước đề thấp nhang cho người chú bà con đã mất: vốn trước đây là chủ sáng lập tiệm, sau mua vài Minh Mạng thang “nhất dạ lục giao sinh ngũ tử” tặng bạn bè ở Dalat. Nhìn cái dáng thấp đậm, bộ lông mày rậm và nụ cười hề hề của người con trai thứ đang kể vị chú đứng bán hàng, tôi bồi hồi nhớ lại hình ảnh người chú năm nào...

Chú Tròn người huyện Quảng Điền. Làng chú cách một cánh đồng là phá Tam Giang nổi tiếng với câu ca dao:

Đường vô xứ Huế quanh quanh

Non xanh nước biếc như tranh họa đồ

Yêu em anh cũng muốn vô

Sợ trường nhà Hồ, sợ phá Tam Giang

Một con sông nhỏ cắt làng làm hai, người bên này ới một tiếng bên kia nghe và qua lại bằng một chiếc cầu ván mà bề rộng của nó vừa đủ cho hai con trâu đóng hàng ngang đi qua. Đây là một làng trù phú thuộc loại đông dân nhất của huyện, lại là làng cô xưa hiện vẫn còn các sắc, chỉ của triều Nguyễn lưu lại ở đình làng. Làng có nhiều họ lớn như họ Ngô, họ Hồ, Lê, Nguyễn... mỗi họ mỗi vẻ tạo nên sự phong phú đa dạng của dòng tộc. Dân làng thường truyền tụng câu: “Họ Ngô to đô, họ Hồ to đài, vật không lại họ Lê” ám chỉ họ Ngô phân lớn giàu có, họ Hồ nhiều đàn ông, còn họ Lê thì đàn bà con gái đông hơn. Chú Tròn họ Hồ, nằm trong số dân đình trai tráng đông đúc của họ mà nghe đồn là rất phong tình, mạnh mẽ trong chuyện ấy. Gia đình chú làm ruộng, khi nông nhàn thì có nghề phụ thợ nề nên trong nhà cũng đủ ăn.

Chú học xong tiểu học thì theo gia đình qua Huế ở. Trong số ba anh em trai, chú là út vốn sinh ra đã bị sứt môi, đã thế lại thấp và có đôi lông mày rậm khiến cho đôi mắt chú có vẻ lì lì. Nhưng chú lại hiền lành, nhút nhát nên hay bị chúng bạn chọc ghẹo vì cái môi sứt; mỗi lần như thế chú chỉ biết khóc chạy vào thưa cô, thưa thầy. Nhiều khi tức quá, chú nổi cộc lên tợn cho chúng mấy loi thì bị chúng xúm vào vật ra đè lên mình đập cho xịt máu mũi mới thôi.

Huê, chú đã mười bốn tuổi. Ở nơi đất mới, việc làm ăn của gia đình rất khó khăn. Chú nghỉ học, xin vào học nghề ở tiệm thuốc bắc Đức Thọ. Hàng ngày chú làm công việc quét dọn tiệm, xắt thuốc đem phơi khô hay đun sôi rồi đem nghiền ra để làm thuốc tể. Ba năm sau chú có thể chẩn đoán căn thuốc theo toa cho khách. Chú đã được trả lương, nhờ vậy có thể giúp gia đình phân nào. Bây giờ chú đã là một thanh niên trắng trẻo, mập mạp. Mọi sự khiến chú đâm ra tự ti mặc cảm. Mấy người học nghề đồng nghiệp với chú anh nào cũng mua sắm áo quần, giày dép chung diện, tới tới đi đi với bạn gái, còn chú thì lúi thủ ở nhà, hết lau chùi tủ kệ lại đọc báo.

Trong một lần phái bộ y khoa của Mỹ sang bệnh viện trung ương Huế mổ bệnh sỏi mật, chú đã đi khám và được giải phẫu. Ngày mở băng, nhìn mình trong gương, chú đã khóc hu hu vì mừng rỡ. Từ đó anh chàng Tròn bán thuốc trở nên tự tin hơn trong giao tiếp với khách hàng và bà con bạn bè chung quanh. Năm hai mươi tuổi, gia đình bắt chú lấy vợ. Hồi đó tôi đã sang Huế học cấp ba, thỉnh thoảng tôi hay ghé tiệm của chú chơi. Chú thường rủ tôi đi ăn chè đá và đi dạo. Thế là điều, dĩ nhiên khi sắp lấy vợ chú nhắn tôi tới gặp và báo cho biết.

- Rửa chú cưới người chú yêu hả ?

Chú Tròn bẽn lẽn :

- Tau xấu trai ri làm răng có người yêu.

Đồng viên :

- Bữa nì cháu thấy chú được lắm, vậy chú làm đám cưới với ai ý

Chú Tròn chậm rãi nói :

- Ông già đi hỏi cho tau chứ tau cũng chưa biết mặt cô đó. Cuối tuần này đi hỏi, răng rồi cũng biết.

Thì ra cô gái mà chú định hỏi làm vợ là người cùng làng, là con của ông già cùng làm thợ nề với ba chú. Hai ông tự quyết định với nhau chứ chẳng hỏi con cháu có đồng ý không. Đám hỏi được tổ chức đầy đủ nghi lễ nhưng nghe đâu cô gái thấy chú Tròn lùn và xấu quá nên tỏ ý không ưa. Cũng vì lẽ đó mà đám cưới hoãn lại nhiều lần cho đến gần Tết năm sau mới tổ chức.

Đêm tân hôn, chú Tròn bận bịu dọn dẹp đến gần mười giờ mới đi nghỉ. Bước vào phòng, thấy tối thui, chú vừa bật đèn vừa nói :

- Răng không bật đèn lên cho sáng ý

Không có tiếng trả lời, nhìn lên giường, chú thấy vợ đang trùm kín mền nằm ngủ. Chú vội thay áo quần, mở đèn ngủ rồi lên nằm cạnh vợ. Chú xoay mình ôm lấy vợ liền nhận được một cú hất tay khá mạnh và một giọng nói lạnh tanh cất lên :

- Đừng đụng đến mình tui

Chú nghĩ vợ mắc cỡ nên dịu dàng :

- Em mệt lắm hả ?

Chỉ có sự im lặng. Chú Tròn nằm vắt tay lên trán nghĩ ngợi. Minh cưới vợ mà trước nay chỉ gặp mặt đôi ba lần, chưa nói với nhau một lời nào, chắc cô ả còn e thẹn, lại lạ giường lạ chiếu, thôi để từ từ rồi an ủi. Tròn mệt quá nên ngủ một giấc đến sáng. Thức dậy lúc 7 giờ, thấy không còn vợ ở trên giường, chú xuống nhà dưới thì thấy cô ta đang ngồi thu lu trên ghế mặc cho bà mẹ chồng đang chuẩn bị

bữa ăn sáng. Đêm thứ hai chú Tròn cũng không đụng được vợ. Cô ta lấy khăn cuộn chặt người, không hề mở miệng nói một lời mặc cho chú Tròn hết lần này đến lần khác khuyên nhủ, âu yếm dịu dàng. Đến đêm thứ ba thì chú hết kiên nhẫn; chú dùng sức bình sinh giật tung cái mền vợ đang đắp, đè lên người cô ta rồi lột quần ra nhưng cô ta đã chuẩn bị trước bằng cách mặc đến hai chiếc quần lại còn cột dây lưng đến năm sáu nút. Tóc cô ta xòa tung, mắt long lên, miệng mím chặt. Chú Tròn toát mồ hôi mướt ướt; tức quá chú tát vợ một cái nẩy lửa, cô ta cũng không vùng giở nhô vào mặt chú một bãi nước miếng đồng thời co chân đạp chú một cú xuống giường đau điếng. Chú hầm hầm ra phòng ngoài ngủ, cả đêm không chợp mắt. Sáng ra chú thưa chuyện với ba mẹ và đề nghị trả cô ta về nhà vợ. Mẹ vợ vàng vào phòng kêu cô dâu dậy hỏi nguyên do. Cô ta thưa là bị cha mẹ chồng chửi cô không may may yêu chú Tròn, cô xin cho về nếu không sẽ tự tử. Cả nhà xúm vào khuyên nhủ nhưng cô ta nhứt quyết cự tuyệt. Thấy không chuyển được, một tuần sau ba mẹ chú Tròn đành về quê thưa chuyện với sui gia xin trả cô dâu bướng bỉnh lại.

Từ đây chú Tròn đâm ra ít nói hơn, khuôn mặt luôn luôn đượm buồn. Chú lao vào công việc để quên đi nỗi đau tình duyên tan vỡ, nhiều hôm chú làm việc đến nửa đêm mới về nhà. Mùa hè năm đó, tôi tốt nghiệp sư phạm được bổ nhiệm dạy ở Dalat. Trước khi đi nhận nhiệm sở, tôi tranh thủ ghé về Huế thăm nhà. Chú Tròn, đã mua được chiếc Honda dame cũ, chở tôi đi vòng vòng vô Đại nội chơi rồi lên chùa Thiên Mụ ăn bánh bèo. Chú kể chuyện chú mà nét mặt buồn buồn, chú cay đắng nói :

- Sau này mi lấy vợ nên chọn cô nào tâm đầu ý hợp, mình phải tự quyết lấy hạnh phúc của mình chứ không như tau thì đau quá! Làm trai mà bị vợ chê, vợ bỏ thì ê mặt quá !

Tôi an ủi :

- Vợ chồng là duyên số chú ạ. Cháu tin với tính tình hiền lành, chịu khó làm ăn như chú thì sớm muộn gì chú cũng gặp được người phụ nữ ưng ý.

Sau Mậu thân 1968, chính quyền Saigon ra lệnh tổng động viên. Chú Tròn chạy vạy tốn mấy cây vàng mới được vào cảnh sát ở Huế. Hôm trình diện, tay chỉ trưởng cảnh sát hỏi :

- Nghe nói ở ngoài chú mi bán thuốc Bắc hả ?

Chú Tròn đáp :

- Dạ

- Rứa có biết bắt mạch hột thuốc không ?

- Dạ, em làm nghề cũng đã năm sáu năm rồi nên có thể xem mạch hột thuốc được.

Viên cảnh sát bảo :

- Thôi, tạm thời chú mi ở tổ tuần tra, sau này sẽ tính

Ban ngày chú Tròn thường canh gác ở cầu Trường Tiền, cầu Phú Xuân, ban đêm nhiều khi đi tà rôn các phố hoặc kiểm tra sổ gia đình

Ở đầu xóm nhà chú có một hàng bán xôi vào buổi sáng. Cô chủ quán có khuôn mặt bầu bĩnh, trắng trẻo, đáng tâm thược, luôn vui vẻ với khách hàng. Chú Tròn sáng nào đi làm cũng ghé mua một gói xôi đến sở làm ăn. Lâu dần hai người quen biết, thân nhau. Một buổi sáng chủ nhật được nghỉ, chú ra quán xôi ngồi ăn.

... bán xôi đơm cho chú một đĩa, rồi hỏi :

- Ua, sáng ni anh Tròn không đi làm à ?

Tròn vừa ăn vừa đáp :

- Lâu lâu mới được nghỉ một bữa. Chà, xôi ngon quá!

Hương cười nói :

- Xôi của Hương nấu mà !

Đến khi không có người mua, Tròn vội nói: Bữa ni có phim hay lắm, Thắm Hằng đóng, đi không tui mời ?

Hương mỉm miệng rồi nói nhanh :

- Anh vào trước giữ chỗ, Hương vào sau. Vé mô đưa đây ?

Tròn đã chuẩn bị sẵn vé nên lấy ra đưa lẹ vào tay Hương.

Tối đó xem phim xong, Tròn chở Hương trên chiếc xe honda của mình đi về. Hai người gần gũi nhau hơn, tối nào rảnh cũng đi chơi, khi xem phim, khi đi ăn chè hay kem. Năm sau thì đám cưới được cử hành.

Tay chỉ trưởng cảnh sát đã rút Tròn về làm ở văn phòng, không đi tuần tra nữa. Gã rất khoái chú vì đã cung cấp thường xuyên cho gã những thang thuốc bắc ngâm rượu gọi là Minh Mạng thang làm gã rất yêu đời.

Gã nói :

- Không ngờ rượu thuốc mi cho hiệu quả ghê. Bây giờ bà xã tau bắt trả bài bài hoài. Trước đây chưa đi đến chợ đã tiêu hết tiền, còn bây giờ đi chợ xong tiền còn hết. Hà hà.....

Nghe sếp nói, chú tùm tùm cười. Chú chả cần thuốc thang gì cả nhưng vẫn khỏe. Hương vợ chú mê mệt. Trai “ họ Hồ to đái “ mà!

Tròn nói với tay cảnh sát :

- Nhưng mà sếp ráng giữ điều độ. Tốt nhất là bán nguyệt nhứt dâm độ.

Viên cảnh sát tròn mắt hỏi :

- Rứa là răng ?

Chú Tròn đáp :

- Nghĩa là nửa tháng gần vợ một lần

- Rứa ai mà chịu nổi. Kệ mẹ nó, chết no hơn sống thèm. Hà hà ...

Tháng ba năm bảy lăm, Huế chọn rộn giải phóng, mọi người hốt hoảng di tản vào Đà Nẵng. Người chết quá chừng, nhất là ở bãi biển Thuận An. Hai người anh của chú Tròn, đều là lính, bỏ gia đình chạy theo đơn vị và đã chết mất xác trên biển. Chú Tròn bảo vợ, lúc này đã có thằng con trai ba tuổi :

- Không đi đâu hết, mình có thuốc loại ác ôn bắn giết ai mô mà sợ !

Cứ ở lại !

Chị vợ nghe chồng ở lại và lại ông bà nội cháu nhỏ lúc này cũng đã già yếu. Những ngày hoảng loạn rồi cũng qua đi. Đất nước đã thống nhất. Một cuộc sống mới đây gian khổ bắt đầu. Chú Tròn vì không phải sĩ quan nên chỉ học tập ba ngày tại phường rồi về. Tiệm thuốc Bắc nơi chú làm đã đóng cửa. Chú mở một quầy thuốc nhỏ ở nhà chủ yếu bán cho người quanh xóm vì thuốc khan hiếm lắm. Buổi tối chú xách chiếc xe đạp lên ga xe lửa chờ thò. ; còn Hương vợ chú vẫn bán xôi ở đầu hẻm như cũ. Xôi bây giờ không được ngon như trước vì nếp có lẫn nhiều gạo quá nên khách hàng ít hẳn đi, buôn bán rất ế ẩm. Cuộc sống cơm cháo

đắp đổi qua ngày. Vợ Tròn lại sinh thêm một trai nữa. Những ngày còn non tháng, bà mẹ chồng phải lụm cụm ra bán xôi thề. Tuy cuộc sống rất khó khăn nhưng được cái chú Tròn rất được lòng bà con dân phố và quyền sở tại. Ngoài việc sống hiền lành, cần cù lại hay giúp đỡ mọi người ốm hay tang ma, chú còn là điển hình của phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc như giữ gìn nhà sạch, phố sạch. Đợt đi kinh tế mới Lâm đồng gia đình chú miễn vì có cha mẹ già và con nhỏ.

Đến thời kỳ đổi mới, chú Tròn ra đường Phan Đăng Lưu thuê một phố mặt tiền mở tiệm thuốc lấy tên là Hưng Lợi và tập trung nghiên cứu các loại thuốc ngâm rượu trong đó có Minh Mạng thang, toa thuốc danh hư truyền mà nghe nói ngày xưa các thái y đã bốc cho vua Minh Mạng dùng thái độ vui vẻ hòa nhã của chú Tròn cùng cách tiếp thị khéo léo nên tiệm ngày càng đông khách.

Bằng đi gần hai mươi năm tôi không gặp chú Tròn vì mỗi lần về Huế khó khăn quá, năm nào tranh thủ được thì về thăm bên làng chứ không ghé. Có lần cô em gái gửi thư cho biết bây giờ chú Tròn khá lắm, bà vợ hết bán xôi chỉ ở nhà nội trợ, hai ông bà già đã mất. Nhưng năm ngoái thằng con trai đầu học lớp 12 của chú bị chết đuối khi đi tắm sông với các bạn cùng lớp. Bà con làng qua đi đám đông lắm.

Hè năm 1998 tôi về nhà thăm mẹ bệnh nặng. Ngày gần vào Dalat tôi ghé Huế thăm chú và bạn bè cũ. Đi lui đi tới hai lần trên đường Phan Đăng Lưu mới tìm thấy tiệm của chú vì cái bảng hiệu Hưng Lợi bán thuốc quá nhỏ so với các hiệu khác. Chú Tròn bây giờ tóc bạc trắng, da dẻ hồng hào, mặc một bộ bà ba màu nâu trông như thầy chùa. Sau khi cân thuốc xong cho mấy người khách, chú kéo tay tôi ngồi xuống ghế rồi rót hai ly rượu thuốc màu mật ong, sai người làm mua mấy lợn chả Huế rồi nâng ly chúc mừng hội ngộ.

Nhấp một hớp rượu, chú nói :

- Cháu thấy không, cuộc đời là vô thường, được đó mất đó. Cháu đã đọc truyện Tái ông thất mã trong Cổ học tinh hoa chưa ? Vậy đó cuộc đời chú cũng gần như vậy. Bị con vợ đầu tiên bỏ vì chê lùn, xấu trai, sau đó chú lấy được người vợ khác tức là thím bây giờ, quá ngoan hiền giỏi giang. Hai thằng con trai của chú thật tuyệt, học giỏi lại biết chăm lo phụ giúp cha mẹ, thế mà.... Cái chết của thằng con trai đầu khiến chú đau, khóc cả tháng.

Chú nốc cạn ly rượu, đôi mắt đỏ hoe. Những miếng chả Huế ngon lành trong miệng tôi bỗng trở nên nhạt nhẽo.

Chú Tròn nói tiếp :

- Đời là ảo ảnh, sắc sắc không không, nên bây giờ chú hay đi chùa lắm. Chú tham gia Hội chữ thập đỏ của phường, có chân trong ban từ thiện của chùa Trúc lâm. Chú bán hàng có tiền lắm nhưng chú cúng dường cũng nhiều, nổi năm bỏ cả tháng trời đi đây đi đó cứu trợ đồng bào nghèo. Chú cảm ơn Trời, Phật đã cho chú một người vợ đồng cảm với mình lại siêng năng, hiền lành.

Nhắc đến vợ, đôi mắt chú long lanh, thương mến. Mấy ly rượu làm tôi ngà ngà. Thấy chú Tròn hơi vui, tôi vội cười hỏi :

- Rứa khi chú cưới thím, đêm động phòng hoa chúc có bị thím cột thắt lưng quần như cô vợ đầu không ?

Chú cười hề hề :

- Không lẽ số tau xui vậy. Thím mi hiền khô à ! Khi tau vào giường, bà cháu chiều tau hết mức.

Tôi cười ha ha :

- Chú thấy không, khi vợ chồng có tình yêu thì mọi việc đều xuôi chèo mát mái. Nghe lời chú năm nào, cháu cũng gặp được người vợ dễ thương lắm.

Chú nói :

- Rửa là chú mừng cho mi.

Chú nâng ly cùng với tôi rồi nói tiếp :

- Sang năm tau đi Dalat chơi, thăm chùa Linh Sơn và thiền viện Trúc Lâm

Tôi nói :

- Nhớ mang theo cho cháu mấy thang Minh Mạng nghe !

Chú cười ha ha, hai mắt nhắm tít lại.

Nhưng rồi không bao giờ có chuyến đi Dalat nào cả vì cơn lụt kinh hoàng ở Huế đã cuốn chú Tròn mất tăm trong một lần đi cứu trợ đồng bào bão lụt vùng thượng nguồn sông Hương !!!...

Dalat đêm 30.4.2010

PNM

TRẦN THANH HÙNG

RU EM TRONG ĐÊM XA

Ngủ đi, ngủ đi em yêu
Rồi mai sẽ hết những chiều bão giông
Ngủ đi trên phố người đông
Trong anh chỉ một bóng hồng là em
Đêm xa anh hát bên rèm
Chim kêu đầu núi khát thèm lời ru
Sương mùa đông, gió mùa thu
À ơi, anh hát ngực tù con tim
Một đời ta vẫn kiếm tìm
Một đôi môi, một mối tình nặng sâu
À ơi, câu hát qua cầu
Anh nâng câu hát ru bầu ngực thon
Nốt ruồi son, nốt ruồi son
Nửa đời tay trắng, anh còn lời ru
Ru thương hương lá vàng thu
Mây ôm thông hát vì vu giăng màn

Ai đưa cái kén lên ngàn
Tìm nhau rút ruột tơ vàng trao nhau
Con sông khúc thẳng khúc nhàu
Rong rêu thì dạt, bọt bèo thì tan.

PHAN ĐỨC NAM

ĐÃI CÁT TÌM VÀNG

(VUA DUY TÂN LẤY VỢ)
Truyện dã sử

Trên án thư, quan thượng thư Huỳnh Côn khẽ ngắm nhìn gương mặt sáng sủa của cậu học trò mình - Vua Duy Tân lúc đó chưa đầy 16 tuổi - mái tóc ngài bạc cao, lộ hẳn vầng trán rộng, đôi mày rậm không che nổi cặp mắt sáng - dù ngài đang trầm tư trước pho Đạo Đức Kinh. Tinh anh của vị vua trẻ làm những người lớn tuổi học rộng và từng trải như Thượng Thư phải kính phục.

Thượng Thư suy nghĩ đã lâu, hôm nay, nhân giã hai chữ “Nạp phi”. Ông mới dẫn đo thăm dò vị vua trẻ: “Thưa bệ hạ,... Chẳng hay... ngài đã muốn lấy vợ chưa?” Không ngờ vua Duy Tân đáp ngay: “Đối với vận mệnh nước nhà, việc ấy không gấp, càng chậm bao nhiêu tốt bấy nhiêu”.

Câu trả lời của nhà vua trẻ mặng làm Thượng Thư càng kính sợ, ông chẳng dám đề cập thêm vấn đề này nữa - dù đã có sự dặn dò của Hoàng mẫu. Thượng Thư gật đầu tán đồng, rồi lảng sang chuyện khác. Sau đó ông xin phép lui sớm, hầu thưa chuyện với Hoàng mẫu Nguyễn Thị Định: Thưa lệnh bà, Đức vua tuy tuổi trẻ nhưng rất sáng suốt. Ngài chỉ lo đến việc quốc gia đại sự chứ chưa nghĩ đến tình riêng. Xin lệnh bà hãy thư thả...” Hoàng mẫu trầm tư: “Bởi đất nước đang bị đô hộ, nên ta muốn sớm lo cho nhà vua được yên bề gia thất, để người còn an tâm lo việc nước... Thôi việc này để ta lo vậy”.

Biết Duy Tân là người con có hiếu. Hoàng mẫu ngày đêm khuyến dụ năn nỉ con sớm lấy vợ để nối dõi đế nghiệp. Vua Duy Tân rất thương mẹ nên không nỡ từ chối, đành tìm cách khất lần: “Vâng... Thì mạ(1)... cứ chọn đi...” Hoàng mẫu mừng rỡ truyền cho các thái giám và các quan nội thị mau chóng tuyển phi cho con. Thế là các mệnh phụ - vợ các đại thần - vội đưa con cháu - từng nô đùa với Thái tử lúc bé - đến chào Hoàng mẫu...

Các viên Thái giám lập được danh sách kèm theo ảnh của 25 cô gái xinh đẹp nết na.

Nhưng khi Hoàng mẫu đưa ảnh cho vua Duy Tân, thì ngài chỉ xem qua và lặng thinh, chẳng ý kiến gì.

Hoàng mẫu cất vấn mãi, ngài đành trả lời: “Con đang suy nghĩ”.

Cả tháng sau vẫn chẳng thấy Duy Tân đả động gì tới. Hoàng mẫu quá sốt ruột bèn gọi con đến, chỉ vào ảnh từng cô và hỏi ý kiến. Cô nào vua cũng nhớ mặt, nhớ tên, nhớ đến kỷ niệm, khen cô này có duyên, cô kia vui vẻ...

“Nhưng con chọn cô nào?” Hoàng mẫu hỏi. Vua Duy Tân mỉm cười trả lời: “Thưa mạ, con có người yêu rồi”. Hoàng mẫu bật ngửa người, nhưng sau đó mừng rỡ: “Người yêu của con ở mô? Bao nhiêu tuổi?” - “Ở cửa Tùng, hơn con một tuổi”. Nói xong vội vàng xin phép Hoàng mẫu lui ra, viện cớ đã đến giờ học

Sau tuần lễ sau, Hoàng mẫu gọi những người theo hầu vua lên hỏi, xem ai đến cô nào ở cửa Tùng không? Họ đều tâu rằng chưa bao giờ thấy nhà nào quen với cô gái nào ở đấy cả. Hoàng mẫu bèn gạn hỏi Duy Tân, ngài trả lời: “Mẹ yên tâm! Vài bữa nữa con sẽ mời mẹ ra nghỉ 10 ngày ở cửa Tùng, mẹ sẽ thấy. Nếu mẹ bằng lòng thì con mới lấy”.

Khi ở cửa Tùng, Hoàng mẫu dặn người đội trưởng thị vệ để tâm theo dõi xem vua tiếp xúc với những ai?

Suốt 5 ngày đầu, đội trưởng báo là vua ra lệnh không tiếp ai cả - ngoài mẹ. Cứ sáng sớm, ngài giả dạng thường dân đi dạo bờ biển thăm hỏi ngư dân, rồi lại hoàn tất với học.

“Vậy ngài có hỏi thăm hay chuyện trò với cô gái nào không?” - Hoàng mẫu hỏi. Đội trưởng thị vệ thưa: “Tuyệt nhiên không ạ. Con theo bảo vệ sát nên không”. Hoàng mẫu thắc mắc lắm nhưng chưa tiện hỏi con.

Mấy hôm sau cũng vậy, người đội trưởng kể thêm chi tiết: “... Thưa lệnh vua nếu đáng kể là mấy bữa nay, ngày nào xuống bãi tắm vua cũng say mê đào cát! Thần đánh bạo hỏi thì ngài cười trả lời: “Ta đang đãi cát tìm vàng đây”.

Chuyện này khiến Hoàng mẫu suy nghĩ rất lâu. Sáng hôm sau, lúc hai mẹ con ăn điểm tâm, Hoàng mẫu hỏi: “Sắp đến ngày về rồi mà mẹ chưa biết mặt người yêu của con? Sao con không tìm về cho mẹ gặp mặt mà cứ đào cát mãi vậy?” Duy Tân cười: “Con đào cát là để mẹ hiểu ý con đó”. Hoàng mẫu ngờ vực: “Mẹ thật không hiểu!? Con có... điên không? Vua cười: “Thưa mẹ, con không điên đâu. Mẹ đừng buồn. Nếu ở đây mẹ không hiểu thì về Huế cũng sẽ nghĩ ra” - Rồi gấp thức ăn cho mẹ: “Con đãi cát tìm vàng đó mà”.

Hoàng mẫu lúc đó mới vỗ trán bật cười: “À! Mẹ hiểu rồi! Có phải người yêu của con là Mai Thị Vàng? Trưởng nữ quan phụ đạo Mai Khắc Đôn - Thầy học cũ của con. Đúng không?” Vua Duy Tân đỏ mặt gật đầu: “Đúng quá đi mất! Vậy... mẹ có bằng lòng không?” Hoàng mẫu vội gật đầu: “Có chứ! O Vàng rất đẹp! Lại con nhà gia giáo”. Rồi bà trìu mến nhìn con: “Nhưng mẹ muốn biết thêm là ngoài đẹp và ngoan ra, răng con lại chọn o Vàng?” Nhà vua trầm ngâm nói: “Quan phụ đạo Mai Khắc Đôn hơn những người thầy khác, là ngoài dạy chữ cho con, còn dạy con biết thương dân thương nước, biết trọng dụng người trung, xa lánh kẻ nịnh. Đó là người thầy đạo nghĩa nhất. Lấy vợ xem tông, o Vàng là con gái người, chắc chắn sẽ được dạy dỗ như vậy. Còn đẹp và ngoan thì nhiều o khác cũng có”.

Hoàng mẫu nghe xong rất mừng về trí thông minh và thận trọng của Duy Tân. Con bà lại yêu nước thương nòi, luôn lấy dân làm gốc. Lúc ấy ngài chưa đầy 16 tuổi.

Theo ý nhà vua, hôn lễ cứ để chậm chậm vài năm rồi sẽ tính. Nhưng Hoàng mẫu nóng lòng muốn có cháu sớm để nối dõi, phần phụ nhân Mai Khắc Đôn - mẹ cô Mai Thị Vàng - xem tử vi thầy nói cô Vàng tuổi Kỷ Hợi, vua Duy Tân tuổi Canh Tý, phải làm lễ trước Tết mới hạp, chứ để lâu không tốt. Duy Tân đành phải

vâng lời, chỉ xin mẹ tổ chức sao cho thật đơn giản. “Vả lại, con muốn bàn Vàng đã chứ”. Ngài nói vậy.

Dù nghe cha hăng giọng đã mấy lần, mà Vàng vẫn chưa dám bê khay ra châm thêm... Nàng thật không ngờ, và cũng chẳng dám mơ, vị vua trẻ đang ngồi ngoài kia sẽ là hôn phu của mình, dù nàng rất mến phục và biết chàng bé... Nàng nhớ đến những trò chơi trẻ con cùng chàng mà bồi hồi đỏ cả mặt!... “Ra đi con...” Mẹ nàng phải dặt tay... Vàng bước theo mẹ như đi trên mây... Không biết mình trang điểm và ăn mặc như thế này... có vừa ý chàng không? Sao lạ vậy? Cách đây hai năm mình vẫn cùng chàng đuổi bắt cơ mà!?...”

Sau đó, Vàng không biết bằng cách nào mà những người lớn cứ lần lượt rút lui hết!? Bỏ nàng lại một mình với chàng! Nàng luýnh quýnh đến nỗi không biết giấu hai tay áo rộng vào đâu!? Ôi con oanh trong lồng kia cứ tinh nghịch hót chònh ghẹo nàng mãi!!!...

Vua Duy Tân ngấm nhìn những lọn tóc mai cuống quýt bên má người yêu đang đỏ như gấc chín mà mỉm cười. Thật ra ngài cũng hồi hộp không kém! Đêm qua ngài đã chuẩn bị sẵn những câu để nói với nàng...

Duy Tân chậm rãi uống xong tách trà, rồi cất giọng êm đềm: “O... có chịu làm vợ ta không?” Vàng vừa sung sướng vừa xấu hổ, nàng chỉ biết gật đầu, cũng không dám ngược lên nhìn chàng.

Vua Duy Tân nhìn quanh, rồi mạnh dạn tiến đến nắm tay nàng: “Ý ta muốn vài năm nữa, để ta và nàng thực sự trưởng thành... Ta chẳng tin lắm vào tử vi bói toán. Chẳng qua mẹ ta muốn sớm... Và mẹ nàng sợ để lâu có người gièm pha đó thôi. Ta không như nhiều kẻ khác, đã yêu là trước sau cũng lấy”.

Vàng vô cùng cảm động, nàng khẽ ngược đôi mắt to đen láy nhìn chàng. đánh bạo hỏi: “Nhưng... so với nhiều cô gái trẻ hơn chàng... Sao chàng lại chọn em?” Duy Tân cười: “À, ta biết nàng cùng chí hướng với ta. Và nàng đẹp lắm! Đẹp mà tốt nữa! Nàng thường giấu bánh ngon cho ta ăn. Nhớ không?”

Mùa xuân năm Ất Mão, ngày 12 tháng Chạp (tức 16-1-1916) Lễ “Nạp phi” của vua Duy Tân cử hành. Người đẹp Mai Thị Vàng trở thành Đệ nhất giai phi (2).

PĐN

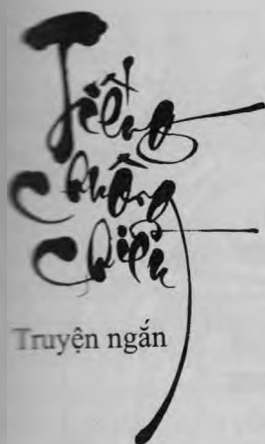
(1) Mẹ: Mẹ - tiếng địa phương Huế.

(2) Các triều trước, vợ vua gọi là Hoàng Hậu. Nhưng thời Gia Long, theo luật “Tứ bất”, lập là đệ nhất, đệ nhị... giai phi. Cho đến đời Bảo Đại, bà Nam Phương “đòi hỏi” tái lập ngôi Hoàng Hậu.

TƯ LIỆU THAM KHẢO:

-Việt Nam Sử Lược (của Trần Trọng Kim)

Chuyện Vua quan nhà Nguyễn (của cụ Phạm Khắc Hòe NXB Thuận Hóa 1986.



Hắn yêu nàng, tình yêu của một kẻ ngoan đạo. Trước mắt nàng, hắn chỉ là một tin đồ nhỏ bé đang phủ phục trước một vị thánh tăng. Hắn muốn mình trở thành một con ngựa bạch long để vinh hạnh phục vụ nàng suốt đời.

Hắn yêu nàng tình yêu của một đồ đệ trung thành, không được quyền đòi hỏi bất cứ một điều gì, chỉ biết thâm lặng, tuân phục và làm theo những gì mà nàng cho phép. Hắn không bao giờ dám mơ tưởng là nàng sẽ đến với hắn. Đó là điều điên rồ, đại đột và tội lỗi, không thể chấp nhận được. Hắn chỉ mơ ước duy nhất một điều là: được sống, được nhìn thấy nàng, không bị nàng xua đuổi và hắn được quyền yêu nàng - một tình yêu vĩnh hằng không bao giờ có sự đền đáp.

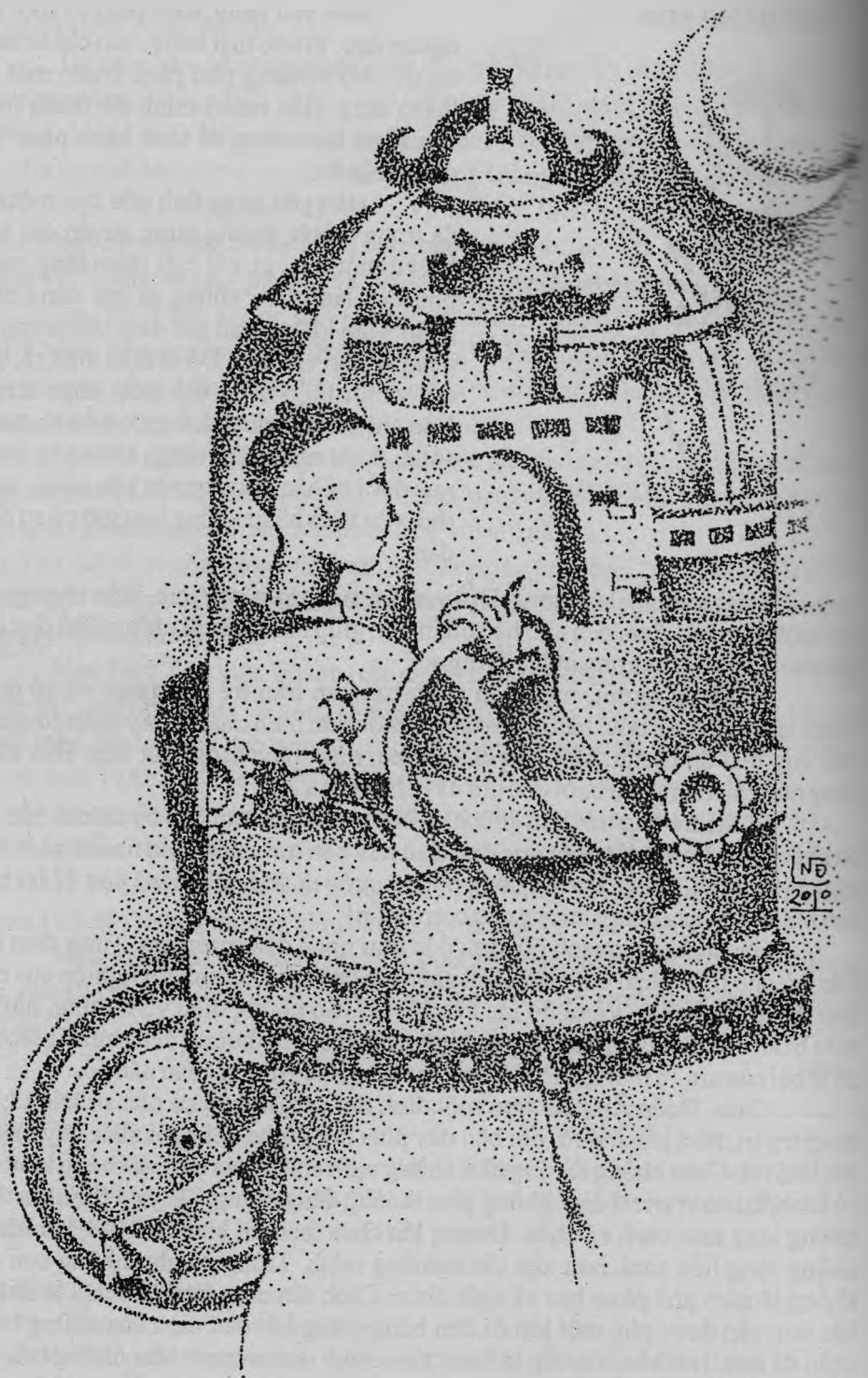
Nàng oai nghi lạ thường. Đối với hắn, nàng là vị cứu tinh, là ân nhân gánh vác một sứ mệnh, đem đến cho hắn niềm vui, giúp hắn quên đi những khổ đau mà hắn đành chấp nhận trong một kiếp người.

Một kiếp người, một thân phận trái oan tràn trề tủi nhục và cô đơn. Mười tám năm về trước, hắn chào đời với một thân hình quái dị, tay chân cọ quắp, một con mắt đã bị mù. Mặt hắn nhăn nheo, méo xệch sang một bên. Hắn cười bằng nửa cái miệng, nụ cười đầu đời đầy chua chát.

Hình như ông trời oán ghét hắn. Năm tuổi hắn mới bập bẹ thì cha hắn bị căn bệnh quái lạ và đột ngột qua đời. Sau này hắn mới biết là do nhiễm chất độc của chiến tranh. Chiến tranh không những cướp đi sinh mệnh mà còn để lại biết bao nhiêu hậu quả đáng thương cho con người!

Cha mất, mẹ quạnh hiu đơn độc như ngọn đèn trước gió. Từng đêm mẹ trần trụi cho thân phận cuộc đời. Cái chết của chồng, hình ảnh tội nghiệp của con làm mẹ ám ảnh mãi. Và từ đó mẹ bắt đầu tin vào những điều vô thường, những điều bí ẩn của nhân duyên, của oan khiên trần thế. Mẹ thường đến chùa Thiên Ân để lễ bái cầu xin và mong chờ một quyền lực vô biên nhiệm mầu nào đó.

Chùa Thiên Ân nằm trên một đỉnh đồi cao, nơi ấy có nhà sư Diệu Liên đang trụ trì. Nhà hắn ở dưới đồi bên dãy phía tây. Nghe nói ngôi chùa này xây từ lâu lắm rồi. Chùa không to rộng như những ngôi chùa khác nhưng không kém nét cổ kính, lại có vị trí rất đẹp, không gian thoáng đãng, đứng ở đây có thể nhìn thấy những làng mạc cách xa chùa. Đường lên chùa theo lối hình chữ chi, hai bên là những rừng liễu xanh non xõa tóc nghiêng mình. Trông xa như những con rắn không lồ nằm phủ phục bảo vệ ngôi chùa. Cách sân chùa hai trăm mét là những bậc tam cấp được phủ một lớp đá đen bóng loáng bởi dấu mòn của những bước chân đã qua. Hai bên tam cấp là hàng tùng xanh mươn mướt như những mũi tên thần chia thẳng lên nền trời. Hai con sư tử đá đứng ở cửa ra vào đầy oai hùng và quyền uy.



Sân chùa không rộng nhưng vuông vắn, giữa sân là hồ Tịnh Tâm, nổi lên trên mặt nước trong xanh là tòa sen có hình Đức Quan Âm từ bi quảng đại. Đứng trên hồ Tịnh Tâm là đường vào chánh điện với hai con thanh long bằng đá nằm hai bên tạo hình khá độc đáo tinh vi bằng nhiều đường nét kiến trúc thời cổ. Chánh điện cao hơn sân vài mét vì thế mà ở phía dưới nhìn lên có thể thấy một tượng đồng lớn bóng loáng long lanh sắc vàng. Đó là tượng Đức Thích Ca đang ngồi trên tòa sen, với một vẻ mặt đầy uy lực và huyền diệu vô biên. Mọi người thấy đều hiện hòa tảo nhĩ. Hẳn biết nơi đây đã khá lâu. Từ ngày cha mất, mẹ đã đưa hẳn lên đây để làm lễ, cầu nguyện cho linh hồn cha, cầu nguyện cho mẹ có được một cuộc đời bình an. Nhưng tất cả những lời cầu nguyện của mẹ đã không thành hiện thực. Cô đơn, đau buồn, bệnh tim đã dấy theo linh hồn mẹ sau khi cha mất. Hẳn mất tất cả - cuộc đời như thế là rụi tàn. Lễ tổng táng mẹ được chùa tổ chức, hẳn chỉ biết di chuyển cái thân nặng nề bằng đôi tay nhỏ bé theo những người khiêng quan tài. Hẳn khóc, tiếng khóc nức nở bi ai đến não lòng. Thế là hết! Hẳn muốn vứt bỏ cuộc đời cay nghiệt này đi theo mẹ nhưng ông trời chẳng thêm cho. Hẳn bơ vơ. Thương tâm thân tàn đơn độc của hẳn, ni sư Diệu Liên đem về chùa và nhận làm người đỡ đầu, chăm sóc, dạy dỗ. Từ đó chùa trở thành ngôi nhà thứ hai của hẳn. Hẳn đành an phận và buông xuôi cuộc đời.

Ni sư Diệu Liên là người chân chất, thương vật mến người. Bảy mươi tuổi nhưng bà còn rất minh mẫn. Trong chùa, người đệ tử mà ni sư tin tưởng và yêu quý nhất là Diệu Chơn. Diệu Chơn yêu thương và quý trọng thầy, xem thầy như mẹ. Cuộc đời của Diệu Chơn cũng bắt nguồn từ một quá khứ đau thương.

Một buổi sớm sương mù còn dày đặc, ni sư dậy sớm tọa thiền, chợt nghe tiếng khóc sau chùa, Người vội vã ra xem. Thì ra đó là một bé gái sơ sinh bị bỏ rơi. Có lẽ đây là kết quả của mối tình vụng trộm nào đó, bà mẹ đành phải giữ bí mật và giấu con cho nhà chùa chăm sóc. Ni sư Diệu Liên không biết nguồn gốc bé gái từ đâu nhưng Người luôn tin tưởng vào điều linh diệu của đạo pháp và lòng chân thật của mình nên đặt tên cho bé gái là Diệu Chơn.

Diệu Chơn được ni sư yêu thương chăm sóc như người mẹ đối với con đẻ của chính mình. Ngoài việc học kinh điển của chùa, ni sư còn cho Diệu Chơn học tập phổ thông ở ngoài. Cảm công đức cái từ hoàn sinh của thầy, Diệu Chơn quyết tâm học tập và nguyện theo con đường đạo hạnh. Diệu Chơn thông minh, tài giỏi, nhanh nhẹn, am hiểu Nho học, Phật học và cả kiến thức phổ thông. Nàng hơn hẳn đến tám tuổi. Năm hẳn vào chùa, nàng đã tốt nghiệp lớp chín. Đồng cảm trước số phận mồ côi, nàng yêu thương hẳn như tình thương của một người chị dành cho đứa em tật nguyền, bé bỏng.

Nàng truyền thụ cho hẳn tất cả những hiểu biết mà nàng đã có. Từ tắm áo mặc cho đến những bữa ăn hàng ngày của hẳn đều được bàn tay nàng chăm sóc. Hẳn cảm động và hạnh phúc khi có nàng bên cạnh.

Càng lớn Diệu Chơn càng xinh đẹp lạ thường. Nét đẹp thanh cao của một người thoát tục của một nàng tiên giáng thế. Nét đẹp mà hàng bao nhiêu phụ nữ mơ ước được có, được hưởng thụ trọn vẹn mọi lợi dục phú quý trên đời. Nàng không những đẹp ở vẻ bên ngoài mà còn có cả tấm lòng vô bờ bên đối với những số phận đau khổ, những kiếp sống trầm luân. Hẳn thấy mình nhỏ bé thơ ngây

trong vòng tay yêu thương ấm áp của nàng. Hấn muốn được nghe nàng nói, thấy nàng cười. Hấn bắt đầu e thẹn khi gần nàng, lòng hấn hồi hộp, tim hấn rộn rã, đầu óc hấn miên man...

Hấn yêu nàng. Hấn muốn được quỳ gối bên nàng, muốn gửi linh hồn người đã đem đến cho mình sự sống. Mười năm ở chùa là mười năm hấn quên sâu muộn của đời mình.

Ni sư Diệu Liên qua đời. Diệu Chơn thay thế thầy trụ trì chùa Thiên Ân. Nàng đã bước vào tuổi hai mươi sáu, tuổi mà những người con gái khác đều ước có chồng, có một mối tình nở hoa trọn vẹn. Còn nàng, con tim nàng là ngọc bích, con tim của một vị chân tu không vướng bận đời thường. Hấn gọi nàng là sư phụ. Tiếng gọi như bao kẻ khác với một vị đại sư. Nàng đâu phải của hấn mà của tất cả mọi người. Hấn biết thế, hấn đã lớn, dầu tạt nguyên cũng là người thực sự, biết ngậy đại trước hình bóng mà hấn hằng ấp ủ nàng niu, biết mơ ước những điều mà quyền làm người có được. Giờ đây hấn phải tự lo cho chính mình, mười năm mang nặng nghĩa ơn đối với hấn cũng cao hơn vạn lần núi Thái Sơn.

Hấn yêu nàng thật sự nhưng hấn không muốn nhà chùa trở thành nơi chứa chất một tình cảm riêng tư nào đó. Hấn muốn mọi người tôn phục nàng như hấn từng tôn phục. Hấn không muốn nàng phải phiền lòng hay vất vả bởi phải chăm sóc một kẻ tật nguyên như hấn.

Chùa Thiên Ân là nơi dành cho nữ tu hành thực thi đạo pháp. Hấn không phải là nữ giới. Hấn dần vật suy nghĩ mãi và cuối cùng quyết định rời xa. Nhưng rời khỏi chùa thì làm gì? Xin ăn cũng được! Ăn xin không phải là tội lỗi đối với một kẻ tật nguyên, miễn sao hấn tự khẳng định chính mình mới là điều đáng quý và nàng không phải khổ bận suốt đời vì hấn.

Hấn cung kính thưa lời: - Bạch sư phụ, ở đây là nơi dành cho nữ giới tu hành, con không muốn liên lụy đến thầy. Thầy cho phép con rời khỏi nơi này. Hấn áp úng mãi mới nói được chừng ấy lời. Hấn nhìn nàng nước mắt chảy dài. Lòng hấn đang thổn thức, bởi giá lạnh của đơn côi, nàng có biết hay không?. Nàng nhìn hấn với đôi mắt thoáng buồn như chứa đựng sự yêu thương vô cùng. Sau phút tàn ngắn, nàng nhẹ nhàng vỗ về:

- Con nghĩ thế cũng phải. Thầy sẽ sửa sang lại ngôi nhà ngày xưa cha mẹ con để lại. Con hãy ở đó. Con cứ yên tâm, thầy sẽ tạo mọi điều kiện để giúp đỡ cho con. Bao năm ở đây con đã hiểu được nghiệp duyên, không nên lấy đó làm điều muộn phiền. Dầu nghèo hay tật nguyên nếu biết lạc quan, biết tin ở chính mình, biết an nhiên tự tại thì mọi đau khổ sẽ tiêu tan. Sư phụ tin tưởng ở nơi con. Con hãy vững tin. Thầy không bao giờ bỏ rơi con đâu!

Hấn biết nàng đang an ủi hấn, đó là lời khuyên của một tấm lòng chân thành, độ lượng. Nhưng làm sao hấn quên được mọi đau khổ. Hấn đưa mắt nhìn đôi chân oan nghiệt và đưa đôi tay khô nạn ôm lấy khuôn mặt bất hạnh của mình. Hấn cảm thấy cô đơn lạc lõng giữa dòng đời.

Nhưng hấn tự suy nghĩ: chẳng lẽ năm chờ cơm chùa như một kẻ ăn vạ hay sao? Không, không thể như thế này mãi. Hấn phải làm những gì mình suy nghĩ và cho đó là đúng, là chân chính, là không tội lỗi. Hấn la lét đầu đường xó chợ, tới đến lại về nhà của mình. Thời gian và công việc cứ xoay vòng như thế, rồi nửa năm làm "nghề ăn xin" cũng qua đi, hấn quen dần với cuộc sống mới.

Những đêm khuya nghe tiếng chuông chùa đổ dồn xuống dưới chân đồi, hắt lại về với những dư âm, những lời nói của nàng, hình ảnh của nàng... Hấn thở dài nhìn hôn bàn chân, nàng vẫn nghiêm trang như một pho tượng, hấn gọi nàng, nàng không nói một lời... Hấn giật mình đó chỉ là một giấc mơ đại đột mà thôi. Hấn nghe lòng mình lạnh giá, lúc này hấn muốn có một bàn tay xoa nhẹ lên đỉnh đầu như hồi còn thơ bé.

Nàng hơn hấn tám tuổi - tuổi làm chị và làm thầy. Hấn chỉ là một đồ đệ - hấn nghĩ quần quanh...lớn hơn chừng ấy tuổi thì sao? Tình yêu đâu phụ thuộc vào tuổi tác? Hấn cũng có quyền yêu như những chàng trai khác. Ai có quyền ngăn cấm và dứt bỏ con tim hấn. Hấn nghĩ nếu như ngôi chùa này chỉ có một mình hấn và nàng...rồi một ngày nào đó cùng nhau về nơi vĩnh hằng thì hạnh phúc biết bao! Hấn chỉ muốn được gần nàng, phụng sự cho nàng - chẳng lẽ cái mơ ước trong lành như thế cũng vô vọng hay sao? Càng nghĩ hấn càng cảm thấy buồn, nước mắt hấn thấm đẫm trên khuôn mặt tàn tạ khô héo như giọt sương mai đọng đầy trên chiếc lá khô đang lấp lửng sắp lìa cành.

Là một tín đồ ngoan đạo, hấn không quên nhiệm vụ của mình. Những ngày đại lễ, hấn lại đến chùa. Hấn đến để gặp nàng và cầu nguyện cho nàng bình yên. Đó là những ngày hấn thấy hạnh phúc nhất. Những lúc hấn bản thân không muốn trở về, nàng nhìn hấn từ tốn: “Hình như con cần ở sư phụ điều gì chăng?” Hấn cười và lắc đầu. Nàng đâu có biết điều hấn cần. Hấn cần điều mà mọi người và nàng không thể chấp nhận. Hấn muốn nói lên điều không được nói đó nhưng rồi lặng câm và đành lặng lẽ quay về...

* * * * *

Đã hai tháng nay, hấn không đến chùa. Hấn tận dụng mọi thời gian để đi xin. Hấn muốn có tiền để mua một kỷ vật tặng cho nàng. Những đồng tiền hấn có được là công sức, là mồ hôi của hấn. Hấn đem những đồng tiền lẻ mọn rách nát mà hấn đã xin được xếp lại một cách vuông vắn, cất giữ cẩn thận. Rồi cuối cùng hấn quyết định làm điều đó. Nhưng mà hấn biết mua gì đây? Một chiếc trâm cài đầu? Một chiếc lược? Một mảnh gương? Nàng là người xuất gia đâu cần những thứ đó. Hay là một thước vải mềm nền xanh có thêu những đóa hoa hồng? Người tu hành mặc áo nâu sồng, không được phép sử dụng những trang phục khác. Một cuốn sách, một bức tranh...những thứ này trong chùa đâu có thiếu? Hấn vô đầu suy nghĩ. Cuối cùng hấn cũng chọn được món quà mà mình vừa ý. Hấn thấy hạnh phúc ngập tràn - chắc chắn là nàng sẽ vui lòng.

* * * * *

Chiều nay hoàng hôn lại về như những tấm lụa vàng trải dài trên đồi cao. Gió nhẹ đưa, những rặng liễu lá lướt lay mình. Những tia nắng cuối cùng xuyên qua những nhánh liễu như những mái tóc dài tủa sắc màu ngọc bích trong xanh. Thỉnh thoảng có vài cánh cò trắng bay qua. Không khí lắng dịu, mát mẻ hơn mọi ngày. Chùa Thiên Ân hiện lên uy nghi và thanh khiết. Màu của ngói đỏ, màu cỏ cây xanh, màu long lanh của nước hồ Tịnh Tâm ánh lên làm cho ngôi chùa như đám mây ngũ sắc nổi lên trên đỉnh đồi.

Hắn lại đến chùa. Hôm nay không phải ngày trai giới nhưng hắn đến trong một niềm vui khó tả. Hắn chờ đợi giây phút hân hoan ở lòng mình. Đây hai cánh tay xuống mặt đường đầy sỏi đá, hắn lê lét cái thân nặng nề leo lên đỉnh đôi không biết mệt mỏi. Thình thoảng hắn lại đẩy một cánh tay sờ vào ngực mình. Đó là đôi hài màu vàng có phù kim tuyến trên đóa sen hồng. Món quà này được hắn bao bọc kỹ lưỡng trong một mảnh giấy trắng. Hắn muốn gửi hồn mình vào đôi hài nhỏ bé ấy để nâng đỡ và đi theo nàng trong suốt cuộc đời. Ngâng đầu lên nhìn đỉnh đôi, hắn mỉm cười, một nụ cười thánh thiện, viên mãn. Chùa Thiên Ân chưa đến giờ hành lễ nên vẫn còn đóng cửa. Chắc có lẽ nàng đang tọa thiền. Hắn sung sướng lê người lên chánh điện. Không cần chờ đợi như những ngày trước kia, hắn mạnh dạn gõ cửa. Cánh cửa bật mở, một vị sư nữ xuất hiện, vị sư này trông chừng khoảng sáu mươi tuổi, nhưng khuôn mặt vẫn còn nét tươi trẻ, trên tay đang cầm chuỗi hạt được làm bằng gỗ cắm lai bóng loáng. Sư bà cúi đầu niệm Phật rồi hỏi hắn:

- Thí chủ từ đâu đến, đến đây để làm gì?". Hắn không trả lời. Sau phút lặng im, hắn hỏi lại:

- Sư phụ từ đâu mới đến?

- Đúng vậy! Bần nữ là Huệ Minh được lệnh giáo hội cho đến đây trụ trì thay thế ni sư Diệu Chơn.

- Vậy sư phụ Diệu Chơn đi đâu?

Ni sư Huệ Minh điềm đạm trả lời:

- Kể tu hành chúng sanh là bạn, bốn phương là nhà. Ni sư Diệu Chơn đã tình nguyện đi khắp nơi để phổ độ chúng sanh. Hiện nay bần nữ cũng không rõ Người đang ở đâu. Thí chủ đến muộn, Người đã đi hơn một tuần rồi. Thôi trời sắp tối rồi, đã đến giờ hành lễ xin thí chủ hãy vui lòng về đi.

Huệ Minh xá hắn một cái rồi quay bước vào trong. Hắn ngồi trơ như đá. Hắn đến quá muộn màng. Thế là nàng đã đi xa, nàng đã xa hắn. Đôi hài vẫn đang cầm ở trong tay, tâm hồn hắn chao đảo như chiếc lá lìa cành rơi rụng xuống dòng sông sâu rồi bồng bềnh theo sóng nước.

Trời sẫm tối, tiếng chuông chùa ngân vang. Âm thanh chiều nay sao mà tê buồn đến thế? Đất trời chỉ toàn một màu đen. Bỗng dưng đôi hài phát ra ngàn tia sáng chiếu thẳng vào người hắn. Trong khoảnh khắc, hắn thấy mình trở thành con bạch mã đang vội vã đi tìm chủ nhân. Nhưng trời cao lồng lộng, sông biển bao la, hắn biết về đâu, biết tìm nàng nơi đâu?!...

Đà Lạt, 3. 2002
N.H.S



Ảnh: Trần Ngọc Hiệp

NGÀY ẤY, YERSIN...

■ ■ ■ (Tiếp theo trang 33)



Ngày 8 tháng 4, từ sáng sớm, chúng tôi khởi hành lên miền núi. Đoàn lữ hành của chúng tôi khiến cho dân chúng ven đường rất ngạc nhiên. Họ chưa bao giờ thấy một đoàn nào như vậy: 80 người khuân vác, 6 con ngựa, và nhất là voi!"

Từ Phan Rí, Yersin đến Kalon-Madai, trèo đèo lội suối, thẳng tiến lên cao nguyên.

Ngày 14-4-1893, Yersin đến Riong nằm ven sông Đạ Đờng (thuộc Lâm Hà ngày nay). Từ Riong, nếu tiếp tục đi về hướng Bắc sẽ đến Lang Biang. Yersin cho biết:

"Hai ông Néis (*) và Umann đã biết đến ngọn núi này cao hơn 2.000m. Sông Đồng Nai bắt nguồn từ đây." Yersin dời chuyên thám hiểm Lang Biang sang thời gian sau, đi về hướng Tây Nam đến Tala, thung lũng sông La Ngà.

Yersin viết:

"Tôi đi theo lộ trình của ông Néis và Umann đi ngang qua các làng Mè Pu (Mè P'hou), B'Sar (Bassar), Gu Mo (Goumor) trên sông Đạ Hu-oai (Da Oui), một trong những nhánh sông lớn của sông Đồng Nai."

Yersin dự định đi bộ từ Đạ Cai đến Cao Cang nhưng sau 4 ngày đường, ông lại trở về nơi xuất phát và nhận xét không có con đường nào khác con đường sông nối liền Đạ Cai với Cao Cang.

Ngày 23 tháng 5, Yersin chèo thuyền từ Cao Cang đến Võ Đất (Vio Deuk), rồi đi bộ từ Võ Đất đến Tánh Linh. Sau đó, ông men theo sông La Ngà, đến B'Sar (Bassar) vào ngày 9 tháng 6. Ông tiếp tục đi về hướng Bắc và leo lên núi Tà Đung (thuộc tỉnh Đắk Nông ngày nay).

Chiều ngày 21-6-1893, ông đến cao nguyên Lang Biang. Ông viết về sự kiện quan trọng này như sau:

"Cuối cùng, tôi để đồ đạc lại ở Riong và cùng với bốn người khuân vác thám hiểm Lang Biang, ngọn núi cao ở thượng nguồn sông Đồng Nai.

Lang Biang ở phía Bắc Riong cách hai ngày đường. Cao nguyên nhấp nhô và cao dần từ 900m đến 1.200m. Từ 15 đến 20km trước khi đến chân núi, tôi ra khỏi rừng và đứng trên một vùng hoàn toàn trơ trụi và đầy cỏ. Núi đồi nhấp nhô khiến tôi có ấn tượng như đang đi trên một đại dương xao động vì những ngọn sóng khổng lồ. Núi Lang Biang đứng sừng sững ở giữa như một hòn đảo và hình như càng xa dần khi tôi đến gần. Người ta dễ tính sai khoảng cách trên những cánh đồng bao la này. Dưới chỗ trũng, đất màu đen và đầy than bùn. Những đàn nai lớn để yên cho tôi đến gần vài trăm mét, rồi vụt chạy ra xa, ngoài

Dân cư trong vùng thưa thớt, vài làng người Lạch (M' Lates) tập trung ở chân núi. Họ trồng lúa nước rất tốt. Chúng tôi qua sông Đồng Nai, chỉ là một con suối rộng 3 mét, và đến Đăng Gia (Lang Ya hay Dan Ya) có chánh tổng trú ngụ.

Người Lạch nói cả tiếng Chăm và tiếng Mạ. Phụ nữ có vành tai khoét một lỗ lớn và đặt vào đó những chiếc vòng to treo lủng lẳng những sợi dây thiếc hình xoắn ốc rất nặng.

Tôi được tiếp trong nhà chung. Mỗi chức sắc trong làng mang đến một ché rượu. Trước mặt tôi có cả thầy 6 dĩa chè. Rất may, họ không đòi hỏi tôi uống lần đầu hết tất cả.

Tôi chỉ ngủ lại đêm ở Đăng Kia, rồi trở về Riong dưới một cơn mưa tầm tã. Trời mưa khiến cho sườn dốc rất trơn trượt và biến những dòng suối nhỏ thành những dòng sông thật sự, rất nguy hiểm khi vượt qua.

Trong thời gian tôi đi vắng, một con cạp cổ vồ lấy một trong những con ngựa của tôi đứng ngay trong hàng rào của trại. Anh thợ săn người Việt mà tôi để lại ở Ri-ông tổ chức chiến đấu. Anh ta chỉ bắn bị thương con cạp. Con thú dữ này trong khi chạy trốn đã vồ hai người Thượng bị thương nặng..."

*

Rời Riong, Yersin men theo thung lũng sông Đa Nhim và vượt sông Phan Rang.

Từ ngày 19 tháng 7, Yersin lên miền núi tỉnh Khánh Hoà và Đắc Lắc để hoà giải những vụ xung đột giữa các bộ tộc người Thượng.

Thông đốc Nam Kỳ mong muốn Yersin thực hiện một chuyến đi trong mùa mưa trên con đường Yersin đã đi qua trong mùa khô, nhân tiện nhận xét thêm về phần đất bị ngập lụt và tầm quan trọng của các dòng sông.

Ngày 8 tháng 9, Yersin rời Nha Trang và đi theo con đường cái quan đến Phan Rang. Một lần nữa, Yersin từ Phan Rang lên cao nguyên.

Yersin đi ngang qua các làng Di-ôm, Bô Kran, K' Dòn, Lao Gu-an, Ta-la, v.v...

Khắp nơi Yersin được tiếp đãi ân cần như trong chuyến đi vừa qua. Đồng lúa tươi tốt hứa hẹn được mùa lớn.

Đến Tánh Linh, Yersin thấy cả vùng bị ngập lụt. Nếu xây dựng một con đường từ Tánh Linh phải nâng mặt đường cao hơn mặt ruộng, rất tốn kém. Về sau, con đường từ Sài Gòn qua Tánh Linh đến bờ biển miền Trung không thực hiện được. Thay vào đó là con đường Sài Gòn - Phan Thiết đi ngang qua Túc Trưng - Long Khánh - Hàm Tân như hiện nay.

*

Ngày 19-7-1897, Yersin gửi thư đến Toàn quyền Paul Doumer đề xuất chọn cao nguyên Lang Biang làm nơi nghỉ dưỡng (sanatorium).

Tháng 3 năm 1899, Doumer gửi điện tín cho bác sĩ Yersin báo tin ông sẽ đến Phan Rang trong vòng 48 giờ và sẽ cùng Yersin leo núi lên cao nguyên Lang Biang.

Lúc bấy giờ, con đường cái quan từ Nha Trang đến Phan Rang chỉ là một con đường mòn không có cầu bắc qua sông. Yersin liền cưỡi ngựa đi suốt ngày đêm, chỉ dừng lại ở các trạm đặt cách nhau từ 15 đến 20 km. Ngày 25-3-1899, Yersin đến Nại (gần Phan Rang) đúng lúc tàu Kersaint cập bến.

Doumer nghỉ trong giây lát ở tòa công sứ Phan Rang, sau đó cùng đoàn tùy tùng

ngựa đi ngay, định chiều hôm ấy đến chân núi, cách Phan Rang khoảng 40 km.

Ngựa của Doumer phi nước đại. Nhờ giống ngựa tốt, Yersin đuổi kịp Doumer và đến Krongpha khi trời chập choạng tối.

Yersin dựng lều, lấy ra hai cái giường xếp và vài lon đồ hộp. Mãi đến khuya, đoàn tùy tùng và hành lý mới đến nơi.

Sáng hôm sau, khi trời vừa sáng, đoàn người bắt đầu leo núi. Con đường thật gập ghềnh và hiểm trở, mọi người phải dắt ngựa đi bộ. Họ đến Dran vào lúc 10 giờ. Trên cao nguyên, chưa có một người Việt nào sinh sống. Dran chỉ là một buôn Thượng mà dân cư đều bị bệnh sốt rét hoành hành. Sau khi tắm sông và với vàng ăn trưa, họ lại lên đường đi tiếp chặng cuối.

Trước khi đến Trạm Hành, đoàn người lại dắt ngựa trên đoạn đường đèo, nhưng từ Trạm Hành đường đi dễ dàng hơn, họ tiếp tục lên yên.

Khi Doumer, đại úy Langlois và Yersin đến ven cao nguyên thì trời đã tối sẫm. Cả ba người bám sát nhau vì một lý do chính là trong đêm tối, chưa quen với địa hình, họ có thể bị lạc. Vào lúc 10 giờ, họ tới đồn lính ở vị trí Đà Lạt hiện nay. Đó là một mái nhà tranh đơn sơ. Ông Garnier - trưởng đồn - đang ngủ bỗng choàng dậy trước sự có mặt của khách lạ vì chưa được báo tin trước. Vào lúc 1 giờ khuya, đoàn tùy tùng đến. Viên công sứ Nha Trang nói với giọng hải hùng: "Tôi nghe tiếng cọp gầm, tôi nhận ra tiếng cọp mà!".

Từ sáng sớm, đoàn người khởi hành tiến đến Dankir. Trời lạnh, trên đường đi họ gặp rất nhiều con cá tông.

Ở Dankir, Doumer thanh tra trạm nông nghiệp và khí tượng, trình bày dự án thành lập nơi nghỉ dưỡng tương lai nằm trên đoạn đường xe lửa đi từ Sài Gòn, xuyên qua rừng núi đến Đà Lạt rồi xuống Quy Nhơn. Về sau, dự án không thực hiện được vì khi khảo sát thiết kế, các kỹ sư nhận thấy gặp nhiều khó khăn về kỹ thuật hơn là thiết lập một đường xe lửa ven biển với một nhánh đường sắt phụ từ Phan Rang lên Đà Lạt.

Ngày 1-11-1899, Toàn quyền Paul Doumer ký Nghị định thành lập tỉnh Đồng Nai Thượng (Haut-Donnai) bao gồm vùng thượng lưu sông Đồng Nai đến biên giới của Nam Kỳ và Cămpu-chia. Tỉnh lỵ đặt tại Djiring và 2 trạm hành chánh (poste administratif) được thành lập ở Tân Linh (Tân Linh) và trên cao nguyên Lang Biang.

** Ngày 16-3-1881, bác sĩ Paul Néis và trung úy Albert Septans đã đến cao nguyên Lang Biang để ghi chép số đo về khí tượng và nhân trắc học của người dân vùng này.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Jacotot, Henri. Le Docteur Alexandre Yersin. BSEI, 1944, No 1.

Néis, Paul & Septans, Albert. Rapport sur un voyage d'exploration aux sources du Dong-nai. Excursions et reconnaissances, Saigon, 1881.

Yersin, Alexandre. Sept mois chez les Mois. Variétés sur les pays mois, Gouvernement de la Cochinchine, Saigon, 1935.

Arrêté portant création de la province du Haut-Donnai et 2 postes administratifs à Tân Linh et sur le plateau du Langbian. Bulletin administratif de l'Indochine, 1899.

PHẠM VŨ

THÀNH PHỐ LẠC VÀO CỔ TÍCH

Thành phố này như không có thật
 Lên lần đầu ngỡ lạc vào cổ tích
 Khói, sương mờ che khuất lối đường lên
 Đi trong mây tưởng lạc đến cõi tiên
 Rừng thông dựng trên triền dốc thăm
 Không thấy trời, chỉ rừng xanh thăm thẳm
 Vách đá cheo leo vắng tiếng thác đàn
 Hương nhựa thông thoang thoảng tỏa lan
 Ta tắm ngụp trong làn sương mỏng
 Một thoáng lạnh chạy dọc theo cột sống
 Rủ ta vào cõi mộng của tâm linh
 Tiếng chuông chùa và tiếng cầu kinh
 Cứ ảo ảo vô hình vô dạng !
 Đường mất hút dưới vực sâu đen thẳm
 Bỗng hiện ra trong nắng ấm bất ngờ
 Cứ như trò đuổi bắt lúc trẻ thơ
 Khó bắt gặp và chẳng sờ thấy được
 Lên Đà Lạt như săn tìm điều ước
 Của người xưa đánh cược với hôm nay
 Hoa bay bay, kìa bướm cũng bay bay
 Thành phố bỗng hiện ngay trước mặt
 Một vùng sáng lung linh giữa Trời và Đất
 Đà Lạt ơi – em có thật đến không ngờ !
 Nước hồ xanh ngơ ngẩn một hồn thơ
 Ta chết lặng giữa Mơ và Thực
 Sẽ rất buồn nếu em không đến được
 Với sương mờ Đà Lạt chiều nay
 Ngắm rừng thông cổ tích dưới trời mây
 Đắm tình ta trong men rượu nồng cay.

SAO KHÔNG CÙNG SAY !

Trưa hè

*Đâu vọng cổ da diết chín ngả sông tím lục bình, vàng điên điên
phả hương về nồng ẩm núi cao
Mạch cao nguyên hồi hộp đập trống Sợ rạo rực giao miền
bước chân nhẹ trong chiều rồi nắng nghiêng nghiêng mimosa vàng mằm
nhớ nếp chân mây
niềm vui mây trắng vẽ đồng dao cánh đồng hát sang mùa thơm tràn mặt
cỏ
gió ôm em - gió ôm anh
gió dịu dàng khúc bình yên phố núi*

Anh muốn

*trời không mưa
muốn bên ngoài lạnh mãi
muốn đừng cách ngăn bởi nắng gió bụi trần
nhưng suy tư sương tan, đau buồn*

*Cao nguyên co ro gục đầu độc ẩm sao anh không cùng đôi âm giác liêu
trai?*

Em muốn

*giấu mặt trời vào gam màu nhớ tiếng ầu ơ lộng gió đậu ngán phèn
muốn giăng sương trắng tù mù
gọi âm vực đàn đá xa xăm dội về mê hoặc khởi vũ khúc âm dương
nổi công chiêng ma mị miền sơn cước, thổi kèn Kơmbuat tình tự quyền rũ
trời hôn người không lỗi về
muốn lá phù sa quên cánh đồng nhiễm mặn sủi bọt buồn như khúc Dạ cô
hoài lang, chỉ nhớ cao nguyên rừng rực lửa lãng đăng dốc mưa bay
muốn níu thời gian lại giữ anh trong vòng tay
Sao không cùng say
giai điệu M' nhum say, nhạc Rang leh đã trôi khúc dạo đầu
muốn chạm vào cao nguyên ấy sao không cùng em say?*

- Trống Sợ rạo : Một loại trống đánh tạo cao trào trong giàn nhạc
- Đàn đá: Nhạc cụ phát ra âm thanh mà người ta quan niệm như một phương tiện để nối liền cõi âm với cõi dương, giữa hiện tại với quá khứ
- Kơmbuat: Một loại nhạc cụ trong dàn công chiêng
- M' nhum : Là bộ chiêng được đề đánh khi uống rượu, lễ hội ..vv..
- Rang leh : Một nhạc cụ mỗi nam nữ dùng nhạc cụ này, chủ yếu phơi bày tình cảm yêu đương



LÊ QUANG KẾT

HƯƠNG TRÀ B'LAO

Ký

(Nhớ Lâm Tuyên những chiều B' Lao)

Câu thơ “ Chiều” - Hồ Dzếnh đã ám ảnh tôi suốt một chặng dài của thời trai trẻ: *“Trên đường về nhớ đây/ Chiều chậm đưa chân ngày/ Tiếng buồn vang trong mây/ Chìm rừng quên cất cánh/ Gió say tình ngây ngây/ Có phải sầu vạn cổ/ Chết trong hồn chiều nay?...”*. Trong câu thơ có mây, rừng, lũ khách, nỗi nhớ miên man và cảnh chiều buồn. Còn tôi đã bỏ Huế chiều lao xao bước chân lẫm lẫm rồi định cư với B' Lao mệnh mang sương khói.

Chiều ấy Vân và tôi loanh quanh trên con đường nhỏ gập ghềnh lên Phương Bối. Mây la đà tạo ra những quãng sáng hắt xuống làm ta liên tưởng nắng chiều đang vỗ về ôm ấp khu đồi thông. Cả một khoảng không gian yên ắng chỉ nghe vi vu tiếng gió- thì thoảng có thanh âm vọng lại từ đại ngàn xa. Người B' Lao thổ công kể lại rằng : Ngày xưa của chiều năm cũ có vị thiền sư đã chọn Phương Bối lập thảo am- tâm nguyện về một mạch đất phong thủy cho những công án thiền. Dáng thẳng của thông hóa thân là dương, độ cong đôi cao đôi thấp là âm. Phương Bối hội đủ sự cộng hưởng âm dương của thuật phong thủy phương Đông. Tre trúc và sim tím đan xen là sự dẻo dai, mềm mại và cân bằng âm dương. Nước từ chỗ cao chảy vào nơi trũng- đó phải chăng là năng lượng và linh khí trời đất tụ hội về làm cho môi trường tự nhiên thân thiện hơn với con người? Đất mầm sống của văn nhân thi ca đấy!

Từ Phương Bối đôi tầm mắt về thành phố Bảo Lộc- phố trà B' Lao hiện ra trong nắng chiều. Trà B' Lao nức hương ai mà chẳng biết. Trà có bao điều kỳ diệu mà các thứ khác không có được. Trà hương, trà xanh, trà mộc, trà tiên, trà thủy chung, trà tình nghĩa. Người Nhật đã nâng nghệ thuật ẩm trà thành một điểm tựa tâm linh : Trà Đạo - uống trà là một nghi thức long trọng, những yêu cầu khắt khe về sự thanh khiết- quy định chặt chẽ về cách pha chế- chỉ dùng trong nghi lễ hoặc tiếp khách trang trọng trong mỗi tương cầu đồng cảm. Nghệ thuật trà đạo phải đạt tới bốn yếu tố cốt lõi “*hòa-kính-thanh-tĩnh*” trong đó coi trọng nhất chữ hòa. Nhà văn Tào Tuyết Cần đã dành nhiều chương trong “*Hồng Lâu Mộng*” để nói về trà và bao nhà nghiên cứu mơ ước được ngồi vào tao đàn “*trà học*” chỉ riêng mơ giấc

trong Hồng Lâu. Nhiều giai thoại trà đậm tính nhân văn đã được truyền tụng nơi đây.

Anh Lâm Tuyền và tôi một lần đi đã được nghe kể- chúng tôi tạm đặt chuyện chiều năm ấy là “*Bắt trăm mã*”. Buổi sơ khai trà B' Lao dưới quyền cai quản của các ông Tây chủ sở. Có một quan Tây giàu có đầy quyền lực muốn tận hưởng lạc thú “*Trăm mã trà*”- như chuyện xưa quái lạ của các hoàng đế Trung Hoa. Ông ta giao cho vợ chồng người phu trà đứng ra cáng đáng công chuyện. Họ từ miền Trung nghèo khó phải bỏ quê vào xứ này sinh cơ lập nghiệp. Vợ chồng bàn bạc đồng tình nhận tiền mua ngựa, cũng thuận lòng dắt ngựa lên đồi trà gặm lá xanh non nòn nà. Món tiền công thường cả trăm bạc Đông Dương- đáng giá trong con túi bần và còn là chỗ dung thân nơi xứ lạ nhưng họ đã quyết định “*bắt trăm mã*”. Chiều tà tắt nắng, vợ chồng người phu dắt ngựa ra vạt rừng sau và thả chú ngựa từ từ vô tội kia về bên kia Đại Bình Sơn thăm thẳm. Từ đó họ đành ngậm ngùi xa B' Lao đi biệt. Chẳng ai biết tông tích vợ chồng người phu sẽ ra sao- chỉ nghe đồn con thịnh nộ của ông chủ Tây lên tới đỉnh điểm. Lão cho người lùng sục và thưởng công lớn cho ai chỉ ra chỗ trú ẩn nhưng công toi- vô ích. Quyền lực tiền bạc ứ Nghèo khổ cực nhọc ứ Cũng chưa hẳn có thể đánh đổi và mua được mọi thứ như ai kia lầm tưởng.

Truyền thuyết cổ đại tương truyền : Cây chè có nguồn gốc từ Trung Quốc. Vua Thần Nông (năm 2730 trước Công nguyên) trong một lần vi hành xuôi Nam xuống cao nguyên lưỡng Quảng và Vân Nam- vùng đất quanh năm âm và âm. Nhà vua đang giấc trưa nông dưới tán lá cô thụ thì một cơn gió vô tình cuốn theo mấy chiếc lá từ đám cây lạ ven đường- dún dúi rơi vào siêu nước đang sôi. Làn nước bỗng chuyển sang màu xanh ngả một ít vàng và một làn hương thoảng quẩn rĩ theo khói lan tỏa ra, ngày càng lôi cuốn ông vua vốn mê say mùi dược liệu. Nếm thử nhà vua càng tâm đắc thú vị vì một cảm giác sáng khoái đến tột cùng. Vua ban chiếu, chỉ dụ cho tùy tùng bứng cây về trồng và cây chè có tên từ đó. Người Hán biết thưởng thức trà sớm nhưng lúc đầu việc chế biến diễn ra giản đơn- uống chè tươi hay cầu kỳ hơn trộn gừng tỏi quế rồi đun lên. Các lạt ma Tây Tạng có kiểu âm trà như một bữa chính. Họ đun trà bánh rồi múc ra tô trộn với váng kem sữa- một cuộc trà như thế có giá trị dinh dưỡng chống lại khí hậu khô hanh ở trên độ cao 5000 mét và cái lạnh dưới âm... Mãi tới thời thịnh Đường dưới triều Huyền Tông năm 760, Lục Vũ soạn “*Trà kinh*” mới thành quy trình chế biến hàn lâm, tựu trung là : - Trà búp tươi - héo nắng - héo mát - rĩ hương - lên men- sao diệt men - vò - sấy nhẹ - tạo hình - đóng gói - sấy khô - bảo quản trong thoáng mát. Và âm trà đã thành thú văn hóa tao nhã của tao nhân mặc khách - thâm đàm lẽ đời, tình người.

Người B' Lao thích dùng trà nóng. Mùa hè một tách trà nóng vừa thôi vừa uống để tăng bốc mồ hôi giảm nhiệt làm người khoan khoái nhẹ nhàng. Mùa đông uống chè chống lạnh -tăng nóng cho cơ thể- tâm thái hẳn cảm hơn- đầu đó trong tận cùng tâm thức một chút từ tâm hỷ xả với người. Lâm Tuyền thích cả rượi lẫn trà. Anh thích thứ chè tươi dân dã. Những bát chè gừng nước xanh pha màu diệp

lục tự tay anh pha chế để thết bạn văn chương. Uống vào nghe chát chát nơi cổ họng nhưng rồi ngọt hậu và ấm lòng thân sơ bạn bầu. Ngày ấy dung dị và giản đơn, Lâm Tuyên mơ ước chỉ vài sào đất cuộc xới rải hạt ươm chè là ấm êm hạnh phúc. Thế mà chuyện nhỏ ấy có bao giờ thành hiện thực đâu- anh nhỉ?

Câu thơ anh viết buổi chiều năm cũ giờ hiện về trong trí nhớ: *“Bấy lâu anh biết em buồn/ Héo hon với một tâm hồn văn chương/ Đã không nhà cửa ruộng vườn/ Lại còn chật hẹp đồng lương tháng ngày...”*. Ruộng vườn chẳng có nhưng có tâm lòng thơ cho người B'Laos nhớ cũng quý lắm rồi – phải không anh? Mấy hôm năm trước lúc về Thanh anh nhắc chuyện *“Hương trà”*, tôi vẫn nhớ như in...

Chuyện rằng: Có chàng thi sĩ nghèo túng nhưng giàu thơ. Nhiều thiếu nữ mê thơ anh nhưng chẳng ai màng chuyện cưới xin. Đã “Ngũ thập tri thiên mệnh” mà vẫn phòng không đơn chiếc. Buồn vương anh lang bạt khắp chốn. Tình cờ nhà thơ dừng từ ghé B'Laos. Ngày ngày chàng ta đạp xe vu vơ quanh đồi trà như tìm kiếm. Có người thì thầm- người có tuổi làm thơ nọ đã phải lòng nàng làng chè cuối xóm. Chị ấy hơi luống tuổi một chút nhưng còn duyên dáng. Và họ cưới nhau thật. Mấy bà ác miệng xì xầm- chẳng tình chẳng nghĩa chi mô, của đó làm sao mà đẻ đái. Chàng và nàng lặng lẽ chăm chút vườn chè hạt- rồi vỡ đất trồng mới chè cảnh, chất chiu mở quán nhỏ. Đầu thôn cuối xóm lại bắt ngờ với tin sốt dẻo- cũng từ miệng mấy bà ác ý kia- mẹ vợ chàng thi sĩ có mang đây- chẳng rõ chủ nhân bụng to kia là ai nhỉ?... Vượt qua thời đời- miệng thế thị phi, cuối cùng họ có đủ nếp tẻ hân hoan- cậu trai nhỏ đã vào lớp một, chị gái lớn vừa xong tiểu học. Cả hai kháu khỉnh thông minh và gia đình đang quây quần chồng chồng vợ vợ con con một nhà êm ấm. Chuyện chẳng ai ngờ lại lạ lùng và kỳ diệu đến thế. Người lối xóm bảo thế này thế nọ. Có người nói được liệu trà linh nghiệm như thuốc tiên còn anh ưng *“thơ hóa”* gọi phép lạ lứa đôi kia: *“Hương Trà B'Laos”* đây- Nhớ không anh Lâm Tuyên?

Chiều B'Laos ngày ấy chúng tôi đưa anh dù chỉ là vọng tưởng. Lâm Tuyên ơi! Bao năm với B'Laos, Madagou hay Đà Lạt anh vẫn chưa hưởng một chút thư thái an nhàn nào trong sinh hoạt vật chất vốn rất khó khăn ngày ấy. Giờ đây Tâm và tôi đủ tiền đãi anh rượu ngon quán bà Tư đầu ngõ mà anh có uống được đâu?

Ngõ nhỏ nơi sớm tối anh đi về lầy lội có lần anh em lúy túy té ngã ôm nhau giờ là lộ lớn Nguyễn Văn Trỗi thênh thang. Gái út Ngà mới ngày nào giờ đã là sinh viên trên giảng đường đại học. B'Laos phở nổi sáng rực điện lưới từ Đa Nhim, Hàm Thuận- Đa Mi, Đại Ninh... Già làng Mạ buôn Đa Nghị vẫn nhắc anh *“Gom piết- piêng sa -nhô nâm- tầm pót”* (1). Thuyền hội giờ đông vui chờ đầy thơ mà anh thì vắng bóng. Nhớ! Nhớ chiều B'Laos. Nhớ anh Lâm Tuyên Tỉnh.

L.Q.K

(1) Làm cơm, nấu canh, uống rượu cần, hát dân ca pót (Thành ngữ Mạ).

MÓN MẮM THỈNH CỦA MẸ TÔI

Bữa cơm chiều nay vợ tôi dọn ra món mắm cá thu chiên ăn với dưa leo. Trừ mấy đứa cháu không ăn được vì cay, còn cả nhà đều chăm chăm vào món này mà lùa cơm. Món mắm khiến tôi lại nhớ đến mẹ nội tôi lúc còn sống, một người làm các loại mắm ngon nức tiếng cả một vùng quê tôi ngày nào. Tôi lấy hũ rượu ngâm tổ ong cả năm nay ra làm vài ly, vừa khê khà vừa kê cho con cháu nghe những hồi ức về những món mắm do mẹ tôi làm, đặc biệt là món mắm thính cá cơm nổi tiếng.

Phải nói rằng trong mắt tôi, mẹ tôi là hình ảnh của một phụ nữ đầy tài năng. Mẹ biết làm rất nhiều loại bánh của người Huế như bánh hột sen, bánh in, bánh thuẫn, bánh khô v.v... rồi nấu cơm chay bán trong các ngày rằm, mùng một hay lễ vía nhà Phật, nhưng dân quê tôi biết đến mẹ nhiều nhất là nhờ tài làm mắm thính, mắm cà...

Gọi là mắm thính vì trong mắm có trộn thính làm bằng gạo rang vàng rồi giã nhuyễn. Hồi còn nhỏ mỗi khi đi học về, tôi thường lần quần dưới bếp giúp mẹ những việc lật vật như lật ớt, xắt cà hay chẻ củi... Những lần như thế khiến tôi thuộc lòng những thao tác chế biến mắm. Nguyên liệu làm mắm chính là cá cơm tươi, loại cá nhỏ thôi cho rẻ tiền, kể đến là ớt bột, ớt trái chín đỏ lẫn còn xanh, thính gạo rang và một thứ không thể thiếu là muối hột (muối còn sống chưa rang). Cứ ba chén cá cơm, mẹ tôi lại trộn vào một chén muối, rồi bột thính, ớt... tất cả tạo thành một hỗn hợp xếp trong hũ sành hay chậu thủy tinh, phía trên cắt mo cau làm nắp lên chặt bằng những thanh tre nhỏ, xong để vào nơi khô ráo dưới bếp. Độ một tuần sau, những hũ mắm bốc mùi thơm báo hiệu mắm chín, tức là đã ăn được. Những con mắm vàng vàng, đỏ đỏ nhờ thính gạo và ớt bột trộn lẫn với những trái ớt xanh đỏ mềm nhũn luôn kích thích vị giác của những ai nhìn thấy.

Những ngày mùa đông tháng rét mà ăn cơm nóng sốt với mắm thính, dưa cà thì quả thật tuyệt vời.

Khi nào chợ không có cá tôm vì biển động, ngư dân không đi biển được, mẹ tôi lại mang mắm ra chợ bán. Những hũ mắm của mẹ đã giúp gia đình tôi vượt qua những giai đoạn kiếm sống ngặt nghèo. Tiếc thay, mẹ tôi mất đi đã mang theo nghề làm mắm gia truyền vì mẹ tôi và các o tôi đã không kịp học hỏi.

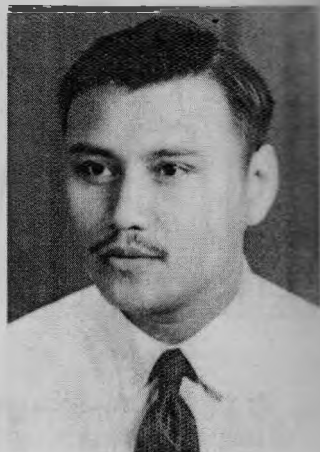
Bây giờ, mỗi lần ăn cơm với mắm, tôi lại bồi hồi nhớ đến người mẹ yêu quý năm nào!



BÙI PHƯƠNG THẢO

CHA TÔI

Nhà thơ Quang Dũng



Thu! Với những lá vàng lác đác rải thảm trên cỏ xanh ven hồ.

Thu! Với chóm heo may man mác gợi kí ức. Và đấy thôi, mưa lê thê, mưa ngày này qua ngày khác, có những lúc cảm thấy mưa không thể dừng.

Có một đêm mưa thu đã trở thành kỉ niệm không quên với tôi. Cái đêm cũng chợt mưa chợt tanh, cái đêm mà tôi vĩnh viễn mất đi một tình yêu, một con người thân thuộc quá đối với mình: cha tôi. Dẫu là sự thực mà khó dễ tin ngay. Cha nằm đấy, mái tóc bông bênh trắng như một dải mây vắt ngang đỉnh Ba Vì. Đôi mắt khép nhẹ không che dấu nỗi nỗi đam mê hoang dại của những ngày trai trẻ rong ruổi trên thân ngựa. Thân hình vạm vỡ là thế, giờ quá bé nhỏ trong khuôn áo liệm lạnh một màu tang tóc. Tôi chỉ còn đoán được những lời cha dặn dò qua hai giọt nước mắt yếu ớt lăn trên gò má, vì đã hai năm rồi, cha bập bẹ mãi mà có thành câu nào?

“Con hãy cố gắng trở thành một con người. Còn được sống là điều hạnh phúc nhất. Hãy vượt qua tất cả bằng nghị lực của mình.”

Kí ức không lặng lẽ gặm nhấm mà ồn ào phần nộ tấn công tôi từng giờ, từng ngày, từng trang sách, từng đoạn phố... chúng xô đẩy khiến có lúc tôi tưởng sẽ quy ngã vì không chống đỡ nổi.

Mới ngày nào, khi còn là cô bé bảy tuổi, đi công tác hay đi nghỉ bố thường cho tôi bám theo. Không đi được thì bao giờ về, trong túi áo của bố cũng có một vài cái bánh, một vài cái kẹo phần bố không ăn mang dành cho con gái út.

Nhà ở gác ba, mùa lạnh thì quá mát, mùa nóng thì quá ẩm, bố có những sáng kiến thật hay: “Nào cả nhà ra đây- cứ như bố đang chỉ huy trận đánh- thắng Thuần nằm chéo trong cũi, đến cái Hạ, cái Thảo, tôi và mợ nó nằm ở ngoài rìa.” Quen với vô số bất ngờ của bố, chúng tôi răm rắp thi hành. Mợ tôi thì ằm ừ: “Ông định giờ trò gì đây?” nhưng cũng nghe theo và chúng tôi hé mắt theo dõi. Bố lấy cái ghế đầu cao đặt ở góc nhà phía cửa ra vào và đặt cái quạt đề gang 35 đồng lên trên. Bố tôi bảo: “Năm chéo đi như thế này ai cũng được mát vì cả nhà chỉ có một cái quạt, còn tôi dùng quạt nan cho tiện và rèn luyện các khớp tay dẻo dai để còn viết lách...” toàn bộ phiếu mua dầu của nhà bị móc túi mất. Xách cái can về không, bố khổ sở mất mấy hôm và từ sau hôm đó, khi ra công viên tập về là trên tay bố lại có mấy cành củi khô, ít lá khô được buộc gọn ghẽ: “Con đưa cho mợ

...bếp.” Rồi bỏ lại có phát minh mới: “Bà nó chặt cái ghế này ra đun tạm, tôi... ở giường viết được rồi...” Cứ thế, ghế và bàn viết của bố thường xuyên phải... lúc ở trên giường kê một chồng sách làm bàn, lúc ở trên gác thượng viết... bậc cầu thang cuối cùng....

Năm tháng qua đi, chúng tôi dần lớn lên. Anh thứ ba đi bộ đội đã sắp được giải ngũ, chị gái tôi đã vào Lâm Đồng dạy học, còn tôi, bố cũng muốn tôi trở thành cô giáo dạy cấp I. Tốt nghiệp xong, tự tay bố dắt tôi đi vào con đường làng Vĩnh Quỳnh, nơi đầu tiên tôi đứng trên bục giảng, bố nói: “Bố muốn con trưởng thành từ một cô giáo cấp một.”. Lúc ấy, chưa hiểu hết ý nghĩa của việc trở thành một cô giáo sẽ thế nào, nhưng tôi luôn nghe theo nhận xét và gợi ý của bố. Ngày đầu tiên tiếp xúc với lũ học trò lớp ba làng Vĩnh Quỳnh nói ngọng thành thân, thật... vị. Cứ tưởng chúng thưa là: “Em bị hóc.” hóa ra là: “Em khóc.”. Và rồi cái tên cậu học trò đầu lớp thật sự gây kinh hãi cho tôi: Đinh Công Bom! Thật là tên... tuổi, đang bí lời, như chợt nhớ ra điều gì tôi liền nói: “Các em thật sung sướng vì bây giờ không phải học dưới bom đạn như các cô ngày trước.” Làm sao chúng hình dung ra học dưới bom đạn là thế nào. Vâng, bằng tuổi chúng bây giờ, tôi đã phải ngồi im, có lúc nín thở, ôm chặt lấy tâm lưng to như núi (hồi ấy thì đúng như vậy) của bố, chậm chạp từng nhát, bố đạp chiếc xe nam một gióng đèo tôi từ Hà Nội về nơi nhà xuất bản Văn học cha tôi đang công tác, sơ tán ở Đường Lâm với... lính kinh mẫn, muối.

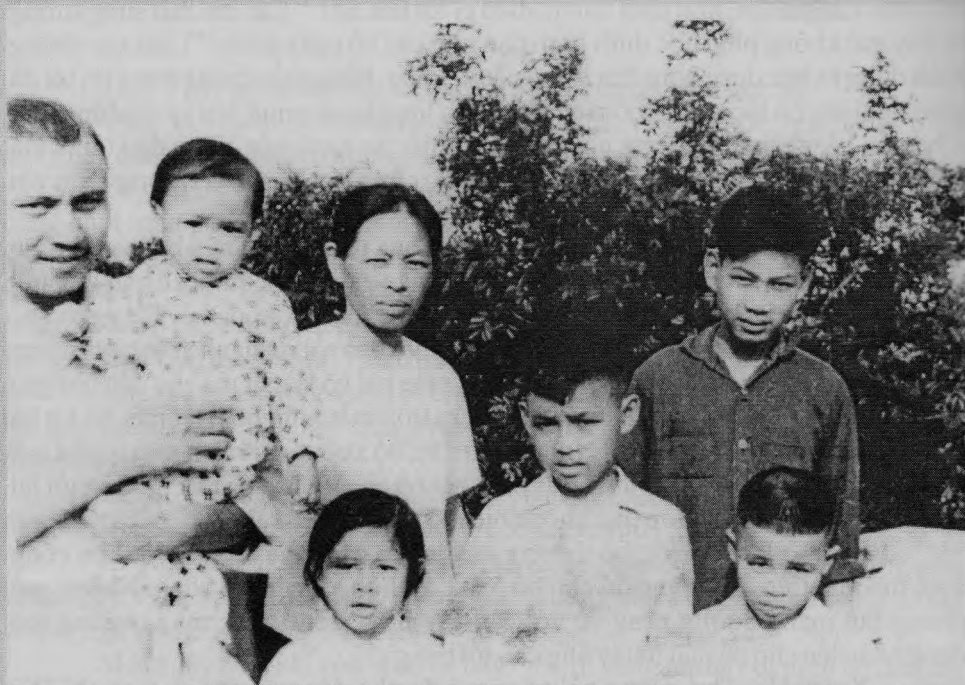
Lần ấy, mãi chập tối, hai bố con mới qua gần chùa Thầy là đoạn đường đông đại có nhiều cướp. Lúc qua cánh đồng vắng vẻ, bố chợt dừng xe bảo tôi ngồi sụp xuống vệ đường và dựa xe ngả dạt vào vạt cây gần đó, khóa lại. Tôi ngơ ngác chưa hiểu chuyện gì thì thấy bố ngó nghiêng một dạo rồi rút đánh xoạt cây gậy tre nhỏ buộc ở gióng xe, khởi động một hồi rồi múa bài võ lạ mắt mà cho đến bây giờ tôi chỉ nhớ là võ Tàu. Vừa xua muỗi, tôi vừa tròn mắt nhìn bố. Hết bài, bố hít hà vài cái rồi lại gần tôi nói khẽ: “Ngồi yên ở đây, bố xuống dưới kia một tý nhé...” Mãi sau này, khi nhắc lại “chuyện ấy”, cả hai bố con tôi lại cười vang. Còn tôi lại nghĩ: “Hôm ấy mà có cướp thật không biết bố xoay sở thế nào!”.

Khi trở lại Hà Nội, bố thường xuyên lên gác múa kiếm. Một khu công viên thu nhỏ trên gác cũng đủ cho bố bao cảm hứng để viết và sống. Những giờ phong lan mang hương rừng về với căn gác nhỏ và dưới kia, mấy chuông thờ đang nháo lên chờ cỏ mật từ tay ông chủ tốt bụng.

Xuân, Hạ, Thu, Đông nói nhau mà đi, cho đến ngày bố đi theo chị Bùi Phương Hạ vào Lâm Đồng và ham muốn viết về ngô lai Mêhicô. Căn bệnh tai biến mạch máu não hành hạ Người suốt hơn một năm trong đó. Tay đã run không viết nổi một dòng thư thẳng thắn cho bác Trần Lê Văn mà chỉ nguệch ngoạc vài dòng. Mắm tôm chưng và rau ngót là bữa ăn thường xuyên của hai bố con. Nhận được tin bố ốm, hai mẹ con tôi lặn lội vào để đón bố ra Hà Nội. Hơn 10 km đường rừng đi bộ đêm không làm tôi sợ hãi, tôi cầm đầu mà đi mong sao chóng gặp bố. Không thể tin ông già râu tóc bạc trắng với đôi mắt mệt mỏi, uể oải, lại còn chiếc mũ lá sồn tua tủa và đôi dép cao su lòng quai chốc lại phải rút lại, chiếc quần ngắn ngang ống chân (để tránh cò may) và chốt lại cuối cùng là cái batoong cũ kĩ bám đầy đất đỏ, một bình toong nước vắt chéo dây qua vai đứng kia: là bố tôi, nhà thơ Quang Dũng mà tôi đã ngẫm ngẫm trở thành độc giả yêu thơ của ông. Trông ông

không khác gì một già làng Kờ Ho(Lâm Đồng). Tôi xúc động chạy lại với bố. Chị Hạ kể cho tôi nghe, đêm xuống, bố hay chống gậy đi ra ngoài lán lang thang. Hôm gần sáng mới trở về. Ngay đêm ấy thôi, hai chị em tôi thoáng cái không thấy bố, bố nhào đi tìm. Đã có kinh nghiệm của bố, tôi thủ một cái gậy nhỏ vào ống tay áo còn chị Hạ cầm một mũi dao nhỏ trong tay. Hai chị em đi dọc mãi ra bìa rừng mới thấy bố nằm sóng soài ở lưng dốc Bà Mão, hôm qua trời mưa, đường trơn như bôi mỡ, bố quen chân đi và ngã không tự dậy được nữa.

Chuyến tàu đi nhanh ra Hà Nội. Ngồi trên tàu, bố không quên mang theo một mũ lá đựng đầy bắp ngô lai to bằng bắp tay và vắn ao ước viết xong bài về giống ngô lai này.



Đêm mùa thu định mệnh ấy đã đến. Sau 4 năm vật vã trên giường bệnh, bố đã ra đi mãi mãi khi tôi chợt hiểu về bố hơn lúc nào. Giờ đây mỗi lần nhớ về bố Quang Dũng, tôi vẫn ở trong một tâm trạng đợi chờ....Tiếng xe đạp lách cách, quen thuộc dưới cầu thang và bố tươi cười xuất hiện ở ngưỡng cửa, rút từ túi áo một chú thỏ trắng muốt với đôi mắt như hai viên hồng ngọc lấp lánh....

“Bố ơi, con mong mãi mà chưa nhận được món quà cổ tích của bố. Dầu vậy, con vẫn chờ và biết đâu, vô thức, con đang đặt bước chân đầu tiên lên con đường bố đã đi...”

THÂN TRỌNG SƠN

JACQUES PRÉVERT

Nhà thơ của tự do
(1900 – 1977)



Phải nói gì đây để giới thiệu JACQUES PRÉVERT?

Một tác giả chuyên viết kịch bản và đối thoại cho phim ảnh ý Một nhà văn viết truyện thiếu nhi ý Một kịch tác gia sáng tác và phóng tác nhiều vở kịch cho Nhóm Kịch Tháng Mười ý Một người yêu hội họa, bạn thân của các danh họa Braque, Picasso, Max Ernst... , tự minh họa nhiều sách của mình, từng sáng tác và triển lãm tranh cắt dán ? Một nhà thơ lúc nhỏ chỉ ngồi trên ghế nhà trường đến 15 tuổi mà về sau có tác phẩm được đưa vào sách giáo khoa làm tài liệu học tập cho bao nhiêu thế hệ người học tiếng Pháp ý Một tác giả ca từ của hàng chục bản nhạc được những giọng ca hàng đầu của làng âm nhạc Pháp giới thiệu từ nửa thế kỷ nay và được người yêu nhạc khắp nơi trên thế giới thuộc nằm lòng, kẻ cả qua các bản dịch ?

Chân dung của JACQUES PRÉVERT đã được khắc họa qua những lĩnh vực đa dạng và phong phú như thế. Sinh ra cùng với thế kỷ XX và sống đến 3/4 thế kỷ này, JACQUES PRÉVERT đã để lại cho đời những dấu vết sâu đậm. Năm 1992, mười lăm năm sau khi Ông qua đời, toàn bộ tác phẩm của Ông đã được in trong Tủ sách Pléiade, một tủ sách “sang trọng” dành cho những tác giả mà tài năng và danh tiếng đã được thừa nhận. Tập thơ Paroles (Lời nói) xuất bản lần đầu vào tháng 5 năm 1946, chỉ một tuần sau đã in thêm 5000 bản, đến nay vẫn còn tái bản và tính ra đã có hơn hai triệu bản in. Khắp nơi trên đất Pháp hiện nay có hàng trăm trường học mang tên Ông, chỉ tính riêng trường trung học (collège / lycée) có đến 309 trường.

Ngay từ năm 1925, Ông đã đồng hành cùng nhóm Siêu thực, cùng sáng tác và sinh hoạt với các nghệ sĩ của nhóm này như Raymond Queneau, Yves Tanguy, Marcel Duhamel, Louis Aragon và tất nhiên cả André Breton ; nhưng chẳng bao lâu, với bản tính thích độc lập và tự do sáng tạo, Ông đã sớm tách rời trường phái Siêu thực, tách rời mọi ràng buộc phái nhóm.

Trong thời gian từ 1932 đến 1936, Ông tham gia nhóm kịch Tháng Mười, viết nhiều vở kịch có nội dung khuynh tả, bênh vực những người bị áp bức, bóc lột. Nhóm thường trình diễn trong các khu lao động , các nhà máy, cửa hàng, đã từng sang Nga biểu diễn năm 1933. Năm 1950, Ông đã từng lên tiếng ủng hộ

Henri Martin, người lính hải quân (sau này là lãnh tụ của Đảng Cộng sản Pháp) đứng ra rải truyền đơn kêu gọi nhân dân Pháp chống lại cuộc chiến tranh của Pháp tại Đông Dương. Thế nhưng, khác với Aragon, Ông không hề gia nhập đảng Cộng sản.

Đồng thời với việc viết kịch bản và đối thoại phim – khiến tên tuổi Ông gắn liền với tên tuổi của đạo diễn nổi tiếng Marcel Carné và các diễn viên lừng lẫy như Jean Gabin, Michèle Morgan – JACQUES PRÉVERT làm thơ khá sớm.

Suốt thời gian từ 1929 đến 1945, thơ của Ông xuất hiện rải rác trong các tạp chí hoặc dưới dạng bản đánh máy. Mãi đến năm 1946, một người bạn thân của Ông là René Bertelé, phụ trách nhà xuất bản Le Point du Jour, mới tập hợp lại và cho ra mắt người đọc, lấy nhan đề là Paroles, mở đầu cho một loạt tác phẩm đều đặn xuất hiện sau đó : Histoires (1946), Spectacles (1951), Grand bal du printemps (1951), Charms de Londres (1951), L'opéra de la lune (1953), La pluie et le beau temps (1955), Lumière d'homme (1955), Fatras (1966), Imaginaires (1972), Choses et autres (1972), Hebdomadaires (1972) và, sau khi Ông mất, Soleil de nuit (1980), La cinquième saison (1984).

Ngay từ các tập đầu tiên, thơ JACQUES PRÉVERT đã chinh phục người đọc mọi lứa tuổi bằng một thứ ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu. Ông không coi trọng cú pháp, vần luật, diễn đạt nhẹ nhàng, hồn nhiên, có khi như là văn nói. Cái nhan đề PAROLES (Lời nói) cũng phần nào hàm chứa ý đó. Mà nhìn kỹ một chút thì PAROLES chính là anagramme (sắp xếp, đảo lộn thứ tự các chữ cái) của LA PROSE (văn xuôi) đó thôi. Cái xu hướng tự do của Ông trước hết thể hiện ở chỗ trong cùng một tác phẩm, Ông đưa vào đủ loại thơ : thơ có vần, thơ tự do, thơ kể chuyện, trữ tình, công kích, có bài như một tiểu phẩm (saynète), có những bài rất ngắn (3 câu, 4 câu), có bài dài trên 30 trang (La crosse en l'air / Gậy quyền chi lên trời). Bài “ Les paris stupides / Những cuộc đánh cá xuân ngốc) chỉ vồn vện thế này :

Un certain Blaise Pascal

Etc..etc..

Một ông Blaise Pascal nào đó

v.v...v.v...

(Ý nghĩa bài này thế nào ? Chưa thấy ai « giải mã »).

Ông thoải mái sử dụng đủ mọi hình thức chơi chữ (jeux de mots) : điệp âm, đồng âm, lặp lại, nói lái, đảo ngược ... Ông đặt tên cho một tác phẩm của mình là HEBDOMADAIRES. Đó là một valise tức là một từ mới được tạo ra bằng cách ghép một/ vài âm tiết của một từ với một/ vài âm tiết của từ khác (hebdomadaire + dromadaire). Tương tự như thế Ông viết un alcolonel (alcool+colonel) ... Ông chơi chữ với hình thức đồng âm (homonymie) : De deux choses lune / l'autre c'est le soleil. (l'une – l'autre và lune.) Cũng là đồng âm nhưng ví dụ sau đây thật là bất ngờ :

Les conquérants : Terre ... Horizon . Terrorisons.

Còn học trò Hamlet (trong bài L'accent grave) khi chia động từ « être » đã nói

Je suis ou je ne suis pas rồi tiếp : Je suis « ou » je ne suis pas

và kết luận : Être « ou » ne pas être / C'est peut-être aussi la question.

thì chỉ với một cái dấu accent grave, không chỉ thầy giáo mà cả Shakespeare cũng phải ngạc nhiên.

Bài CHANT SONG trong tập Spectacles không thể nào dịch được vì đây là kiểu chơi chữ đậm phong cách PRÉVERT :

Moon lune
chant song
rivière river
garden rêveur
petite house
little maison

Một vài câu trích dẫn (citations) Ông đưa ra cũng rất thú vị :

« Người phụ nữ là một tư tưởng, mạnh mẽ nhất của tạo hóa, nhưng là một tư tưởng hay nhảy nhót. » (La femme est une pensée, la plus forte de la nature, mais c'est une pensée dansante).

(Ta không quên câu của Pascal : « Con người là một cây sậy, yếu đuối nhất của thiên nhiên, nhưng là một cây sậy biết suy tư. » (« L'homme est un roseau, le plus faible de la nature, mais c'est un roseau pensant. »)

« Nếu lời nói là bạc và im lặng là vàng thì tiếng kêu của con tim là một hạt kim cương muôn màu muôn sắc. » (Si la parole était d'argent et le silence d'or, le cri du cœur serait alors un diamant multicolore.)

« Khi sự thật không được tự do thì tự do không thật : những sự thật của cảnh sát là những sự thật của hôm nay. » (Quand la vérité n'est pas libre la liberté n'est pas vraie : les vérités de la police sont les vérités d'aujourd'hui.)

« Có lẽ phải cố gắng hạnh phúc dầu chỉ là để làm gương » (Il faut essayer d'être heureux, ne serait-ce que pour donner l'exemple. »

Một đặc trưng khác của ngôn ngữ PRÉVERT là việc dùng hàng loạt danh từ, tính từ liên tiếp nhau, tiêu biểu là bài Inventaire/ Liệt kê :

Một viên đá
Hai ngôi nhà
Ba phê tích
Bốn phu đào huyệt
Một khu vườn
Những bông hoa

Người đọc tưởng như đây chỉ là những liên tưởng ngẫu hứng, không có một trật tự, một ý tưởng nào. Nhưng đọc xuống đoạn sau :

Một ông đeo bẫy bắt đầu bội tình.

đi liền sau câu

Một cánh cửa với tám thềm chùi chân

hoặc

Một vị giáo sĩ một cái mụn nhọt...

thì chắc chắn không phải là ngẫu hứng nữa rồi.

Thế đó, JACQUES PRÉVERT viết như một nhà ảo thuật của ngôn từ nhưng điều này không có nghĩa là thơ Ông dễ dãi, hời hợt. Là người sớm vào đời lao động kiếm sống, Ông tỏ ra đồng cảm với những cảnh đời khốn khó, chia sẻ với những thân phận bị áp bức, bóc lột. Ông lớn tiếng chống lại những thế lực tước đi

tự do và hạnh phúc của con người, và, ở đây, không có đề tài nào là cấm kỵ (tabou) đối với Ông.

Cho dù đó là tôn giáo :

*Lạy Cha chúng tôi ở trên trời
Xin Người cứ ở đó
Còn chúng tôi, chúng tôi cứ ở dưới đất
Trái đất đôi khi rất xinh đẹp...*

(Pater Noster)

Cho dù đó là vương quyền :

*Louis XIV mà người ta còn gọi là Vua Mặt trời
Thường hay ngồi trên chiếc ghế thủng
Vào khoảng cuối triều đại mình
Một đêm trời tối đen
Vua Mặt trời bước ra khỏi giường
Đến ngồi trên chiếc ghế
Và mất hút.*

(L'éclipse)

Ngược lại, Ông luôn ca ngợi tình yêu, thương yêu trẻ em, quan tâm đến thú vật – đây là những chủ đề quen thuộc trong thơ JACQUES PRÉVERT.

Ông luôn nhắc đến thú vật trong thơ của mình, đặc biệt là loài chim. Chỉ riêng trong tập Paroles chim đã hiện diện trong hơn hai mươi bài. Chim có thể chịu một số phận bi thảm, chim bị mèo vồ ăn mất một nửa rồi được cả làng tổ chức cho một đám tang thật to (Le chat et l'oiseau / Mèo và chim), chim chết cả hàng ngàn con khi bay về từ hải đảo vì lóa mắt trước ánh sáng ngọn hải đăng nên va đập vào nhau (Le gardien de phare aime trop les oiseaux / Người gác hải đăng quá yêu chim). Nhưng chim bao giờ cũng là biểu tượng của tự do : Vẽ chim thì trước hết phải vẽ cái lồng với cánh cửa để mở, rồi khi chim tự bay vào lồng rồi thì hãy tháo gỡ dần từng chiếc chấn song, có thể chim mới cất tiếng hót (Pour faire le portrait d'un oiseau / Đề vẽ chân dung một con chim). Chim phải được thoải mái bay chuyênh từ cảnh này sang cảnh khác (Le désespoir est assis sur un banc / Tuyệt vọng ngồi trên chiếc ghế băng).

Càng yêu thương loài vật, Ông càng dành nhiều tình cảm cho tuổi thơ. Trẻ em không thể mãi là cậu học trò nhỏ cứ phải đứng trước lớp đề cho « người ta hỏi nó / đủ mọi thứ vấn đề ». Trẻ em phải được quyền nói có với những gì mà nó thích, phải được lấy phần đủ màu / trên tấm bảng thương đau / vẽ khuôn mặt hạnh phúc. (Le cancre / Học trò lười). Trẻ em không thể mãi bị tra tấn bởi những bài học nhảm chán hai với hai là bốn, bốn với bốn là tám ...khi mà từ bên ngoài lớp học tiếng chim hót vọng đến. Trẻ em phải được hát được chơi với chim đề cho « tám với tám bỏ đi / và bốn với bốn và hai với hai / cũng lần lượt chuẩn theo... » và lúc đó thì :

*... các bức tường lớp học
yên lặng sụp đổ
rời cửa kính trở lại thành cát
mực viết trở lại thành nước*

*bàn học trở lại thành cây
phấn viết trở lại thành vách đá
cán bút trở lại thành chim.*

và trẻ em trở lại với khung trời mơ mộng của lứa tuổi thần tiên. (Page d'écriture / Trang viết).

Đối với JACQUES PRÉVERT, tình yêu rất cần cho cuộc sống, yêu là sống và sống là yêu :

*Chúng ta yêu nhau và chúng ta đang sống
Chúng ta đang sống và chúng ta yêu nhau
Và chúng ta không biết cuộc đời là gì đâu
Và chúng ta không biết hôm nay là ngày mấy
Và chúng ta không biết tình yêu nó ra sao.*

(Chanson / Bài ca)

Đó là tình cảm nhẹ nhàng tinh khiết của những đứa trẻ ôm hôn nhau «trong ánh sáng chói lòa của mỗi tình đầu tiên » (Les enfants qui s'aiment / Những đứa trẻ yêu nhau), tình yêu của đôi trai gái cùng mới mười lăm tuổi phải « ăn gian » cộng tuổi cả hai để nói chúng ta đã ba mươi tuổi rồi chúng ta đã có quyền yêu nhau. (Embrasse-moi / Hãy ôm hôn em). Thơ tình của JACQUES PRÉVERT bao giờ cũng mượt mà trau chuốt, kể cả những bài rất ngắn. ALICANTE chẳng hạn. (Alicante là tên một thành phố hải cảng của Tây Ban Nha, cũng là tên một thứ rượu vang nổi tiếng sản xuất ở đây.) Có thể nói Jacques Prévert đã vận dụng sở trường về hội họa và kịch nghệ trong bài này. Bài thơ mở đầu với hình ảnh một bức tranh tĩnh vật :

(1) Một trái cam trên bàn

(2) Áo em trên tấm thảm

Điều thú vị là tác giả đã chuyển hình ảnh này sang đoạn sau bằng sự nhắc lại mà không trùng lặp ở hai câu 4 và 5 :

(4) Tặng phẩm ngọt ngào của hiện tại

(5) Khí mát của đêm thanh

Đến câu thứ ba (được nhắc lại ở câu thứ 6) không gian tĩnh đã nhường chỗ thế giới động với sự xuất hiện của nhân vật :

(3) Và em trên giường anh

.....

(6) Hơi ấm của đời anh.

Và như thế tranh vẽ đã chuyển thành màn kịch ngắn với ngôn ngữ không lời, bộ cục độc đáo của bài thơ mở ra nhiều hướng cho người đọc tự cảm nhận.

BARBARA là một kiểu thơ tình khác. Đây là một cuộc tình bi tráng trong chiến tranh. Cô gái “ tươi cười hân hoan rạng rỡ “ vừa mới choáng ngợp trong tình yêu chạy dưới mưa “ ngã vào trong vòng tay “ chàng trai đã sớm đối diện với “ cuộc chiến tranh xuân ngọc “. Cả hai phải chia tay trong bối cảnh thành phố Brest bị dội bom khốc liệt đến mức tất cả đều bị hủy diệt :

Xa, xa hẳn Brest

Thành phố không còn chút dấu vết.

Câu kết của bài dịch như trên không diễn được cái âm thanh khô khốc, lạnh lùng, bi thương của từ RIEN trong nguyên tác.

Thơ của JACQUES PRÉVERT còn được chấp cánh bay xa khi chuyển thành nhạc. Bài thơ đầu tiên được phổ nhạc là bài *Les animaux ont des ennuis*, phần nhạc do một người bạn gái thuở thiếu thời của Ông là Christiane Verger viết từ năm 1928. Về sau, rất nhiều tác giả khác đã sáng tác nhiều ca khúc bắt hủ từ thơ của Ông, ngoài Joseph KOSMA (1905-1969) được nhiều người biết còn có thể kể Louis Bessières, Hanns Eisler, Wal-Berg, Georges Auric, Jo Warfield, Henri Crolla, Sebastien Mấy chục năm nay những bài này đã được nhiều thể hệ ca sĩ trình bày như Agnès Capri, Marianne Oswald, Germaine Montero, Fabien Loris, nổi tiếng hơn là Juliette Gréco, Yves Montand, Mouloudji, les frères Jacques, Edith Piaf và hiện nay còn có Jean Guidoni, Catherine Ribeiro, Djemel Charif. Bài *LES FEUILLES MORTES* ra đời từ 1945, đến nay vẫn còn nhiều người thích hát hoặc thích nghe.

JACQUES PRÉVERT đã đi qua thời đại đầy biến động của Ông với một thái độ tỉnh táo, không gò mình trong khuôn phép của trường phái nghệ thuật, không để bị ràng buộc bởi xu hướng chính trị, tự khẳng định mình qua nhiều hình thức biểu hiện và nổi trội hơn cả vẫn là thơ vì với Ông “Thơ ca có mặt ở khắp nơi cũng như Thượng đế chẳng có ở đâu cả. Thơ ca là một trong những biệt danh xác thực nhất, hữu dụng nhất của cuộc đời” (*La poésie est partout comme Dieu n'est nulle part. La poésie, c'est un des plus vrais, un des plus utiles surnoms de la vie*). Thế giới thơ của JACQUES PRÉVERT, cũng như chính con người JACQUES PRÉVERT, bao giờ cũng tự do, tự do như khí trời, tự do như mây gió, tự do như hoa cỏ trong ĐỒNG XANH (*pré vert*).



JACQUES PRÉVERT

Ảnh: Internet





PARIS VỀ ĐÊM

*Ba que diêm đốt lên trong đêm từng que một
Que thứ nhất để nhìn em rõ mặt
Que thứ hai để anh nhìn đôi mắt
Que cuối cùng để nhìn thấy môi em
Và bóng tối mịt mù để anh nhớ kỹ những thứ này
Khi ôm siết em trong vòng tay.*



Ảnh: Internet

NHỮNG NGƯỜI TÌNH BỊ PHỤ RÃY

*Anh từng có một cây đèn
Và em, em là ánh sáng.
Tìm đèn, ai đã đem bán ?*

BỘ MẶT DỊU HIỀN VÀ NGUY HIỂM CỦA *Tình yêu*

Bộ mặt dịu hiền và nguy hiểm
của tình yêu
đã hiện ra với em
một buổi chiều
sau một ngày dài đằng đẳng
Có lẽ đấy là một xạ thủ
với cây cung của chàng
hoặc là một nhạc công
cùng với chiếc thụ cầm.
Em không biết nữa
Em không biết gì hết
Điều mà em biết
là chàng đã làm em bị thương
Có lẽ bằng một mũi tên
Có lẽ bằng một bài hát
Điều mà em biết
là chàng đã làm em bị thương
bị thương ở tim rồi
và đời đời
Nóng như đốt như thiêu
vết thương của tình yêu.

Jacques Prévert

Ảnh: Internet

BARBARA

Barbara hỡi, em hãy nhớ
Cơn mưa dầm trên thành phố Brest ngày xưa
Em bước đi sũng ướt
dưới mưa
Cười tươi tắn hân hoan rạng rỡ
Barbara hỡi, em hãy nhớ
Hôm trên thành phố Brest mưa triền miên
Ta gặp em ngoài phố đường Xiêm
Em nở nụ cười rạng rỡ
Và ta cũng rạng rỡ nụ cười
Barbara hỡi, em hãy nhớ
Em với ta chưa từng gặp gỡ
Em với ta chẳng hề quen nhau
Em hãy nhớ
Ngày xưa ấy dấu sao
Em hãy nhớ, đừng quên.

Có chàng trai trú trước cổng nhà
Réo gọi tên em
Barbara
Em chạy đến dưới làn mưa xối xả
Mình đắm ướt vui tươi hơn hờ
Và em ngã vào tay chàng
Chuyện này, Barbara hỡi, em hãy nhớ
Và đừng phiền lòng khi ta dịu dàng xưng gọi anh – em
Với người ta yêu, ta luôn nói tiếng ngọt mềm
Dẫu chỉ mới một lần gặp gỡ
Và ta thân thiết với mọi kẻ yêu nhau
Dẫu ta với họ đã quen biết gì đâu.

Barbara hỡi, hãy nhớ
Em đừng quên
Cơn mưa ngoan hiền hạnh phúc đó
Trên khuôn mặt em hân hoan
Trên thành phố bình an
Cơn mưa trên mặt biển
Trên xương tàu
Trên con tàu ven đảo Ouessant.

Hỡi Barbara
Cuộc chiến tranh xuân ngốc xiết bao
Còn em giờ đã ra sao
Dưới trận mưa lửa thép
Dưới trận mưa máu trào
Và người từng siết chặt em trong tay
Tha thiết ngày nào
Hiện sống còn đã mất hay biến biệt âm hao
Hỡi Barbara.

Brest hôm nay trời vẫn mưa triền miên trên phố
Như cơn mưa dầm thuở đó
Nhưng chẳng giống ngày xưa , nay sụp đổ cả rồi
Mưa bây giờ tang thương áo nảo
Đâu còn là cơn mưa giông bão
Mưa sắt thép máu đào
Mà chỉ là mây tự trời cao
Mây lụi tàn
Như những con chó mất dạng
Dưới làn nước trong thành phố Brest
Rồi giục chết ở nơi xa
Xa, xa hẳn Brest
Thành phố chẳng còn lại chút dấu vết.

Barbara hỡi, hãy nhớ
 Em đừng quên
 Cơn mưa ngoan hiền hạnh phúc đó
 Trên khuôn mặt em hân hoan
 Trên thành phố bình an
 Cơn mưa trên mặt biển
 Trên xưởng tàu
 Trên con tàu ven đảo Ouessant.

Hỡi Barbara
 Cuộc chiến tranh xuân ngốc xiết bao
 Còn em giờ đã ra sao
 Dưới trận mưa lửa thép
 Dưới trận mưa máu trào
 Và người từng siết chặt em trong tay
 Tha thiết ngày nào
 Hiện sống còn đã mất hay biến biệt âm hao
 Hỡi Barbara.

Brest hôm nay trời vẫn mưa triền miên trên phố
 Như cơn mưa dầm thuở đó
 Nhưng chẳng giống ngày xưa , nay sụp đổ cả rồi
 Mưa bây giờ tang thương áo nảo
 Đâu còn là cơn mưa giông bão
 Mưa sắt thép máu đào
 Mà chỉ là mây tự trời cao
 Mây lụi tàn
 Như những con chó mất dạng
 Dưới làn nước trong thành phố Brest
 Rồi giụi chết ở nơi xa
 Xa, xa hẳn Brest
 Thành phố chẳng còn lại chút dấu vết.

TRƯƠNG XUÂN HUY

YÊU MÃI TRONG ĐỜI

Cũng muốn về chơi Huế của anh
Cố đô thăm lại, nhật ân tình
Ngặt vì túi hẹp, đường hun hút
Thơ bỗng khô dòng, chỉ quần quanh
Bút mực vẫn thương trời Vỹ Dạ
Tâm tư còn vọng đất kinh thành
Cho tôi gửi thực vào trong mộng
Yêu mãi trong đời những bức tranh

T.X.H



T HIÊNG LIÊNG ẾT TRƯỜNG SA

Từ Sinh Tồn, hải trình thuộc tuyến giữa của chúng tôi lần lượt cập các đảo Côlin – Len Dao – Sinh Tồn Đông – Tiên Nữ – Núi Le A và B – Phan Vinh A và B – Tốc Tan A – B – C, sau cùng là Nam Yết. Một chuyến đi gần trọn tháng trời nhưng đúng là chuyến đi nhớ đời, bởi lẽ tàu ra khơi giữa muôn trùng sóng gió lại ngay đúng dịp cận Tết cổ truyền...

Tết dân tộc bao giờ cũng ấp đầy phong vị mặn mòi riêng nhưng được đón Tết sớm cùng quân và dân quần đảo Trường Sa quả là một kỷ niệm không quên. Ở giữa muôn trùng sóng vỗ dập dềnh là hình ảnh của những cây bàng vuông nở hoa trắng hồn, là những hàng phong ba sừng sững thân hình cháy sém bởi vết tích còn để lại của những trận cuồng phong bão lốc. Bầy trẻ nhỏ trên đảo Sinh Tồn vẫn thung thăng chạy nhảy hát ca, bên cạnh lớp học xinh xắn chỉ có dăm ba bóng thầy và trò. Sau bữa cơm trưa, chưa tới đầu giờ chiều, không khí rục rịch nhộn nhịp đón mừng xuân mới đã lan khắp cả đảo... Các bà các chị cùng cánh lính hậu cần xúm xít bên mớ dây lạt, gạo nếp tẻ, lá gói, thịt mỡ. Một góc khác, vài ba em nhỏ đang nhảy dây chơi đùa trong những bộ quần áo tinh tươm nhất. Cạnh cột mốc chủ quyền hay trên bàn thờ Tổ Quốc, mấy cậu lính trẻ đang cài đặt lại mấy đóa mai vàng – mai đào tươi thắm. Trên loa phóng thanh đang phát đi lịch sinh hoạt của các đơn vị trong ngày và của toàn đảo vào đêm nay tại hội trường lớn của đảo. Ngoài bến nước hay ngay cầu cảng – hàng quà gửi ra từ đất liền lần lượt được chuyển lên theo những cánh tay chuyên: quà ăn Tết, heo quế, gà vịt, mấy chú cún nhỏ, những thùng hàng của Bộ tư lệnh Hải quân – Quân chủng Hải quân – Hội LHPN Tp Hồ Chí Minh... Có cả mấy chậu quất hay cành đào nguyên gốc được bó buộc rất kỹ lưỡng nữa. Cánh nhà bếp mải miết quăng chài mấy mẻ cá, hải sản tươi rói để

góp vào tiệc vui chung đêm nay. Trong ánh nắng chiều vàng rực in soi trên mặt cát, các toán công binh tiếp tục hoàn thiện nốt công trình dân sự mới để nay mai điện gió – điện mặt trời sẽ chính thức thấp sáng cho cả vùng đảo. Trên vọng gác nhỏ hay ở các vị trí tuần tra, màu áo trắng của lính đảo xen lẫn màu áo xanh của mấy anh dân quân tự vệ... Tiếng sóng vỗ ngọam bờ vẫn vắng vắng ở chung quanh cứ như một điệp khúc hay điệu ru yên bình. Tất cả như cùng rộn lên một hợp âm đầy sinh sắc.

Đêm trên đảo Sinh Tồn thật nhiều cảm xúc. Lính già lính trẻ, lính mới lính cũ cùng đoàn dân quân - nhà báo quần tụ lại trong đêm liên hoan văn nghệ đón mừng xuân mới. Khói hương, mâm ngũ quả, hoa trái thấp lên bên những lời chào mời chúc tụng xôn xao cùng giọng hát tiếng ca kéo dài mãi tới gần nửa đêm mà như chưa muốn dứt. Chị Thu (người có bà con đang sinh sống tại Đà Lạt), chị Kim Anh cùng mấy cháu nhỏ chạy lên sân khấu vừa hát vừa vỗ tay trong sự cổ động reo hò của cả hội trường khiến cánh nhà báo buộc phải đáp tạ bằng một bài ca quen thuộc của Trịnh Công Sơn. *“Rừng núi đang tay nối lại biển xa, ta đi vòng tay lớn mãi để nối sơn hà...”*. Mới hát được vài câu thì cả tổp đã chực im bật vì quên mất lời – không có cách nào khác tôi buộc phải tiếp tục hát to lên... Kể từ lần đó, anh em trong đoàn công tác và đoàn nhà báo bắt tôi phải làm nhiệm vụ hát phục vụ bộ đội chỉ vì cái tội... “ai bảo giấu nghề”... Đêm Trường Sa mãi vọng về tiếng âm ào sóng vỗ giữa nền trời vắng vạc ánh trăng sao huyền diệu...

Mấy ngày sau, tàu lại lướt sóng ra khơi xa. Trời bất ngờ chuyển giông và đầy gió nổi. Chuyện lên xuống tàu, cập xuống nhỏ vào các điểm đảo chìm đảo nổi thật không hề đơn giản. Nhưng chuyện nhớ nhất ở Trường Sa vẫn là cảnh đón đợi, tiễn đưa người đến kẻ đi ngay trên cầu cảng. Những ánh mắt rộn rã niềm vui, mừng mừng tủi tủi khi gặp lại đồng đội cũ hay khi đón nhận trên tay cánh thư hoặc món quà ấm áp tình nghĩa thân thương của đất liền gửi đến; những cái bắt tay ôm ghì mừng rỡ trong phút hội ngộ cho đến những bữa cơm quây quần đầm ấm và cả những giờ ngồi hát ca bên máy karaoke hoặc chỉ hát khan cùng nhau cho đỡ nhớ nhà, nhớ người thân... Tiếng đọc thư của mấy anh lính hòa lẫn trong tiếng vọng rì rầm của sóng biển cuộn vào bờ... Rồi cũng những ánh mắt ấy lúc tiễn đưa sao lại nặng nề, luyến lưu cùng hàng hàng cánh tay đứng vẫy gọi mãi ở trên bờ. Ở tuyến giữa của quần đảo Trường Sa, tôi gặp rất nhiều người lính đã mấy xuân chưa về ăn Tết. Bất cứ điểm đến nào đoàn cũng tổ chức đón Tết sớm cho bộ đội cùng vui, dăm ba thủ tục đầu xuân vẫn không được thiếu: bánh mứt, lọ hoa, chai rượu khai vị, các vật dụng trang trí cành mai hay phòng ốc... kèm theo những sản vật của biển khơi do anh em đã chuẩn bị dành dụm từ trước. Những lời chúc vang lên, chẳng có gì hoa mỹ

bay bổng mà lại rất lạnh, rất thực – tất cả đều dôi về phía đất liền thiêng liêng bằng sự tin yêu và sẵn sàng... Chúng tôi may mắn được cử đi chúc Tết ở vài tàu trực chốt và nhiều điểm đảo chìm nằm xa tàu công tác. Ở đâu cũng bắt gặp nụ cười thân thiện, chân tình của những người lính hải quân. Họ sống ngăn nắp, chỉnh chu và rất tình cảm, sẵn sàng nhường nhịn từng miếng ăn chỗ ở cho khách, bất chấp sóng gió hiểm nguy trập trùng đang rình rập chung quanh để lao ra các mép nước sâu, kịp thời cấp cứu cho bà con ngư dân đánh bắt xa bờ gặp nạn... Ở Trường Sa gần một tháng trời, đầu óc không phải vướng bận gì tới chuyện sắm sửa, tiền nong, danh lợi... mà chỉ thấy chỉ nghe chuyện tình chuyện nghĩa. Đứng trước biển, đối diện với muôn ngàn con sóng dữ dập dồn cuốn tới, điều mà người ta nghĩ đến chính là tinh thần tương trợ, tinh đồng đội, tất cả vì nghĩa vụ, vì cái chung cao cả thiêng liêng hơn bản thân cái tôi quá nhỏ bé của riêng mình.

Nhớ hoài chuyện tổ chức Lễ truy điệu anh hùng liệt sỹ hy sinh trên cụm đảo Côlin – Len Đao – Gạc Ma, nội chuyện chằng buộc và thả vòng hoa xuống mặt nước an toàn đã là một thử thách lớn bởi sóng dôi dữ dội, bất chấp cảnh mưa gió sa sầm vây kín xung quanh điểm neo – đoàn người vẫn bông súng, quân phục chỉnh tề, hương đèn nghi ngút vẫn cứ thấp lên trong lời truy điệu hùng hồn vang vọng. Nhớ cả lần tình cờ gặp được mấy ngư dân của đảo Lý Sơn – Quảng Ngãi bị nạn, chèo thúng vào đảo Len Đao nhờ hỗ trợ, hơn một tuần sau đó đoàn đại diện của hải quân Vùng D lại gặp lại họ trên biển Đông, cầm trong tay thùng quà Tết do các anh trao tặng, giọng anh tàu trưởng cứ nghẹn cứng với dòng nước mắt chực trào ra... Ăn Tết với dân, với bộ đội Trường Sa, được lắng nghe những câu chuyện đời của họ đối với chúng tôi đã trở thành một phận sự. Tết muộn nơi đất liền làm sao so bì được với cái Tết sớm ở nơi trùng khơi xa thẳm này... Đèn Trường Sa, hiểu thêm, tự hào thêm về sự rộng dài thiêng liêng của truyền thống quyết tâm bảo vệ vững chắc chủ quyền của các thế hệ cha anh và cứ thấy mình đang mắc nợ, đang cần phải chung tay tiếp nối một cái gì đó cụ thể, rõ ràng hơn... Những kiến thức âm nhạc, về dân ca các vùng miền, nhất là các bài hát truyền thống đã giúp tôi rất nhiều trong suốt hải trình nối dài tình ân nghĩa này với anh em lính đảo Trường Sa.

Ở đảo Phan Vinh A, trước giờ hành quân sang điểm B, hôm ấy trời chuyển giông nên tàu phải tranh thủ đi sớm sau giờ ăn trưa. Mấy chú lính trẻ tuổi đôi mươi tụm lại yêu cầu tôi phải hát giã biệt. Hò kéo lưới, Lý miên Trung, Giận mà thương... cho tới mấy câu ca trù hay hát về Hà Nội lần lượt được cất lên. Tôi hỏi: “Nếu mai mốt vào bờ, có điều kiện gửi quà, tui em thích thứ gì?”. Những câu trả lời cũng thật thà và tự nhiên:

- Dạ, phim hoạt hình hay hài hước.
- Cháu thích truyện tranh Đôrêmon.
- Em chỉ muốn nhiều báo ảnh có hình phụ nữ.

- Dạ, còn cháu á hả? Cháu chỉ mong có mẹ cháu ra đây thăm và cho cháu được ôm một cái thật lâu thôi!...

Khỏanh khắc lặng im không diễn tả thành lời bởi chẳng ai thốt nổi tiếp một lời nào... Ở Trường Sa cũng thường bắt gặp những khoảnh khắc lặng im, những phút trầm mặc bất ngờ và thường tình như thế. Ngày cuối cùng trên tàu Trường Sa 14, chúng tôi quyết định thâm nhập cuộc sống của những người trực máy, nấu bếp, lái tàu... Khi hỏi chuyện Hoan – người Nghệ An – anh nói: “Mười cái Tết rồi em không ăn Tết ở nhà, Tết này chắc chắn là về. Em chỉ có một điều mong ước lớn nhất, về nhà chờ vợ trên Honda đi sắm một cảnh đào ở chợ, thế thôi...”. Lại một khoảnh khắc lặng im đến nghẹn lời, thế đấy, ước vọng của người lính nào có gì cao xa hay to tát đâu, nhất là trong những giờ Xuân về Tết đến rất gần.

Đêm giao thừa, sau công việc ở Đài tôi trở về hơi muộn, dọn dẹp qua loa rồi thấp hương cúng kiếng sau đó vùi đầu vào chăn mệt lử. Vừa mới chợp mắt, điện thoại đã réo vang. Giọng một anh lính ở đảo Tốc tan C vang lên:

“Chào bác, em là “Chiến sĩ rau” mà bác đặt tên đây ạ! (ở cụm đảo chìm này, rau xanh trồng rất xanh và sáng tạo nên tôi đã gọi đùa một anh không biết tên là ... chiến sĩ rau). Đề nghị bác hát tặng chúng em một bài để chúng em thu lại cho đỡ nhớ đất liền ạ...”. Tôi há hốc mồm, đầu óc cứ căng ra, cố lực tìm trong trí nhớ nhưng lại chẳng nghĩ ra được một câu hát gì (?!). “Chiến sĩ rau” giục: “Bài dân ca tự chế hôm trước nhé!”. Lần đầu tiên trong đời, tôi choàng dậy quanh giường và hát to lên trong phòng tối mấy câu cải biên lời bài dân ca Nam bộ – Hồ thả lưới: “Nhắc ly này, ta cùng nhau chúc/ Lính Trường Sa vui đón Xuân sang/ Hồ ơi.../ Dầu vui vui mấy chớ quên/ Cảnh giác quanh mình/ Chắc nhanh tay súng/ Oí oí là hò/ Thương anh đảo chìm/ Thương anh quá chừng/ Oí hò là hò ơi...”

... Nửa tiếng sau, điện thoại lại réo vang, nhưng lần này lại khác: “Chào anh, tụi em vừa xong phiên trực, mới mở máy ra nghe ghi âm bác hát, giờ yêu cầu bác chịu khó nghe tụi em hát tặng lại nha...”. Chưa kịp lên tiếng thì một nhóm lính đã hát vang lên một bài ca quen thuộc của lính, tôi nghe thấy cả tiếng nấc nghẹn của một ai đó xen lẫn trong tiếng ồn ào sóng vỗ... Nước mắt chảy tràn trên mặt tôi tự lúc nào...



Thực ra từ ngay sau ngày thống nhất, tôi đã có thú sưu tầm ca khúc Việt Nam trong đó có ca khúc Hà Nội. Hết lần mò các sạp sách vỉa hè Sài Gòn, lại đến lục tìm các tủ sách bạn bè Hà Nội, giờ đây tôi là chủ sở hữu khá nhiều văn bản ca khúc. Khi được các anh tín nhiệm, tôi đã thoáng nghĩ trong đầu: “Đây sẽ là một toàn cảnh âm nhạc về Hà Nội từ đầu Tân Nhạc đến nay (ngót một thế kỷ)”. Nhưng tuyển chọn được thì sắp xếp theo kiểu gì? Theo thứ tự tên tác giả a, b, c ... hay theo thời gian lịch sử hoặc theo thời gian xuất hiện tác phẩm? Cả hai cách này đều không tạo nên được sức nặng hơn sức nặng của cuốn sách. Vậy nên sắp xếp thế nào cho hiệu quả? Nhạc sĩ Dương Việt Á đây kinh nghiệm “trận mạc” đưa ra tiêu chí sẽ sắp xếp 1000 bài theo 4 phần: Sử ca, Hùng Ca, Hoan Ca và Tình ca. Ba phần trên đầu sắp xếp theo thời gian lịch sử đất nước, còn phần “Tình ca” thì sắp xếp theo lịch sử Tân Nhạc với những điểm nhấn là những chùm ca khúc của các tác giả viết nhiều về Hà Nội như Đoàn Chuẩn, Nguyễn Văn Quỳ, Phú Quang, Hữu Xuân, Quỳnh Hợp ... Nghe vậy đã thấy nặng nề rồi đấy, nhưng khi bắt tay vào tuyển chọn, tôi chợt nhận ra thiếu một mảng rất quan trọng là mảng các ca khúc thiếu nhi hát về Hà Nội. Tôi thông tin ngay cho “Thầy Á” và ngay tức khắc, phần thứ 5: “Nhi ca” được xác nhận trong tuyển tập. Cứ nghĩ thế là “ok” nhưng khi tuyển chọn tiếp, tôi mới phát hiện ra một điều rằng các ca khúc viết về bốn mùa Hà Nội cực hay và không thể xếp lẫn vào phần nào được, vậy là phần thứ 6: “Mùa ca” được chính thức khai sinh. Như vậy cấu trúc của tuyển tập sẽ gồm 6 phần tức là “lục phổ”, tức là “6 kho tàng âm thanh Hà Nội”. Nghĩ được tới cấu trúc này, đã muốn mừng phát khóc.



Có lẽ trên trái đất này, không có thủ đô của quốc gia nào lại có nhiều ca khúc như Hà Nội. Nói đến “Sử ca” là phải nhắc tới “Truyền thuyết Loa Thành” của Doãn Nho (thơ Đỗ Trung Lai), “Dời Đô” của Nguyễn Tiến Phồng theo Chiếu dời đô của vua Lý Thái Tổ, ca khúc đã đoạt giải nhất giải thưởng hàng năm của Hội Nhạc Sĩ Việt Nam 2009, “Hội nghị Diên Hồng” (thời Trần) của Lưu Hữu Phước, “Thăng Long hành khúc ca” (thời Lê) của Văn Cao, “Gò Đống Đa” (thời Quang Trung) cũng của Văn Cao ... và chợt sừng sững sau ca khúc Tổng khởi nghĩa “19.8” của Xuân Oanh là “Người Hà Nội” vừa hoành tráng vừa hùng tráng của Nguyễn Đình Thi ... Nói đến “Hùng ca” thì cũng không thể nào quên những “Du kích sông Thao” của Đỗ Nhuận, “Trên đường Hà Nội” của Hồ Bắc, “Hà Nội - những đêm không ngủ” của Phạm Tuyên ... Những ca khúc “Sử ca”, “Hùng ca” cứ dạt dào trước bàn làm việc của tôi khi tuyên chọn, ngỡ như chính mình đang sống trong, đang đắm chìm giữa những sự kiện, giữa ngùn ngụt lửa khói ngày ấy.

Ở phần “Hoan ca”, cũng có khá nhiều ca khúc hay mà nếu sắp xếp bên nhau mà không ra thì cũng kém sức nặng, tôi lại chia phần này ra 5 phần nhỏ để có thể sắp xếp. Tất cả những ca khúc nào ca ngợi Hà Nội mà có đầu đề bắt đầu là từ: “Hà Nội” thì được xếp theo thời gian xuất hiện và đặt trong phần gọi là “Hà Nội ca”. Lại da diết những “Hà Nội mùa chim én” của Huy Cường, “Hà Nội mùa vắng những cơn mưa” của Trương Quý Hải ... Tất cả những ca khúc nào ca ngợi Hà Nội mà trong tiêu đề, chữ “Hà Nội” nằm sau thì được đặt vào phần “Ca Hà Nội”. Thật thiết tha như vọng lên “Nhớ về Hà Nội của Hoàng Hiệp, “Trời vào đêm Hà Nội” của Lê Đăng Khoa, “Mãi mãi tuổi thơ tôi Hà Nội” của Nguyễn Cường ... Sau đó là “Hà Nội Sông” với những “Ngẫu hứng sông Hồng” của Trần Tiến, “Bài ca bên sông Hồng” của Huy Du, “Người sông Hồng” của Hồng Đăng ... Tiếp theo là “Hà Nội hồ” với “Chiều Hồ Gươm” của Trần Thụy, “Có một chiều như thế, Hồ Gươm” của Tân Huyền, “Một thoáng Tây Hồ” của Phó Đức Phương, “Gió Hồ Tây” của

Từ Phác ... Và phần sau chót là phần “Hà Nội phố”. Có cảm giác đang ngang dọc qua từng phố cổ khi nghe âm vang trong mình những giai điệu ca khúc “Thành Thị” của Nguyễn Duy Hùng, “Trăng về phố” của Lê Mây (thơ Hiền Mặc Chắt), “Nhịp phố” của Quỳnh Hợp ...

Phần “Mùa ca” có lẽ là phần đặc biệt Hà Nội. Chạm vào thiên nhiên là thấy mình bị hoà tan, bị cuốn theo những “Hạt mưa mùa xuân” của Trương Ngọc Ninh, “Thì thầm mùa xuân” của Ngọc Châu ... Rồi cứ thế cuốn theo “Lời chào mùa hạ” của Nguyễn Cường ... để rồi ngỡ ngàng không tìm được lối về giữa trần trê âm điệu mùa thu Hà Nội như “Nhớ mùa thu Hà Nội” của Trịnh Công Sơn, “Hà Nội mùa thu” của Vũ Thanh ... rồi khẽ kéo vạt áo trong chớm lạnh đông khi thả mình trong “Đêm đông” của Nguyễn Văn Thương, để nghe “Gió mùa về” của Lê Minh Sơn, trong “Những mùa đông yêu dấu” của Đỗ Bảo.

Những tình ca Hà Nội lúc nào cũng thật nồng nàn, thật say đắm. Nào ai biết “Tình ca” của Hoàng Việt đã được ông thực hiện tại căn gác phố Cao Bá Quát giữa mùa xuân 1957. Cũng ở phố ấy, mùa xuân trước – mùa xuân 1956, Đoàn Chuẩn viết “Gửi người em gái miền Nam”. Ai mà không chia sẻ cùng Thế Duy “Môi tình đầu”, không trào lên giữa cơn lũ giai điệu Phú Quang với “Em ơi Hà Nội phố” (thơ Phan Vũ), “Im lặng đêm Hà Nội” (thơ Phạm Thị Ngọc Liên), “Chiều không em” (thơ Nguyễn Thụy Kha) ... và ngân nga trong “Hoa sữa” của Hồng Đăng.

Phần “Nhi ca” được sắp xếp thứ tự theo lịch sử đất nước ở nửa đầu, rồi đến thứ tự mùa và cuối cùng là “hoan ca” của thiếu nhi. Không chỉ trẻ con mà người lớn cũng có thể thả mình hồi nhớ về thời thơ ấu mà mình mãi mãi không bao giờ với tay trở lại được. Nhớ một thời chống Pháp với “Bé đeo ba lô” của La Thăng, một thời chống Mỹ với “Bé bé bằng bông” của Phạm Đức Lộc ... và tràn trề những giai điệu mùa của Mộng Lân, Phan Long, Hoàng Hà, Hoàng Lương, Phạm Tuyên, Cao Minh Khanh, Vũ Trọng Tường ...

Đầu năm 2010, tôi bàn giao cho Nhà Xuất Bản Âm Nhạc tuyển tập này. Ban lãnh đạo rất cảm động nhưng bàn ngay với tôi về việc “xã hội hoá việc in ấn tuyển tập”. Hình như có một cán bộ lãnh đạo cấp thứ trưởng nói rằng cứ cộng nhiều tập sách nhạc lại là sẽ có 1000 ca khúc Thăng Long – Hà Nội. Nghe vậy, tôi biết là “bó tay chằm com” rồi. Tôi quyết định tự mình cùng bạn bè sẽ là “bà đỡ” cho “đứa con tinh thần” này. Tuyển tập với độ dày gần 2000 trang được in 1000 cuốn có đánh số sẽ là 1000 bậc đá bằng âm thanh bước lên đại lễ. Đã có “Chiến tranh nhân dân”, “Ngoại giao nhân dân” thì cũng nên có “Văn hoá nhân dân”. Cái gì cũng muốn nhà nước chăm lo thì đâu còn sự bất ngờ của đời sống nữa. Có người hỏi tôi với số tiền đi vay để thực hiện nhiệm vụ “bà đỡ”, liệu có vấp phải khó khăn gì. Tôi nói rằng cái lãi của tuyển tập này là vô hạn, lãi ngân hàng thăm gì. Đã chịu chơi thì phải chịu chi. Thế thôi.

Để tuyển tập ra đời đúng dịp đại lễ, trong số những cộng sự vô cùng vất vả với tôi phải kể đến nhạc sĩ Văn Tiên. Anh cứ trầm lặng thực hiện công việc biên tập, đối chiếu đến nỗi mắt cả chứng đau mắt. Bên cạnh đấy là nhóm kẻ nhạc do ông Trường chủ trì miệt mài bao ngày đêm. Nhưng rồi mọi gian truân, vất vả cũng qua hết. Và bây giờ, bạn có thể nhẹ nhõm nâng trên tay cuốn sách nặng trọng lượng, nặng tình nghĩa của những người làm ra câu chuyện này.

BÓNG CHIỀU

Đình Nghi



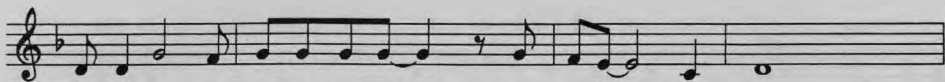
Đậm tình quê đường đê quanh co nghiêng tiếng vọng buồn điệu ru



Giong nỉ non chiều chênh vênh trắng lên khoan nhặt chèo chanh nhó



Chuyện ngày thơ ngủ mơ trên lưng trâu bồng tiếng sáo trưa hè



Mùa lũ chim gò nhau bên kia sông mái tranh nghèo lặn trắng



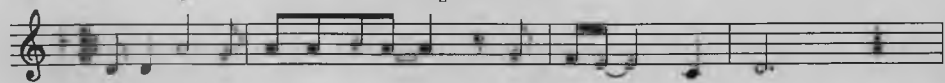
Mẹ Oằn lưng gánh nửa vành hao khuyết ngát xanh đồng lúa
Ngon đèn thao thức cạn giọng nước mắt tóc mẹ bạc trắng



Dịu dàng cơn gió dạt dào sóng vỗ hếp lửa nóng nản
Mặn mà điệu lý đậm đà câu ví



ví 1 thương nhau



Bụi người trông bờ xa xa ngai xa bóng mẹ già chiều xa



Điệu với mong dòng xanh xanh thăm xanh Mát ngọt lành miền xanh

Tự tình đêm Hà Nội

Tự sự - Trữ tình

Nhạc : Ngọc Hiếu
Thơ : Trần Ngọc Trúc

Đêm nay anh đi bên em. Một đêm mùa hè Hà Nội. Gió
từ hồ Gươm thổi tới. Nghiêng nghiêng chiếc lá vàng rơi. Đêm nay anh đi bên
em. Một đêm mùa hè Hà Nội. Ánh mắt nhìn nhau đắm đuối. Trao nhau chiếc hôn ngọt
ngào. Một trời Tổ quốc bao la. Để riêng đêm nay Hà Nội. Bên
em lòng như bối rối, bao năm giờ mới trở về. Vẫn biết bao ngày chia xa, lòng
riêng dâng đầy thương nhớ. Vẫn biết từ trong sâu thẳm, đạt dào khúc hát dân
ca. Đêm nay anh đi bên em. Một đêm mùa hè Hà Nội. Sông
Hồng ngọt ngào mang tới một chùm hương sữa đầy với. Đêm
nay anh đi bên em. Một đêm mùa hè Hà Nội. Hàng
cây thăm thẳm như nói: Yêu em, yêu đến trọn đời.

ĐI CHƠI XUÂN

Nhạc và Lời : Hồ Thanh Hùng

Hard Rock

Ta đi chơi xuân vui cùng bạn bè
say. Hôm nay vui xuân nhắc lại nhiều điều
vui. Đây xuân ơi. Xuân cùng ta vui đùa.
Đây xuân ơi. Xuân cùng ta vui say nồng.
Đây xuân ơi. Xuân cùng ta vui đùa vui
Đây xuân ơi. Xuân cùng ta vui đùa vui
luôn vui đùa cùng bạn bè trong nắng. Đây xuân ơi.
bên mai vàng cùng bạn bè vui chúc. Đây xuân
Xuân cùng ta vui đùa. Đây xuân
Xuân cùng ta vui đùa. Đây xuân
Xuân cùng ta vui đùa xuân. Đây xuân
Xuân cùng ta vui đùa xuân. Đây xuân
Xuân cùng ta vui đùa xuân. Đây xuân
Hôm nay chơi xuân gặp lại bạn bè, rất
vui. Hôm nay vui xuân họp mặt bạn bè, quá
2. trong nắng mới. Mùa xuân.



Họa sỹ - Nhiếp Ảnh NGUYỄN LAI
Cõi lặng





TRĂNG HẠ HUYỀN

Chất liệu: Sơn dầu

Kích thước: 100cmX100cm



CHIỀU TRÊN PHÁ TAM GIANG III

Chất liệu: Sơn dầu

Kích thước: 100cmX100cm



TĨNH VẬT

Chất liệu: Tranh dán giấy

Kích thước: 60cm X 80cm

Họa sỹ Nguyễn Đăng Lợi



HOA XUÂN

Chất liệu: Sơn dầu

Kích thước:
50cm X 50cm

PHỐ ĐÊM

Chất liệu: Acrylic
Kích thước:
80cm X 80cm



Họa sỹ Trần Ngọc Thái Anh

NHỊP SỐNG

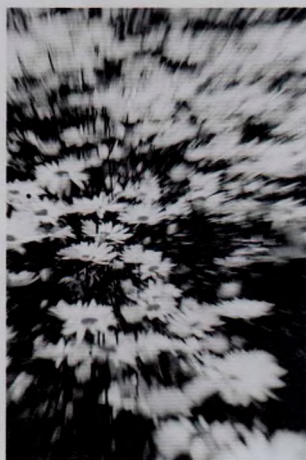
Chất liệu: Sơn dầu
Kích thước:
80cm X 80cm



Nghệ sỹ Nhiếp ảnh MPK

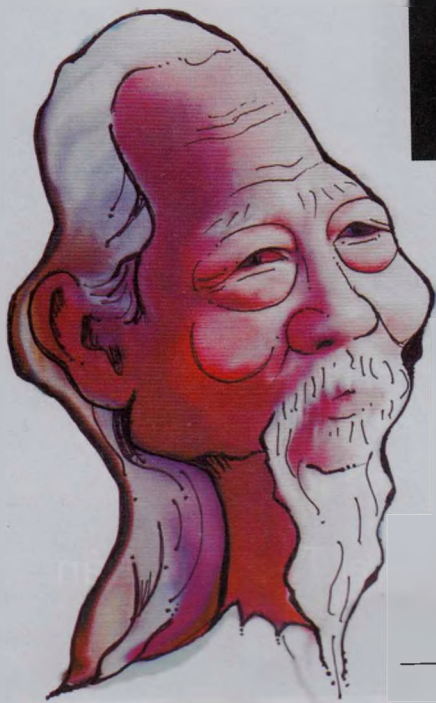


1	2
3	4



1. *Tĩnh vẻ*
2. *Tĩnh Trào*
3. *Tĩnh say*
4. *Tĩnh mộng*

Tranh Hý họa của họa sỹ LOG



Nghệ sỹ nhiếp ảnh
VÕ AN NINH

Họa sỹ
ĐẶNG NGỌC TRẦN



Mặt nạ Tuồng
Cung đình Huế
qua nét vẽ của
Nghệ sĩ ưu tú
LA CHÁU



Vai Tạ Ngọc Lân

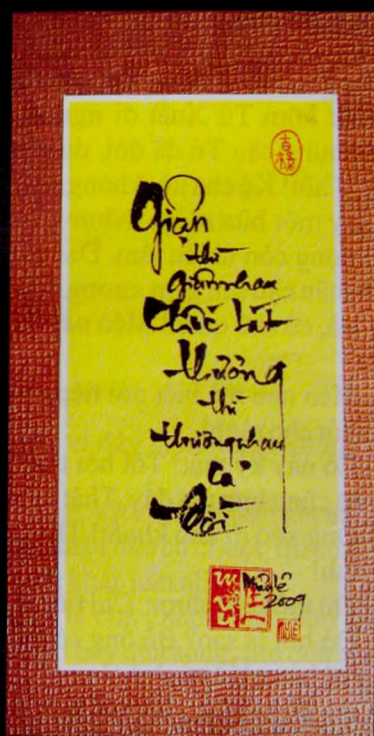
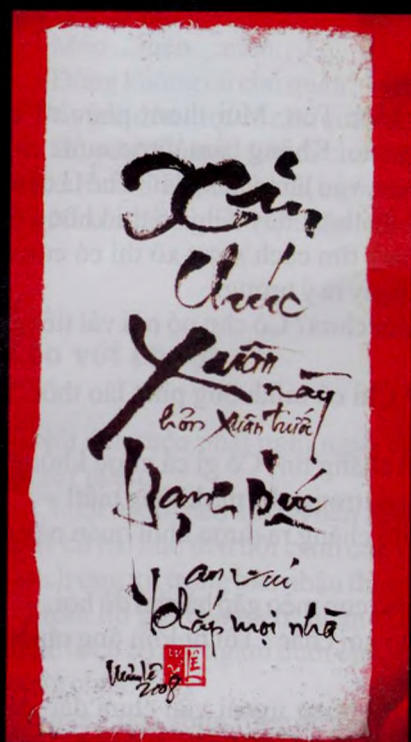


Vai Châu Xương



Vai Trương Dụng

Thư pháp MƯU LÊ





NĂM MÈO CƯỜI VỚI MÈO

UGNO.VN
(Sưu tầm)

Mèo biết nói

Một hôm Tú Xuất đi ngang quán Mộc Tồn. Mùi thơm phức từ quán thoảng ra, bụng cậu Tú đã đói, dạ càng cồn cào. Không cầm được nước miếng chảy dài, “Thôi! Kệ cha nó, không tiền tính sau, vào làm vài xị đã.” Thế là cậu vào quán no say một bữa ra trò. Nhưng làm sao để thoát đây. Ghi sổ thì không được rồi, vì nợ đọng còn nhiều lắm. Đang loay hoay tìm cách xoay xở thì có con mèo quần quít chân cậu tìm gặm xương. Cậu nảy ngay ra ý tưởng:

- Nè, cô chủ quán! Mèo này đã biết nói chưa? Cô cho nó nói vài tiếng cho vui đi!

- Mèo nào mà biết nói tiếng người? Chỉ có mình ông phét láo thôi. Tính tiền đi rồi rút cho rành!

- Cô này kỳ thật! Tôi hỏi thật mà cô chẳng tin! Có gì cá cược không nè? Mèo của cô cũng biết nói đấy. Thật là có của quý trong nhà mà không biết!

- Ông xéo đi cho khuất! Thiếu tiền thì chẳng ra được khỏi quán này đâu! Liệu mà tính!

- Thì thế cũng được. Chỉ tiếc là tiếc cho con mèo gặp bà chủ dờ hơi.

- Dờ hơi là sao? Bộ ông có tài dạy nó nói chắc? Tôi bị lờm ông nhiều lần rồi. Đừng có hòng lần này!

Cậu Tú vò đầu, bức tai lục lọi các túi trong ngoài vẫn chưa đào đâu ra được tiền. Thấy thế chủ quán bật cười khẩy:

- Biết mà! Tiền đâu có mà lục tìm. Thôi bỏ áo, bỏ dù lại đây xiết nợ. Khi nào có trả cho lại sau.

- Thế cũng được! ... Miu miu! ... Lại đây ông bảo!

Con mèo lục tục đến bên lão Tú. Cậu vuốt ve nựng yêu:

- Thì chịu ở với bà chủ ngọc này vài hôm đi con. Vài ngày nữa cậu đến thăm chơi.

- Tui ngọc thì chắc ông sáng? Ông bảo nó nói vài tiếng tui nghe coi! Nó nói được thì tui đi đầu xuống đất.

- Sao dễ thế! Không những nói được mà còn biết trả lời chính xác các câu hỏi của người nữa chứ!

- Lỡm!
- Mà nó trả lời tôi đúng thì sao nào?
- Thì coi như tôi xí cho ông bữa nhậu này!
- Thiệt nghe! Có con mèo làm chứng!
- Mà nó không nói được thì đừng hồng!

Thế là cậu Tú xốc con mèo lên tay, vuốt ve nựng nịu một hồi rồi quay sang cô chủ:

- Cô nói giữ lời đấy nhé. Nếu cô bảo nó nói sai thì phải đưa ra bằng chứng. Chịu chưa?

- Chịu!

- Cô nghe đây, tôi hỏi và con mèo trả lời nè! “Cái... Cái ấy... ấy của cô chủ quán tròn hay méo? Trả lời cho cô chủ nghe đi!”

Cậu Tú xốc ngược hai tai mèo, nhắc bổng lên, tay kia véo mạnh vào đít. Con mèo đau điếng:

- Méo... méo... méo... Ừ... ừ... ừ...

- Đúng không cô chủ quán? Méo hay tròn? Con mèo nói có đúng không?

Bây giờ đến lượt cô chủ quán đồ mặt:

- Đồ yêu! Đồ qui! Cút đi cho rảnh.

Tú Xuất nhe răng hì hì, bước ra khỏi quán:

- Xí xóa hết nghe! Hẹn gặp lại! Bái bai! See you again!

Mèo với chuột

Nói đến mèo phải nghĩ ngay đến chuột, vì đây là một cặp không bao giờ tách rời nhau.

Chuột ngán mèo xơi tái nên luôn đề phòng. Và vì thế, chuột kết bạn với cò rất thân để có lúc nhờ đến đôi cánh của bạn. Bàn nhậu nào có chuột thì cũng có cò, nhưng cách ứng xử trong bàn nhậu thì cò và chuột khác hẳn nhau.

Hôm đó giỗ cha mèo, nhận được nhiều lễ của chuột, mèo làm tiệc mời chuột. Thế là cò có dịp ngậm đuôi chuột, công bạn bay qua sông, tìm đến nhà mèo, cả hai cùng chén.

Ngang qua sông rộng, khung cảnh hữu tình, cò quên hẳn mình đang cắp chuột, cất giọng hát vang:

- Cò ...cò...cò...

Thế là chuột rớt tòm xuống sông. Vốn không biết bơi, chuột ngụp xuống, trôi lên sắp tong đời. Cò biết lỗi của mình, lượn vòng, sà xuống mấy bận, chúi mỏ gấp, gấp mãi mới túm được chuột bay tiếp đến nhà mèo. Khi chuột đã hong khô mình mấy, mèo mời hai bạn vào bàn tiệc.

Vốn keo kiệt, mèo chuẩn bị mồi chẳng có gì ngoài mấy miếng thịt bầy nhầy. Chuột phần nhường cho mèo, phần sợ mau hết mồi, chỉ ngồi uống, không dám gấp. Được thế, cò tha hồ gấp mồi xơi,... gấp mãi,... gấp rồi gấp... gần hết cả đĩa mồi, bất kể mấy cái liếc mắt cảnh báo của chuột. Sau mấy lần tiếp mồi, mèo đã bực mình về người bạn không mồi, do chuột dẫn đến ăn theo. Tinh ý, chuột kể lại chuyện bị rơi xuống sông nhắc khéo cò:

- Hồi nãy rơi xuống sông, tui uống đầy bụng, lạnh và sợ khiếp. Anh cò quay mấy vòng, gấp rồi gấp, gấp mãi, gấp mãi. Tui thì uống chết cha, còn anh cứ gấp,... cứ gấp.. Tui chưa có miếng nào vào bụng, chỉ nước là nước, thấy anh gấp mãi phát tức. Người tui trơn dính nước càng trơn. Anh gấp mãi, gấp mãi, tui khiếp anh rồi.

Cò hiểu ý, không gấp nữa. Đĩa mồi còn mãi không vơi.

Mèo tâm đắc thằng bạn chuột lém, nghe răng cười me...o...meo, me...o...meo, me...o...meo..., khoái chá rung đùi vuốt râu sột soạt.

Mèo và chó

Một ông giáo về hưu trong nhà có nuôi một con chó và một con mèo làm bạn. Cứ mỗi buổi sáng ông ra sân hóng nắng, con mèo và con chó đều theo. Hôm ấy có người bạn cùng trường cũ đến chơi. Tần ngần trước cổng mấy lượt, ông bạn rồi cũng mạnh dạn bấm chuông báo tin.

Con chó nghe tiếng chuông, xồng xộc phóng ra ngõ, sủa vang, nghe hàm răng nhọn hoắc chia về người đàn ông lạ đứng phía ngoài cổng. Con mèo cũng theo sau ngheo ngheo đồng tình. Ông giáo nheo mắt thấy người quen, xịt xịt con chó rồi nói với ra người bạn.

- Quý hóa quá. Lâu rồi ngọn gió nào đưa Bác tới đây. Không có răng mô! nó sủa rủa thôi! Vô đây đi! Không có răng mô!

Người bạn chần chừ một hồi, nghĩ bụng:

- Đồ đều! Đồ ba xạo! Hai hàm răng nhọn hoắc như hai bàn chông, rủa mà nói không có răng mô, không có răng mô...

Ông giáo vồn vã mở cổng, kéo ông bạn vào nhà.

Qua mấy chén đã sương sương, chủ nhà thấy ông bạn đỏ tai, mắt lơ lơ có ý chuyển sang dùng trà.

Đến lượt người bạn, sau mấy cốc rượu cụng ly rôm rả, ông đã hiểu ngôn ngữ chủ nhà người Huế, vỗ vai ông giáo thỉnh thịch:

- Không răng mô! Không răng mô. Tủi phùng tri kỷ thiên bôi thiếu. Mới mấy chén chẳng sao! Bác rót nữa đi! ...Nô pho**...!

Rồi hai ông già ôm nhau cười ha ha.

Con chó lúc này cũng vui lây, tru lên nhè nhẹ “giàu...giàu...giàu...”

Con mèo cãi lại “nghèo...nghèo...nghèo”

Hai ông già có một bữa say tới bến.



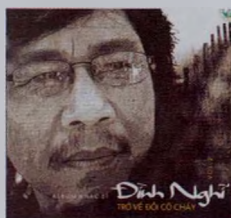
Mời quý vị và các bạn tham gia
KHÁT VỌNG MÙA HẠ
và **TRỊNH CÔNG SƠN**

Chủ đề:

- Viết về tình yêu, quê hương, đất nước và mùa hạ
- Viết về những kỷ niệm, hoài ức, cảm nhận với TRỊNH CÔNG SƠN nhân dịp kỷ niệm 10 năm ngày mất của nhạc sỹ.

Bài viết thống nhất một font chữ Times New Roman.
Hình ảnh, tư liệu, bài viết gửi về:

Email: **tskhatvong@gmail.com**
Thời gian cuối cùng nhận bài: **10/02/2011**



TRỞ VỀ ĐÔI CỎ CHÁY là album ca khúc thứ hai của nhạc sĩ Đinh Nghĩa vừa ra mắt đã được công chúng yêu âm nhạc trong nước đón nhận. Cách đây không lâu, anh đã có album ca khúc **LỜI RU TRONG MƯA** dành riêng cho giọng ca Nguyên Thảo, còn hôm nay với album **TRỞ VỀ ĐÔI CỎ CHÁY**, nhạc sĩ Đinh Nghĩa mang đến cho người nghe một cảm xúc mới hòa quyện giữa thi ca và âm nhạc, giữa đất trời cao nguyên với trái tim rung động của người nghệ sĩ đã hơn nửa đời người gắn bó với thành phố ngàn hoa này.



THỨC VỚI MẶT TRỜI là tập thơ riêng thứ ba của nhà thơ Phú Đại Tiềm. Đây là một ấn phẩm in đẹp, được trình bày trang nhã đi kèm với những bài thơ có nhiều chuyển biến trong sáng tác của anh. Bên cạnh những bài thơ viết về quê hương, tình yêu đôi lứa, anh dành nhiều tình cảm cho những đứa cháu nội, cháu ngoại thương yêu của mình với một giọng thơ đầy truyền cảm. Đọc thơ Phú Đại Tiềm hôm nay càng hiểu hơn sự trăn trở của anh với cuộc đời.



TIẾNG CHUÔNG CHIỀU của nhà văn Ngũ Hành Sơn là một tập truyện ngắn được anh tập hợp lại sau hơn mười năm sáng tác. Bằng sự rung cảm chân thành từ cuộc sống đầy ắp những bi hài, Ngũ Hành Sơn đã tái dựng lại nhiều tình tiết cho những tác phẩm văn xuôi của mình. Đó là sự yêu thương vô bờ bến với các mảnh đời còn khó khăn giữa đời thường, là những sẻ chia những thân phận người đang vượt lên để tồn tại. Hy vọng những truyện ngắn của anh sẽ mang đến cho người đọc một sự đồng cảm trong ngày xuân mới.



Tập thơ **NGỰA NÚI** của nhà thơ Trần Hoàng Vũ Nguyên đến với người đọc thật bất ngờ với những cách nghĩ táo bạo, quyết liệt trong tình yêu của một nhà thơ trẻ. Chịu khó cách tân, chọn lựa ngôn từ thích hợp và bức phá trong tư duy đã mang đến cho Vũ Nguyên những câu thơ hay, ấn tượng. Tập thơ như một thông điệp của giới trẻ khi nghĩ về thế hệ của mình, nghĩ về trách nhiệm của người cầm bút hôm nay, không chịu dừng lại những gì đã có, mà quyết tâm vươn tới, đổi mới làm cho thơ Việt gần hơn với thời đại.

N HÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

62 Bà Triệu - Hà Nội - ĐT: (84.04) 38229413

Fax: 04.39436024. Email: nxbthanhnien@vnn.vn

Chi nhánh: 270 Nguyễn Đình Chiểu P.6 Q.3 TP.Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 2907317 - 39302098 - Fax: (08) 39305243

KHÁT VỌNG MÙA XUÂN

Nhiều tác giả

Chịu trách nhiệm xuất bản

MAI THỜI CHÍNH

Biên tập

CÔNG BÌNH - NGUYỄN TRƯỜNG

Trình bày:

THÁI ANH

Tranh bìa 1:

NGUYỄN ĐĂNG LỢI

Tranh bìa 4:

TRẦN NGỌC THÁI ANH

Sửa bản in:

PHAN CƯ - NGUYỄN VĂN UÔNG

TRỌNG SƠN - TRỌNG VĂN

In 1000 cuốn, khổ 16X24cm tại XN In bản đồ Đà Lạt

Giấy ĐKKHXB Số 293 - 2010/CXB/592 - 09/TN.

Quyết định xuất bản số 654/QĐ - TN - CN

In xong và nộp lưu chiểu 01/2011

Giá 30.000 VNĐ

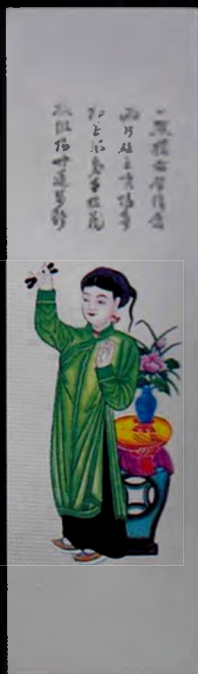
TRANH Dân Gian VIỆT NAM



Tranh Làng Sinh



Tranh Đông Hồ



Tranh Hàng Trống

DC850
KH110V

NHIỀU TÁC GIẢ



KHÁT VỌNG

Mùa Xuân



NXB Thanh Niên



TRẦN NGỌC THÁI ANH
 HOÀNG VĂN BÌNH
 LÊ ĐÌNH CẢNH
 LA CHÁU
 PHAN CƯ'
 BÙI VĂN DUNG
 KHẮC DŨNG
 NGUYỄN HƯNG HẢI
 TRẦN NGỌC HIỆP
 NGỌC HIẾU
 TRỊNH BỬU HOÀI
 HỒ THANH HÙNG
 TRẦN THANH HÙNG
 TRƯƠNG XUÂN HUY
 MPK
 LÊ QUANG KẾT
 NGUYỄN MAN KIM
 NGUYỄN THỤY KHA
 NGUYỄN HUY KHUYẾN

NGUYỄN LAI
 MINH LÂN
 MƯU LÊ
 NGUYỄN THỊ KIM LIÊN
 LOG
 TRẦN HỮU LỤC
 BÙI LƯƠNG
 NGUYỄN ĐĂNG LỢI
 PHAN NGUYỄN MẮN
 LÊ HUY MAU
 HỒ MINH
 NGUYỄN THANH MỪNG
 PHAN ĐỨC NAM
 NGUYỄN THỊ KIM NGÂN
 HUY NHIÊN
 HOÀNG KIM NGỌC
 ĐÌNH NGHÌ
 PHƯƠNG NGUYỄN
 TRẦN HOÀNG VŨ NGUYỄN
 NGUYỄN MẠU PHÁP

TÔN PHONG
 NGUYỄN NGỌC PHÚ
 NGUYỄN HỮU QUÝ
 NGUYỄN HẠNH SƠN
 THÂN TRỌNG SƠN
 PHÚ SÁI TIỀN
 BÙI PHƯƠNG THẢO
 BẢO THANH
 TRẦN SĨ THỦ
 PHẠM TÂM TỎ
 TRẦN NGỌC TRẠC
 NGUYỄN HỮU TRẠNG
 ĐẶNG HẢI TRỆT
 NGUYỄN CẨM TÚAN
 NGỌC TUYẾT
 TRẦN TRỌNG MỸ
 DUNG THỊ LÂN
 PHẠM VŨ
 NGUYỄN VĂN LONG